

3V NGUYỄN SĨ CẦN
NGUYỄN QUỐC TÚY
VŨ NGỌC KHÁNH



thuongmaithuongxua.vn

Văn 8

TẬP HAI



NGUYỄN SĨ CẦN – NGUYỄN QUỐC TUY
VŨ NGỌC KHÁNH

VĂN 8

TẬP HAI

(In lần thứ 2)

thuongmaitruongxua.vn

3V/G90



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC – 1990

CÁC KÍ HIỆU TÙNG TRONG SÁCH	
Nội dung	Kí hiệu
I - Chủ giải	I
II - Hướng dẫn đọc	II
III - Hướng dẫn tìm hiểu bài	III
IV - Luyện tập	IV

Biên soạn:
NGUYỄN SĨ CẦN - NGUYỄN QUỐC TỬY
VŨ NGỌC KHÁNH

Biên tập:
NGUYỄN NGỌC KHÁNH
Trình bày bìa và minh họa:
ĐỖ PHẤN
ĐẶNG XUÂN HÒA

Biên tập kĩ thuật:
VŨ THÁI HÀ
Sửa bản in:
LÊ NHƯ HÀ

PHẦN MỘT

VĂN THƠ VIỆT NAM

CHƯƠNG I

VĂN THƠ GIAI ĐOẠN 1930 - 1945

BÀI 15

NHẬT KÍ TRONG TỪ

HỒ CHÍ MINH

Giới thiệu sơ lược tác giả và tác phẩm

Tác giả: Chủ tịch Hồ Chí Minh (1890-1969) sinh ngày 19-5-1890 tại làng Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An (nay thuộc tỉnh Nghệ Tĩnh). Người suốt đời phấn đấu hi sinh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc và sự nghiệp cách mạng vô sản thế giới. Chủ tịch Hồ Chí Minh không những là vị lãnh tụ cách mạng vĩ đại mà còn là một nhà văn, nhà thơ lớn. Ngoài n'ong văn kiện chính trị quan trọng. Người còn để lại cho chúng ta nhiều tác phẩm văn thơ thuộc nhiều loại thể: thơ ca, truyện và kí, kịch, nghị luận... Những tác phẩm chính của người có: *Bản án chế độ thực dân Pháp, Nhật kí trong tù, Thơ Hồ Chí Minh, Truyện và kí v.v...*

Tác phẩm: Tháng 8 năm 1942 trên đường đi công tác, đi từ Cao Bằng sang Trung Quốc, Bác Hồ bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt và giải tới giải lui hơn một năm trời qua mấy chục nhà lao tỉnh Quảng Tây. Nhật kí trong tù là một cuốn nhật kí bằng thơ chữ Hán (Ngao trung nhật kí) gồm hơn một trăm bài Người viết trong cảnh lao tù nói trên từ mùa thu 1942 đến mùa thu 1943.

KHÔNG NGỦ ĐƯỢC

Một canh... hai canh... lại ba canh ⁽¹⁾.
Trên trời, bốn khoản giấc ⁽²⁾ chẳng thành.
Canh bốn, canh năm vừa chợp mắt,
Sao vàng năm cánh mộng hồn quanh ⁽³⁾.

NGÂM TRĂNG

Trong tù không rượu cũng không hoa,
Cảnh đẹp đêm nay, khó hững hờ.
Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ,
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.

HỒ CHÍ MINH

(Trích Nhật kí trong tù)

I - 1. Canh: một phần thời gian của đêm. Ngày xưa chia một đêm ra 5 canh: canh một, canh hai, canh ba, canh tư, canh năm (Cả đạo: Canh một đọn vừa đọn nhà, Canh hai dẹt vút, canh ba đi nằm...), 2. Giấc: giấc ngủ. 3. Sao vàng năm cánh mộng hồn quanh: hồn cứ luân quần mơ thấy hình ảnh sao vàng năm cánh trên là cơ cách mạng (hay là cơ nước).

II - Bài thơ nhất miêu tả tâm tư, tình cảm của Bác Hồ trong một đêm không ngủ được. Đọc thông thả, rõ ràng.

giọng thiết tha, cảm động, nghỉ hơi theo nhịp điệu 2-2-3, đặc biệt câu 1 nghỉ hơi lâu hơn sau mỗi nhịp có dấu chấm lửng.

Bài thơ hai miêu tả tình cảm và tâm trạng của Bác Hồ, mặc dù bị giam trong nhà lao chật hẹp tù túng, nhưng Bác vẫn ung dung thanh thản ngắm cảnh trăng đẹp ngoài trời. Đọc thông thả, khoan thai. Hai câu cuối nhấn vào những từ ngữ đối nhau, miêu tả nhà thơ và trăng: Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ. Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.

III - Bài Không ngủ được

1. Em có nhận xét gì về cách ngắt nhịp 2-2-3 và dấu chấm lửng ở câu 1?

2. Hình ảnh «Sao vàng năm cánh» hiện ra khi Bác vừa chợp mắt biểu hiện tâm tư tình cảm gì của Bác?

Bài Ngâm trăng

1. Cảnh trong nhà lao như thế nào? Tình cảm, tâm trạng của Bác Hồ trước cảnh đẹp đêm trăng ra sao? Vì sao như vậy?

2. Cách nhân hóa trăng và cách đối ý ở hai câu 3, 4 có tác dụng như thế nào đối với nội dung ý nghĩa câu thơ?

IV - 1. Đọc diễn cảm hai bài thơ và học thuộc lòng

2. Bài tập viết ngắn: Trong hai bài thơ trên, em thích bài thơ nào? Vì sao?

BÀI 16

ĐI ĐƯỜNG

Đi đường mới biết gian lao.

Núi cao rồi lại núi cao trập trùng ⁽¹⁾;

Núi cao lên đến tận cùng,

Thu vào tầm mắt muôn trùng nước non.

CHIỀU TỐI

Chim mới về rừng tìm chốn ngủ,
Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không;
Cỏ em xóm núi xay ngô tối,
Xay hết, lò than đã rực hồng.

HỒ CHÍ MINH

(Trích Nhật ký trong tù)

I - 1. Trớp trúng: cao thấp nối tiếp nhau.

II - Theo Trần Dân Tiên kể trong Những mâu thuẫn về đời hoạt động của Hồ Chí Minh thì Bác Hồ bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt và giải đi qua gần ba mươi nhà tù: "Mỗi buổi sáng, gà gáy đầu người ta giải Cụ Hồ đi. Mỗi buổi chiều khi chim về tổ, người ta dừng lại trong một địa phương nào đó, giam Cụ Hồ vào trong xà lim trên một đồng rạ bừa, không cho trời cho Cụ nghỉ. Hai bài thơ trên được sáng tác trong hoàn cảnh Bác Hồ bị giải đi như vậy."

Bài Đi đường nói lên cảnh đi đường gian lao và tư tưởng, thái độ của người đi đường (tức Bác Hồ) trước thử thách. Đọc bài thơ thông thả rõ ràng nhận vào những điệp ngữ và hai câu cuối.

Bài Chiều tối tả cảnh buổi chiều tối trên đường đi, bộc lộ cách nhìn cảnh vật rất lạc quan của tác giả. Đọc bài thơ thông thả, giọng nhẹ nhàng, ngắt giọng theo nhịp 2 - 2 - 3, chú ý làm nổi hình ảnh trong câu thứ tư: Xay hết, lò than đã rực hồng.

III - Bài Đi đường

1. Đường đi đầy khó khăn, gian khổ nhưng tinh thần của Bác Hồ trước thử thách ra sao?

2. Tìm hiểu ý nghĩa hai câu thơ:

Núi cao lên đến tận cùng,

Thu vào tầm mắt muôn trùng nước non.

Bài Chiều tối

1. Bác Hồ làm bài thơ Chiều tối trong hoàn cảnh như thế nào? Bức tranh phong cảnh đã được Bác phác họa trong bài thơ ra sao?

2. Theo ý em, hình ảnh nào làm nổi bật ý nghĩa cả bài thơ? Vì sao?

IV - 1. Học thuộc lòng hai bài thơ.

2. Tìm đọc đoạn văn kể lại chuyện Bác Hồ bị giải qua hàng chục nhà lao trong cuốn sách Những mâu thuẫn về đời hoạt động của Hồ Chí Minh (Trần Dân Tiên).

BÀI 17

ĐI NAM NINH

Hôm nay xiềng xích thay dây trói,
Mỗi bước lạng lạng tiếng ngọc rung ⁽¹⁾;
Tay bị tỉnh nghĩ là gián điệp ⁽²⁾
Mà như khánh tướng ⁽³⁾ về ung dung.

NGHE TIẾNG GIÃ GẠO

Gạo đem vào giã, bao đau đớn,
Gạo giã xong rồi, trắng tựa bông.
Sống ở trên đời người cũng vậy:
Gian nan rèn luyện mới thành công.

HỒ CHÍ MINH

(Trích Nhật ký trong tù)

I - 1. Tiếng ngọc rung: (nguyên tác là tiếng vòng ngọc) ở đây ý nói: mỗi bước đi, tiếng xiềng sắt kêu lạng lạng như tiếng vòng ngọc. 2. Gián điệp: kẻ do địch tung vào

đề đo tằm tình hình trong nước và đề phá hoại. 3. *Khôn ngoan*: chỉ các quan to, giữ chức vụ quan trọng trong triều đình phong kiến.

II - Bài *Đi Nam Ninh* tả cảnh người tù bị giải đi, tay chân mang xiềng xích cực nặng, nhưng giọng thơ vui đùa. Đọc với giọng vui đùa, di dôm.

Bài *Nghe tiếng gào gao* là một bài thơ có ý nghĩa giáo dục rút ra từ một sự việc cụ thể. Đọc thông thả, rõ ràng ngắt giọng từng câu theo nhịp 4-3.

III - Bài *Đi Nam Ninh*

1. Theo em, giọng thơ ở bài này như thế nào? Căn cứ vào đâu mà em nhận ra điều đó?

2. Em hãy tả lại hình ảnh Bác Hồ mà em tưởng tượng qua bài thơ.

Bài *Nghe tiếng gào gao*

1. Hai câu 1, 2 nói về việc gào gao có đúng sự thực không? Hãy nhận xét về cách diễn đạt của tác giả trong hai câu thơ đó.

2. Từ hạt gạo tác giả liên hệ đến vấn đề gì về phẩm chất con người? Tìm ý nghĩa giáo dục của bài thơ?

3. Em có nhận xét gì về nghệ thuật biểu hiện (tả thực kết hợp với so sánh) trong bài thơ?

IV - 1. Học thuộc lòng hai bài thơ.

2. Em có biết bài thơ nào trong *Nhật kí trong tù* miêu tả cảnh người tù bị trói chân tay với giọng thơ trào lộng, di dôm tương tự như bài *Đi Nam Ninh* không?

BÀI ĐỌC THÊM

(Trích *Nhật kí trong tù* - HỒ CHÍ MINH)

ĐÊM LẠNH

Đêm thu không đệm cũng không chăn,
Gối quắp, lưng còng, ngủ chẳng an;

Khóm chuối trắng soi càng thấy lạnh,
Nhòm sông, bắc đẩu đã nằm ngang⁽¹⁾.

TRÊN ĐƯỜNG ĐI

Mạc dù bị trói chân tay,
Chim ca rộn núi, hương bay ngọt rừng;
Vui say, ai cấm ta dừng,
Đường xa âu cũng bớt chông chênh hừ.

NGƯỜI BẠN TỪ THỜI SÁO

Bỗng nghe trong ngục sáo vi vu,
Khác nhạc tình quê chuyển điệu sầu;
Muôn dặm quan hà⁽²⁾ khôn xiết nỗi,
Lan lâu, ai đó ngóng trông nhau.

LÍNH NGỤC ĐÁNH GẬP MẶT CHIẾC GÀY

Suốt đời ngay thẳng lại kiên cường,
Đuôi dật nhau đi mấy tuyết sương⁽³⁾;
Giận kẻ bất lương gây cách biệt,
Hạt ta đồng đặc nỗi buồn thương.

MỜI RA TỪ TẬP LEO NÚI⁽⁴⁾

Núi áp ôm mây, mây áp núi
Lòng sông gương sáng, bại không mờ.
Bồi hồi dạo bước Tây Phong Lĩnh,
Trông lại trời Nam, nhớ bạn xưa.

Chú giải

1. Ý nói đêm sắp tàn. 2. Quan hà: cửa ải và sông, ý nói xa cách. 3. Tuyết sương: chỉ những đêm tháng gian lao. 4. Bài này không có trong tập *Nhật kí trong tù*. Bài viết sau khi đã ra tù.

Gợi ý

Bài 1: Tả cảnh sống thiếu thốn khổ cực trong nhà tù.

Bài 2: Bài thơ nói lên tình thần lạc quan cách mạng của Bác Hồ. Mặc dù bị trời giải đi, Bác Hồ vẫn say sưa ngắm cảnh trên đường.

Bài 3: Qua một tiếng sáo của người bạn tù nói lên trong nhà lao, Bác Hồ cảm nhận được nỗi lòng người bạn tù nhớ nhà, nỗi lòng người vợ nơi quê nhà xa cách trông mong chồng. Và nhà thơ cũng bộc lộ nỗi nhớ nhung đất nước của mình.

Bài 4: Tình cảm của Bác Hồ không phải chỉ dành cho người, cho cảnh, mà còn dành cho cả những vật vô tri đã từng "sống" quen thuộc, thân thiết với mình. Bài thơ bộc lộ tình cảm nhớ tiếc chiếc gậy đi rừng là "bạn đường" của Người, nay bị đánh cắp mất, "của chàng đáng bao nhiêu nhưng tình thì rất nặng" (Trần Huy Liệu).

Bài 5: Sau khi ở tù ra, mắt kém và chân yếu đi, Bác Hồ "ra sức tập leo núi, tập nhìn vào bóng tối v.v. quyết tâm chữa cho khỏi bệnh chân và bệnh mắt" (Nhưng màu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chí Minh). Bài thơ trên gợi ra hình ảnh tác lòng lộng giữa cảnh thiên nhiên sống núi hùng vĩ và trong sáng, lòng hướng về đất nước.

BÀI 18

TỪ ẤY

Giới thiệu sơ lược tác giả và tác phẩm

Tác giả: Tố Hữu tên là Nguyễn Kim Thành, sinh năm 1920 tại Thừa Thiên (nay thuộc tỉnh Bình Trị

Thiên). Ông làm thơ từ khi còn là một học sinh hoạt động cách mạng ở Huế và cho đến nay. Thơ Tố Hữu được nhiều người ưa thích. Các tập thơ chính của ông: *Từ ấy*, *Việt Bắc*, *Gió lộng*, *Ra trận*, *Máu và hoa*.

Tác phẩm: *Từ ấy* là tập thơ đầu của Tố Hữu gồm có 71 bài đã được đăng rải rác trên báo chí trong 10 năm (1937 – 1946) và chia làm 3 phần: *Máu lửa*, *Xiềng xích*, *Giật phông*. Hai bài thơ *Khi con tu hú* và *Con chim của tôi* dưới đây được sáng tác vào thời kì Tố Hữu bị đế quốc bắt giam, sau được in trong phần *Xiềng xích*: bài *Từ ấy* in trong phần *Máu lửa*.

KHI CON TU HÚ (1)

Khi con tu hú gọi bầy
Lúa chiêm đương chín, trái cây ngọt dần
Vườn râm dậy tiếng ve ngân
Bắp rây vàng hạt đầy sân nắng đào (2)
Trời xanh càng rộng càng cao
Đột con diều sáo lộn nhào từng không.
Ta nghe hè dậy bên lòng
Mà chân muốn đạp tan phòng, hè ơi! (4)
Ngọt làm sao, chết uất thôi
Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu

Huế, tháng 7 – 1939

TỐ HỮU

1 – 1. Tu hú: tên một loài chim. Loài chim này có đặc điểm là ăn trái cây và hay kêu nhiều vào tháng 3, tháng 4 âm lịch, lúc cuối xuân đầu hè. 2. Bắp: ngô. Đào: màu hồng, đỏ như màu hoa đào. 4. Thời gian làm bài thơ này là tháng 7 – 1939. Lúc này nhà thơ Tố Hữu đang bị giam ở nhà lao, vì thế mới có hình ảnh: "Mà chân muốn đạp tan phòng, hè ơi!"; phòng: ở đây là phòng giam.

II - Bài thơ này được làm theo thể thơ lục bát. Khi đọc đầu ta bức tranh vào hè rộn ràng, tươi vui, no ấm. Nét đặc sắc của bức tranh phong cảnh này là rất sống động. Bởi vậy, khi đọc cần nhấn giọng ở các từ ngữ miêu tả, nhất là các động từ (gọi bầy, đương chín, ngọt dần, dậy tiếng, ve ngân, vàng hạt, lộn nhào...).

Khổ thơ sau biểu hiện tâm trạng ngọt ngào, uất hận, khao khát hoạt động của tác giả. Cần đọc nhấn giọng ở các từ ngữ biểu hiện tâm trạng: muốn đẹp tan phòng, ngọt, cất và lên cao giọng ở câu thơ cuối: «Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu!».

III - 1. Bức tranh phong cảnh tác giả phác họa ở khổ thơ đầu là cảnh gì? Tác giả miêu tả cảnh đó như thế nào, âm thanh, màu sắc, đường nét, nét đặc sắc của cảnh? Những từ ngữ, hình ảnh thơ nào cho ta thấy đây là cảnh vào hè, cảnh mùa hè đang đến, rất sống động?

2. Khổ thơ sau phản ánh tâm trạng, tình cảm gì của nhà thơ? Những từ ngữ, hình ảnh thơ nào biểu hiện tâm trạng, tình cảm ấy? Phân tích giá trị biểu hiện tình cảm của câu thơ cuối: «Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu!»

IV - 1. Đọc thuộc lòng và diễn cảm bài thơ.

2. Ngắm bài thơ (tùy khả năng không bắt buộc).

3. Bài tập viết ngắn: Học tập nghệ thuật miêu tả cảnh vào hè của tác giả ở bài thơ này, em hãy viết một đoạn văn ngắn miêu tả cảnh vào hè ở quê hương em.

BÀI 19

CON CHIM CỦA TÔI

Nó chết rồi, con chim của tôi
Con chim sẻ sẻ⁽¹⁾ mới ra đời!
Hôm qua nó hay còn bay nhảy
Chỉ một ngày giam, đã chết rồi!
Tôi muốn có đơn⁽²⁾ dụ bắt sâu
Nên tôi yêu nó, có gì đâu!
Tình thương vô ý gây nên tội

Tôi đã tù, sao bắt nó tù?

Sao nỡ dủ trong giây phút thời
Bắt con chim nhỏ hèn⁽³⁾ cảm lời.
Sao không thả nó về mây gió
Cho nó say sưa uống ánh trời?

Tôi dẫu dành cơm mớm nó ăn
Đủ làm sao được: thiếu không gian!
Sao tôi không hiểu, sao không hiểu?
Đề tội tình chưa, nó chết oan!

Xà lim số 1 lao Thừa Thiên

Tháng V - 1939

TỐ HỮU

I - 1. Chim sẻ sẻ: tức chim sẻ, giống chim nhỏ, ăn sau họ và ăn thóc gạo, thường hay làm tổ dưới mái nhà.
2. Có đơn (một mình lẻ loi, không người thân thích): ở đây ý nói nhà thơ bị giam ở xà lim nên cô đơn.
3. Hèn: (oán giận) ở đây ý nói con chim nhỏ phải chịu nỗi đau khổ, oan冤枉 vì bị giam cầm không cất được tiếng hát.

II - Bài thơ là lời tâm tình bộc lộ nỗi niềm đau xót, hối hận của nhà thơ về việc bắt «con chim sẻ sẻ mới ra đời» để nuôi làm cho nó chết. Bởi vậy, cần đọc bài thơ với giọng tâm tình, nhỏ nhẹ, trầm lắng. Đối với những câu hỏi tu từ («Sao tôi không hiểu, sao không hiểu?...») cần lên cao giọng ở từ ngữ cuối câu và biểu hiện niềm đau vật, day dứt của tác giả.

Bài thơ được viết theo thể thơ 7 tiếng và mỗi khổ thơ có 4 câu. Cần nghỉ hơi sau mỗi câu và nghỉ hơi dài sau mỗi khổ thơ. Chú ý đọc đúng nhịp thơ (Sao tôi không hiểu/sao không hiểu/Đề tội tình chưa/nó chết oan).

III - 1. Em có nhận xét gì về khổ thơ đầu? (Gợi ý: Nội dung của bốn câu thơ, tình cảm của nhà thơ được biểu hiện trong bốn câu thơ. Tác dụng của việc lặp lại từ ngữ «Nó chết rồi», «đã chết rồi»).

2. Em hiểu thế nào là câu hỏi tu từ? Câu hỏi tu từ «Tôi đã tù, sao bắt nó tù?» nói lên cảm nghĩ gì của nhà thơ? Các câu hỏi tu từ ở khổ thơ thứ 3 và khổ thứ

4 mở rộng thêm cảm nghĩ đó của nhà thơ như thế nào? Em hiểu thế nào về các từ ngữ: «mây gió», «ánh trời», «không gian»? Qua các câu hỏi tu từ và các từ ngữ này, em thấy tác giả muốn nói đến điều gì về cuộc sống về tình thương?

IV - 1. Đọc thuộc lòng và diễn cảm bài thơ

2. Trao đổi ý kiến: Phát biểu cảm tưởng về bài thơ. (Đọc xong bài thơ, em nghĩ gì về «con chim sẻ sẻ mới ra đời», về nỗi niềm và suy nghĩ của nhà thơ? Em có thương con chim non và thông cảm với nhà thơ không? Em thu hoạch được điều gì?

BÀI ĐỌC THÊM

TỪ ẤY

Tà ấy trong tôi lòng nóng hơ
Mặt trời chân lít (1) chót qua tằm
Hồn tôi là một vườn hoa lá
Rất đậm hương và rộn tiếng chim.
Tôi buộc lòng tôi với mọi người
Đề tình trang trải (2) với trăm nơi
Đề hồn tôi với bao hồn khổ
Gần gũi nhau thêm mạnh khối đời.
Tôi đã là con của vạn nhà
Là em của vạn kiếp (3) phôi pha (4)
Là anh của vạn đầu em nhỏ
Không áo cơm, cò bắt cù bơ...

Tháng 7-1938

TỔ HỮU

Chú giải:

1. Chân lít: là phải; nhận thức đúng đắn của con người về thế giới khách quan, về tự nhiên và xã hội; mặt trời chân lít: ở đây là ánh sáng của cách mạng của Đảng, là lí tưởng cộng sản. 2. Trang trải: trải lại, hòa lại, thu xếp thành toàn cho xong; (trắng trải công nợ) ở đây

đồng với nghĩa bóng ý nói đề tình cảm san sẻ với mọi lớp người đau khổ. 3. Kiếp: đời (kiếp người). 4. Phôi pha: (phải nhát đi, tàn lụi đi); ở đây ý nói tàn tạ, khốn cùng. 5. Cò bắt cù bơ: (cò bắt, cò bơ) bơ vơ lang thang, không có nơi nương tựa.

CỢI 9

Bài thơ Từ ấy ngợi ca lí tưởng cộng sản: «Mặt trời chân lít». Bài thơ nói về những thay đổi lớn lao, kì diệu của tâm hồn nhà thơ khi được giác ngộ lí tưởng cộng sản, giác ngộ tình cảm giai cấp vô sản bao la và thần thiết. Có thể nói bài thơ Từ ấy là lời tuyên ngôn của nhà thơ cộng sản Tố Hữu.

BÀI 20

NHỚ RỪNG

(Lời con hổ ở vườn Bách thú (1))

Gặm một khối căm hờn trong cái sắt
Ta nằm dật, trông ngày tháng dần qua
Khinh là người kia ngao man (2), ngàn ngo,
Giương mắt bé giầu oai linh (3) rưng thẳm.
Nay sa cơ, bị nhục nhằn tù hãm
Đề làm trò lạ mắt, thức đồ chơi,
Chịu ngang bầy cùng bọn gấu dở hơi
Vật cạp báo, chường bần vô tư lự (4).

Ta sống mặt trong tình thương nỗi nhớ
Thuở tung hoành hống hách những ngày xưa.
Nhớ cảnh sơn lâm (5), bóng cả, cây già,
Vật tiếng gào gào ngàn, vật giọng nguồn hét núi.
Vật khi thét khạc trường ca (6) đã dột,
Ta hươu chân lén, dong dạc, đường hoàng
Luồn tâm hồn như sóng cuộn nhịp nhàng.
Vòn bóng âm thầm, lá gút, cỏ sắc,
Trung hưng tốt, mặt thần khi đa quốc,

Là khuyển cho một vật dầu trâm hot.
 Ta biết ta chưa tề (7) cả muôn loài.
 Giữa chốn thảo hoa không tên, không tuổi,
 Nào đâu nhưng đêm vắng bên bờ suối
 Ta say mỗi đấng uống ánh trăng tại?
 Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn
 Ta lặng ngắm giang san (8) ta dỗi mới?
 Đâu nhưng bình minh cây xanh nắng gội,
 Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng?
 Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng
 Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt,
 Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật (9)?
 — Than ôi! thời oanh liệt (10) nay còn đâu?

Nay ta ôm niềm uất hận (11) ngàn thâu
 Ghét những cánh không dỗi nào thay đổi
 Những cánh cửa sang, tâm thương, giả dối:
 Hoa chàm, cỏ xén, lối phàng, cây trồng
 Giắt nước đen giả suối, chẳng thông dòng
 Len dưới nách nhưng mô gò thấp kém
 Dăm vầng lá hiến lành, không bị hiểm (12).
 Cũng học dỗi bất chuốc về hoang vu (13)
 Cửa chốn ngàn năm cao cả, âm u.

Hột oai linh, cánh nước non hàng vi (14)
 Là nơi giống hăm (15) thiêng ta ngự trị (16),
 Nơi thần thang ta vung vẩy ngày xưa
 Nơi ta không còn được thấy bao giờ!
 Có biết chăng trong những ngày ngao ngán,
 Ta đương theo giấc mộng ngàn (17) to lớn
 Để hồn ta phảng phất được gần người.
 — Hột cánh rừng ghê gớm của ta ôi!

1934
 THẾ LỮ

1 — Xuất xứ: Bài thơ này rút trong tập *Tất niên Việt Nam* (Hoài Thanh và Hoài Chân biên soạn năm 1941).
 Nhớ rằng được sáng tác vào thời kì đầu của phong trào

thơ mới (1932—1936). Lúc ra đời, cùng với một số bài thơ khác, nó đã góp phần vào việc khẳng định những thành công của thơ mới.

Tác giả: Thế Lữ tên thật là Nguyễn Thứ Lễ, còn có một bút danh khác là Lê Ta, sinh năm 1907, quê ở làng Phú Đông, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh (nay thuộc huyện Gia Lâm, ngoại thành Hà Nội). Ông làm thơ, viết văn từ năm 1932. Năm 1937, ông bắt đầu hoạt động sân khấu. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, ông chuyển hướng sang hoạt động sân khấu là chủ yếu. Hai tập thơ đã xuất bản của ông: *Mây vờn thơ* (1935), *Mây vờn thơ tập mới* (1940). Thế Lữ, bằng những bài thơ của mình, đã góp phần đáng kể vào việc khẳng định giá trị biểu hiện sinh động, đa dạng của thơ mới hồi bấy giờ.

1. Vườn Bách thảo (bách thảo: trăm loài thảo) tên cũ của Vườn bách thảo hiện nay ở Hà Nội (trước kia ở đây có nuôi nhiều loài thú lạ). 2. Ngao man: hỗn xược. 3. Oai linh: (uy linh) uy quyền thiêng liêng, ở đây chỉ uy quyền ghê gớm, đáng sợ của con hổ với tư cách là chúa sơn lâm ở nơi rừng sâu. 4. Vô tư lự: không suy nghĩ. 5. Sơn lâm: rừng núi. 6. Khúc trường ca: (khúc hát dài); ở đây dùng với nghĩa là tiếng gầm kéo dài và âm vang của con hổ. 7. Chầu tề: người đứng đầu, nắm quyền hành tuyệt đối và chi phối một khu vực, một tập đoàn. 8. Giang san: (núi sông) ở đây chỉ núi rừng, nơi con hổ coi như lãnh thổ riêng. 9. Bí mật: (kín, giấu, không công khai) ở đây chỉ dùng với nghĩa là đêm tối, bóng tối. 10. Oanh liệt: hiển hách, lung lẫy. 11. Uất hận: mối tức giận lớn ở trong lòng. 12. Bị hiểm: bị mặt và hiểm hóc. 13. Hoang vu: chỉ nơi bỏ hoang, cây cỏ mọc đầy, con người chưa trồng trọt, khai phá. 14. Hàng vi: to lớn và mạnh mẽ. 15. Hăm: hùm, hổ. 16. Ngự trị: nắm quyền cai trị như một vị chúa tể. 17. Giấc mộng ngàn: ngàn: rừng núi; giấc mộng ngàn: ở đây nói giấc mộng về cuộc sống tự do ở nơi rừng núi.

11 — Cần đọc bài thơ với giọng to (vừa đủ cả lớp nghe), khỏe; thể hiện qua giọng đọc niềm uất hận vì bị giam cầm, lòng nhớ tiếc cuộc sống tự do, làm chúa tể nơi rừng sâu của con hổ trong vườn bách thú. Cần nhấn giọng ở các từ ngữ biểu hiện tâm trạng của con hổ (nắm đất, khinh bỉ, chầu tề, nắm quyền, oai linh, than ôi) nay còn

đau? hỡi, của ta ơi!...) và các từ ngữ miêu tả cảnh vật vườn bách thú với các con vật (gấu đỏ hoạt, cặp báo... vó tu lự) và các sự vật (hoa cẩm, cỏ xén, lối phẳng, cây trồng...), cảnh tự do, làm chúa tể rừng sâu của con hổ (bước chân lên đông dục, đường hoang, Lượn tâm thân như sóng cuộn nhịp nhàng, Vươn bóng âm thầm là gai, cỏ sắc...). Đặc biệt cần lên và xuống giọng đúng ngữ điệu ở hai câu: «Than ôi! thời oanh liệt nay còn đâu?» và «Hỡi cảnh rừng ghê gớm của ta ơi!». Chú ý ngắt giọng sau các dấu phẩy, dấu chấm sau mỗi câu và dùng lại nghỉ hơi sau mỗi đoạn thơ.

III-1. Bài thơ là lời của ai? Cảnh vật ở vườn Bách thú hiện ra dưới con mắt của con hổ như thế nào?

2. Cảnh sống tự do, làm chúa tể núi rừng được con hổ nhớ lại như thế nào? (Gợi ý: Con hổ nhớ những hình ảnh gì, nổi nhớ đó như thế nào? Ngoài nỗi nhớ trong tâm trạng con hổ còn có nỗi niềm gì nữa?)

3. Qua lời con hổ (với bức tranh cảnh vườn Bách thú, cảnh rừng lúc nó sống tự do, làm chúa tể và tâm trạng của nó), em thấy tác giả muốn nói đến vấn đề gì (về xã hội, về cuộc sống lúc bấy giờ)?

4. Em có nhận xét gì về nghệ thuật miêu tả cảnh vật và biểu hiện tâm trạng ở bài thơ này? (Gợi ý: Nghệ thuật lựa chọn đề tài và miêu tả hình ảnh, chỉ tiết nghệ thuật dùng từ, dùng các biện pháp tu từ).

IV-1. Đọc thuộc lòng và diễn cảm bài thơ.

2. Vẽ tranh minh họa bài thơ (tùy khả năng, không bắt buộc).

3. Ngâm bài thơ (tùy khả năng, không bắt buộc)

BÀI ĐỌC THÊM

MÙA XUÂN CHÍN

Trong làn nắng ửng: khói mơ tan
Đốt mắt nhà tranh lửa tím vàng
Sột soạt gió trêu tà áo biếc,
Trên giàn thiên lý, Bóng xuân sang.

Sóng cỏ xanh tươi gợn tới trời
Bao cô thôn nữ hát trên đồi;
— Ngày mai trong đám xuân xanh ấy,
Có kẻ theo chồng bỏ cuộc chơi.

Tiếng ca vút vào lưng chênh vát,
Hồn hên như lời của nước mây...
Thăm thẳm với ai ngồi dưới trúc,
Nghe ra ý vị và thơ ngây...

Khách xa gặp lúc mùa xuân chín
Lòng trí băng khuâng sực nhớ làng.
— Chi đây năm nay còn gánh thóc
Dọc bờ sông trắng nắng chang chang?

HÀN MẠC TỬ

Chú giải

Mùa xuân: Bài thơ này rút trong tập *Thi nhân Việt Nam* (Hoài Thanh và Hoài Chân biên soạn năm 1941). Tác giả: Hàn Mặc Tử (1912-1940) tên là Nguyễn Trọng Trí, còn có hai bút danh khác là Phong Trần và Lê Thanh, quê ở Đồng Hới nay thuộc tỉnh Bình Trị Thiên). Hàn Mặc Tử làm thơ từ năm 16 tuổi. Ông có một số bài thơ về quê hương đất nước được nhiều người ưa thích: *Đay thôn Vĩ Dạ*, *Mùa xuân chín*... Hai tập thơ đã xuất bản của ông: *Gát quê* (1938), *Thơ Hàn Mặc Tử* (1942).

Gợi ý

Bài thơ miêu tả cảnh «Mùa xuân chín» ở một vùng quê có «làn nắng ửng, khói mơ tan», có «đôi mái nhà tranh lấm tấm vàng» và «bóng xuân sang» trên giàn hoa thiên lý.

Mùa xuân chín ở cảnh vật và ở lòng người, ở tiếng hát của các «cô thôn nữ hát trên đồi» «ý vị và thơ ngây», «hồn hên như lời của nước mây», «thăm thẳm với ai ngồi dưới trúc».

Mùa xuân đến trong nỗi nhớ làng quê với hình ảnh lấp ló: "Chỉ ấy năm nay còn gánh thóc. Dọc bờ sông trắng nắng chang chang" Những từ và tiếng có vần liền: trắng nắng, chang chang đã làm cho ta có cảm giác thấy cái nắng thật rõ rệt hiện ra trước mắt, cái sáng của những vùng bờ sông cát trắng.

BÀI 21

ÔN TẬP VĂN THƠ GIAI ĐOẠN 1930 — 1945

I — Câu hỏi ôn tập

1. Em hãy cho biết một vài nét về lịch sử, xã hội Việt Nam giai đoạn 1930 — 1945 (những nét có liên quan đến việc hiểu biết các tác phẩm mà em đã được học và đọc thêm ở giai đoạn này).

2. Ở giai đoạn văn học 1930 — 1945, em đã được học và đọc thêm những bài thơ nào? những truyện nào? Tác giả của những tác phẩm đó là ai? Em hãy phân tích một vài nét về nội dung và nghệ thuật của một trong những tác phẩm đó.

3. Trong các bài thơ mà em đã được học và đọc thêm, em yêu thích câu thơ, đoạn thơ hoặc bài thơ nào nhất? Vì sao? Em hãy phân tích câu thơ, đoạn thơ hoặc bài thơ đó.

4. Trong các truyện mà em đã được học và đọc thêm, em yêu thích nhân vật nào? Vì sao? Em hãy phân tích một vài đặc điểm của nhân vật đó.

II — Một số hình thức hoạt động ngoài giờ

1. Tìm đọc thêm một số tác phẩm: *Tắt đèn*, *Tà lười*, *Nhật kí trong tù*...

2. Thi đọc thuộc lòng diễn cảm, thi ngâm thơ những bài thơ đã được học và đọc thêm.

3. Thi vẽ tranh minh họa tác phẩm đã được học và đọc thêm.

4. Viết báo tường về chủ đề: Phát biểu cảm nghĩ về một nhân vật hoặc một tác phẩm đã được học và đọc thêm

CHƯƠNG II

VĂN THƠ GIAI ĐOẠN TỪ CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 ĐẾN NAY

BÀI 22

ĐỒNG CHÍ (1)



Quê hương anh nước mặn đồng chua ⁽²⁾
 Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá
 Anh vớt tôi, đôi người xa lạ
 Từ phương trời chẳng hẹn quen nhau,
 Sông-bên sông, đầu sát bên đầu,
 Đêm rét chung chăn, thành đôi trại ⁽³⁾.
 Đồng chí!

Ruộng nương anh gửi bạn thân cày
 Gian nhà không, mặc kệ gió lung lay
 Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính.
 Anh vớt tôi biết từng cơn ớn lạnh
 Sốt run người vầng trán ướt mồ hôi.
 Áo anh rách vai
 Quần tôi có vài mảnh vá
 Miệng cười buốt giá
 Chân không giày
 Thương nhau tay nắm lấy bàn tay.

Đêm nay rừng hoang sương muối ⁽⁴⁾
 Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới
 Đầu súng trăng treo.

1948

CHÍNH HỮU

1—Xuất xứ: Bài thơ này rút trong tập "Đầu súng trăng treo" của nhà thơ Chính Hữu. Bài thơ được sáng tác vào thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp (1946-1954) — thời kì nhân dân và bộ đội ta sống, chiến đấu trong điều kiện hết sức gian khổ.

Tác giả: Chính Hữu tên thật là Trần Đình Dắc, sinh năm 1928, quê ở Can Lỗ, tỉnh Hà Tĩnh (nay thuộc tỉnh Nghệ Tĩnh). Chính Hữu làm thơ từ năm 1947 và hoạt động văn nghệ trong quân đội. Tác phẩm văn thơ của ông: *Đầu súng trăng treo* (1966). Thơ của ông số lượng ít nhưng nhiều bài được đông đảo bạn đọc yêu thích: *Đồng chí*, *Đường ra mặt trận*, *Ngon đèn đáng giá*...

1. *Đồng chí*: người cùng chí hướng, cùng lí tưởng.
 1. *Nước mặn đồng chua*: chỉ vùng đồng ruộng khô cày

cày, trồng trọt vì bị chua, mặn. 3. *Đôi trại*: kê (trại kê: người hiền minh) chỉ hai người bạn thân, hiểu nhau.
 4. *Sương muối*: một loại sương gây giá buốt cho người và làm hại cây trồng

II—Cần đọc bài thơ với giọng âm áp, thân thương, thể hiện qua giọng đọc tình đồng chí, đồng đội keo sơn, gắn bó và thiêng liêng. Cần nhấn giọng ở những từ ngữ nêu lên những chi tiết, hình ảnh chân thực, gợi tả, có sức khái quát: "nước mặn đồng chua", "đầu sát bên đầu", "tay nắm lấy bàn tay", "đầu súng trăng treo"... Đặc biệt cần nhấn giọng từ *đồng chí* ở giữa bài thơ và đọc với giọng âm áp, xúc động sâu sắc ngắt giọng, nghỉ hơi để hai tiếng *đồng chí* lắng đọng trong tâm hồn người nghe.

III.1.—Em hãy tìm trong bài thơ những chi tiết, hình ảnh chân thực, gợi tả, có sức khái quát nói lên tình đồng chí keo sơn, gắn bó trong cuộc chiến đấu hết sức gian khổ của những người chiến sĩ quân đội. Hãy phân tích ý nghĩa của một vài chi tiết, hình ảnh đó.

2. Hình ảnh "đầu súng trăng treo" ở cuối bài:

"Đêm nay rừng hoang sương muối
 Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới
 Đầu súng trăng treo"

gợi cho em những cảm nghĩ gì? Em thử suy nghĩ xem tại sao nhà thơ Chính Hữu lại lấy hình ảnh "đầu súng trăng treo" để làm nhan đề cho tập thơ của mình?

3. Em có nhận xét gì về ngôn ngữ bài thơ?

IV—1. Đọc thuộc lòng và diễn cảm bài thơ.

2. Xem và nhận xét tranh minh họa của sách giáo khoa.

3. *Treo đời ý kiến*: Em cảm nhận hình tượng người chiến sĩ quân đội ta qua các chi tiết, hình ảnh thơ ở trong bài như thế nào? (cảm nhận ở các chi tiết, hình ảnh nói về cuộc sống gian khổ; các chi tiết, hình ảnh nói về mối tình đồng chí keo sơn, gắn bó).

LÀNG

Tôi cũng vậy, cứ đến lúc con bé lớn ông Hai Thu thủ que đóm cháy lập loè trong chiếc nón rách tất tả đi từ nhà bếp lên, và bà Hai ngồi ngay thuôn cái mặt trước đĩa đèn dầu lạc, làm bầm tím những tiền cua, tiền bún, tiền chuối, tiền kẹo... thì ông Hai vùng dậy sang bên gian bác Thứ nói chuyện.

Không hiểu sao cứ đến lúc ấy ông Hai lại thấy buồn. Nằm nghe tiếng sùng dọt trong đêm tối và nhất là cái tiếng rì rầm tính toán tiền nong của mẹ vợ, tự nhiên ông sinh ra nghĩ ngợi vẩn vơ, nó bức dọc làm sao ấy. Mà ông, thì ông không thích nghĩ ngợi như thế một tí nào. Ông vốn là người hay làm, ở quê ông làm suốt ngày, không mấy lúc chịu ngồi chân ngồi tay. Không đi cày đi cuốc, không gánh phân tát nước thì ông cũng phải bày vẽ ra công việc gì để làm: đan rổ, đan rá hay chữa cái chuồng gà, cap lại tấm liếp.

Từ ngày tản cư lên đây, suốt ngày mấy bố con nhong nhong ngồi ăn, tối đến lại ngồi nghe những tiếng rì rầm tính toán ấy, ruột gan ông cứ nóng lên như lửa đốt. Ông phải đi chơi cho khuây khỏa.

Lần nào cũng như lần nào, cứ vừa nhớ đầu qua cái mái lá bên gian bác Thứ là ông lão hỏi ngay:

— Thế nào, hôm nay có gì không bác?

Không đợi trả lời, ông lão nói luôn:

— Nay Đắc-giăng-li-ơ⁽¹⁾ nó lại về Pháp đấy nhé. Hừ, chơi vào! Còn là đi đi, về về!

Hoặc:

— Báo Cứu quốc hôm nay nghe sướng quá. Cụ Hồ đối đáp với các nhà báo ngoại quốc đầu vào đấy. Cứng rắn mà mềm mỏng lắm. Cụ bảo rằng thì là dân ta chỉ

muốn Độc lập và Thống nhất thôi, không thì dân ta đánh đến cùng. Thật đấy, chuyện này không được Độc lập thì chết cả đi chứ sống làm gì cho nó nhục. Mà có khi nào mình lại không Thống nhất, Độc lập được hử bác?

Rồi ông nói đến chuyện tản cư, chuyện Tây khủng bố, chuyện Việt gian, chuyện thổ phỉ... những chuyện ông lượm được hồi trưa, ở ngoài diêm, cả chuyện chính trị, quân sự nữa. Ta bố trí nó thế này, ta bố trí nó thế kia. Ta chính trị nó thế này, ta chính trị⁽²⁾ nó thế khác. Rất trơn tru, rất thành thạo mà chẳng dẫu vào đâu cả.

Ông lão kéo dài một bên ria mép ra, tòm tòm:

— Cũng là học lõm cả thôi đấy Bác ạ. Chả là tôi cũng là phụ lão cứu quốc⁽³⁾ mà...

Và cuối cùng, khi câu chuyện tén tén hàng ngày đã nhạt rồi, thì ông xoay đến chuyện cái làng của ông.

Ông nói chuyện về cái làng ấy một cách say mê và nao nức lạ thường. Hai con mắt ông sáng hẳn lên, cái mặt biến chuyển, hoạt động. Ông khoe làng ông có cái phòng thông tin tuyên truyền sáng sủa rộng rãi nhất vùng, chòi phát thanh thì cao bằng ngọn tre, chều chều loa gọi cả làng đều nghe thấy. Ông khoe làng ông nhà ngói san sát, sầm uất⁽⁴⁾ như tỉnh. Đường trong làng toàn lát đá xanh, trời mưa trời gió tha hồ đi khắp đầu làng cuối xóm, bùn không dính đến gót chân. Tháng năm ngày mười phơi rơm, phơi thóc thì tốt thượng hạng, không có lấy một hạt thóc dất.

Ông Hai vẫn có tính khoe làng như thế xưa nay. Hồi còn ở nước Pháp, mỗi bận đi đầu xa, khoe làng ông chỉ khoe cái sinh phần⁽⁵⁾ của viên tổng đốc làng ông. Ông có vẻ hãnh diện cho làng có được cái sinh phần ấy lắm: « Chết! chết, tôi chưa thấy cái dinh cơ nào mà lại được như cái dinh cơ cụ thượng làng tôi.

Có lăm lăm là cửa. Vườn hoa, cây cảnh nom như đồng ấy. Thấy bảo còn hơn cái làng cụ thiếu Hà Đông (3) nhiều cơ mà».

Mỗi bận có khách bên họ ngoại ở dưới tỉnh Nam lên chơi, thế nào ông lão cũng phải dắt ra xem làng cho kì được. Ông mê mẩn giảng giải cho họ: cái tượng đá này là ông Hoàng Thạch Công (7) đánh rơi giày. Những người băng sứ kia là bát tiên quá hải (8). Cái ông đập bằng xi-măng lù lù ở giữa hồ bát giác kia là là... lấy kiêu tạn xa lăm, đầu như tạn bên chùa Đổ Thích. Còn như cái cọc sắt nhọn hoắt cắm vào cái bầu rượu có đập bốn con giới quét vôi vàng mải tít trên ngon sinh phần kia là máy thu lôi. Khiếp lăm! Sấm sét là thu tất cả vào trong ấy.

— Chả nguyên là «cụ tôi» phòng sau này nằm xuống bất hạnh sét có đánh phải cũng không việc gì mà. Xem! Trí lực của người ta có khiếp không?

Ông lão vừa nói vừa chăm chăm nhìn vào cái bộ mặt lì sì của người bà con họ bên ngoài gian ra vì kinh ngạc ấy mà ông lão hả hê cả lòng. Ông thấy cái làng ấy một phần như có ông.

Nhưng từ ngày khởi nghĩa thì người ta không còn thấy ông đá động gì đến cái làng ấy nữa. Ông đã bảo ông thu nó cơ mà. Cái làng ấy nó làm khổ ông, nó còn làm khổ bao nhiêu người làng này nữa. Xây cái làng ấy cả làng phục dịch, cả làng gánh gạch, đập đá, làm phu hồ cho nó. Có người ốm, có người chết, có người làm mấy tháng trời không được một đồng công nào. Cái chân ông đi khắp khênh bầy giờ cũng vì cái làng ấy. Ông bị một chồng gạch đổ vào bại một bên hông.

Bay giờ khoe làng, ông lão lại khoe khác. Ông khoe những ngày khởi nghĩa rồn rập ở làng, mà ông già nhập phong trào từ thời kì còn bóng tối. Những buổi tập quân sự, cả giới phụ lão có cụ râu tóc bạc phơ

cũng vào gây di tập một hai. Mỗi lần hò động tác, anh huấn luyện viên lại phải dậm tiếng ọ... thườn thượt đằng sau: «Nghiem ạ!... Nghi ạ... Vác súng lên vai ọ!...»

Nhất là những hố, những ụ, những giao thông hào của làng ông thì làm công trình không hề dấu vết. Ông lão kể rành rọt từng cái một. Cái thì đắp ở đầu xóm Ba Khu, cái thì xây ở Ngõ mái, cái thì xẻ thông từ đầu phố trên đến tận đầu phố dưới. Cửa mạch nhà nào cũng đục, có thể đi suốt làng không phải ra đến đường cái.

Cũng có khi ông lão lại ngậm ngùi kể lại những chuyện ngày xưa ngày xưa nào không biết. Ông bị bọn hương li trong làng truất ngôi trừ ngoại (9) xiển dật đi, lang thang hết nơi này đến nơi khác, lăn mò vào đến tận đất Sài Gòn, Chợ Lớn kiếm ăn. Ba chìm bảy nổi mười mấy năm trời mới lại được trở về quê hương bản quán.

Cứ như vậy, suốt cả buổi tối, ông lão ngồi vén quần lên tận bên trên chiếc chõng tre nhà bác Thứ mà nói liên miên hết cái đường xóm kia tới, cái giếng xóm kia trong với những chuyện đầu chuyện đầu về cái làng của ông lão, làm như bác Thứ cũng quen biết và bận tâm đến những thứ ấy lăm.

Thực ra ông lão chỉ nói cho sướng miệng và đỡ nhớ cái làng của ông chứ ông cũng chẳng chú ý gì đến người nghe có thích nghe lăm không. Đôi khi thấy mình mãi nói quá, mà bác Thứ hình như lơ đãng những đầu đầu, ông lão lại nhúc:

— Cậu vẫn nghe đấy chứ?

Thì bác Thứ giật mình, trả lời vội vàng:

— Có! Có! Tôi vẫn nghe đấy, ông kể nốt đi...

Thế là ông lão lại kể.

Nhưng cũng có nhiều bận đang ngồi nói mãi mê như vậy bỗng dưng ông ngắc lại, mặt ông thẫn ra, ông nghĩ ngợi một lúc lâu rồi thủ thỉ:

— Chuyến này bước chân ra đi... Năm năm, ba năm hay mười mười lăm năm, không biết có còn về được đến làng đến nước nữa không đây

Ông lão im lặng, thở dài:

— Nó chết một cái nhà tôi neo người quá, phải đi, chứ những như một mình tôi, thì tôi ở lại làng với anh em cơ đây. Quê cha đất tổ một lúc rút ruột bỏ đi làm gì mà không đau xót hả bác? ...

Thực tình ông Hai không muốn tản cư lên trên này một tí nào. Trong làng còn một số anh em ở lại, họ quây quần với nhau khoảng chừng tám, sáu nóc nhà giữa làng. Ngày ngày cùng anh em đi đào ruộng đắp ụ, công việc bề bộn, ông chẳng còn kịp nghĩ gì đến vợ con, nhà cửa nữa. Năm bảy lần bà Hai nhủ về thúc phải lên ngay, ông chỉ nhún mặt kêu: « Công việc đang như lửa đốt đâu thể này đã lên thế nào được »

Hôm bà Hai về đó, ông lão lại toan không đi. Ông nghĩ: mình sinh sống ở cái làng này từ tít bà đến giờ. Ông cha cụ kị mình xưa kia cũng sinh sống ở cái làng này đã từ bao nhiêu đời nay rồi. Bây giờ gặp phải cái lúc hữu sự⁽¹⁾ như thế này mình lại dăm dẫu bỏ đi còn ra thế nào nữa. Công việc là công việc chung chứ của riêng mình ai?

Ông lão hảo vợ:

— Tôi thì tôi không đi được đâu. Mẹ con mày trên ấy liệu bảo nhau xoay xỏa mà làm ăn. Ở nhà rồi tôi cũng cố cấy cấy, thêm thắt vào tôi gửi lên cho, tản cư thì cũng phải thiếu thốn một tí chứ, lại như ngày trước thì có đâu.

Nhưng bà Hai khóc lóc, bà nan nỉ bắt ông phải đi, bà bảo:

— Thế ông định bỏ mẹ con tôi chết đói à? Ông phải lên trông nom chúng nó cho tôi còn xoay xỏa chứ.

Rồi bà khăn khăn nói với mọi người, khăn khăn với đồng chí thôn đội trưởng, mọi người đồng ý để ông Hai đi. Ông Hai đành phải nghe theo. Ông buồn khổ lắm, nhưng cũng không biết làm thế nào. Tình cảnh mẹ con chúng nó quả có giec neo thắt. Một nách ba dứa con dai, vốn liếng lại chẳng có, cứ nhong nhong ôm con ở nhà thì lấy gì mà ăn? Nhà có người đàn ông nó như nhà có nóc ấy. Ông lên rồi làm thuê làm mướn thêm cặp vào cũng đỡ vức được ít nhiều.

« Thôi thì chẳng ở lại làng cùng anh em được, thì tản cư ầu cũng là kháng chiến ».

... Những ngày đầu ở trên này công việc không có, trong người ông lão lúc nào cũng bực bội. Ông ít nói, ít cười, cái mặt lúc nào cũng lầm lìm. Xỉa được miếng đất sau nhà, ông hăm hụi cuốc xới suốt ngày, vừa được mấy luống rau cải, bèn chân thì đàn gà nhà chủ kéo ra vật trọi tiệt. Ông lão cáu lắm. Không thể cáu được với ai ông quay ra cáu với vợ con. Hơi một tí là gắt, hơi một tí là chửi, lắm khi chuyện chẳng đâu vào đâu, ông cũng khởi ra cho to để gây sự. « Chúng mày làm khổ ông! Chúng mày làm khổ ông vừa vừa chứ! Ông thì giết hết, ông thì giết hết! ».

Mỗi lần ông lão bước chân ra khỏi cái gian nhà tối thấp bề bộn những bồ, bị, nôi, niêu, và những dây quần áo ẩm sì ầy là mắt ông lão nhẹ nhõm, tươi tỉnh hẳn lên. Sao mà ông lão sợ cái gian nhà ấy thế! Nhất là những buổi trưa im vắng, ối ả, có tiếng mu chú nhà nói nheo nheo ở bên ngoài, thì ông lão không sao chịu được. Ông lão phải đi cho nó khuất.

Ông Hai chưa thấy người đàn bà nào lại tham lam tính quái như mu ta. Người thì gầy dẹt như thanh củi khô. Cái miệng mỏng leo leo, nói cứ liến di mà chứa thân là gian. Không vào nhà thì thôi, đóng vào nhà là nhòm. Mu nhòm xó này một tí, nhòm xó kia một tí, rồi lục. Mu giờ lọ tương lên ngấm rồi đặt

xuống, mẹ mở thập gạo ra xem, lại dấy vào, mẹ lục bỏ mọi chiếc áo ra **trôm** thử vào người, rồi ném trả. Hình như trong y mẹ, mẹ nghĩ: chúng mày ở nhà tao, thì những thứ của chúng mày cũng như của tao. Đồ ăn thức uống của mẹ, mẹ cất kỹ đi. Con dao, cái chậu, bó củi của người ta mẹ dùng tự nhiên, hễ cất đi mẹ lại lòi ra. Không tìm thấy thì mẹ nói móc nói máy như chính mẹ bị người ta hà hiếp. Đến cả cái ăn, cái uống mẹ cũng rảy phần vào. Có cái nồi nước giải mua dề tăng giá một tí, mẹ cũng lấy hết.

Trong nhà động có thức gì mẹ đã biết rồi. Không một hôm nào bà Hai ở quán về mẹ không sẵn đến vạch thùng ra xem.

— Ái chà! Nhà này có mở cá ngon gỏi, chiều tối phải xin một bát mấy được.

Thế là chiều mẹ sai con bưng bát đến xin. Mẹ dấy lưng thẳng bệ.

— Con cứ xuống mà xin, tội gì.

Có cái gì ăn, giấu mà mẹ biết thì mẹ đánh hơi. Mẹ đứng giữa nhà, hếch cái mũi lên hít hít:

— Có cái gì mà thơm gỏi, y như mùi bánh rán ấy anh em. Mẹ kiếp nhà này nó giấu.

Cứ lâu lâu, mẹ lại vay tiền. Lúc mua trâu vồ, lúc mua diêm thuốc, mớ rau, con cá... Có đôi thì mẹ chùng chảng:

— Tô trư vào tiền thuê nhà đấy.

Mẹ cười rất nhạt:

— Nói đùa đấy chứ, mai tớ cuộc mẽ sẵn tớ bán tớ khác trả.

Và mẹ tiếp luôn:

— Nay, nói thì bảo là tham, cái nhà ông Hai này với bác Thứ bên kia ở, thật tớ dèch được cái gì, ở xóm

dưới, cánh hàng xáo họ ở họ nuôi lợn được vô khối là «khuẩn»⁽¹⁾. Nói thật tớ cho ở nhờ chỉ chứ có mỗi cái «khuẩn» thôi...

Ngay từ dạo mới lên, ông Hai đã bực mình với mẹ ấy lắm rồi. Nghe xóm giềng ở đây người ta nói, ông biết mẹ không phải là người đứng đắn. Mẹ lấy đến người chồng này là đời chồng thứ ba rồi; hai người trước, người thì người ta bỏ mẹ, người thì mẹ bỏ người ta. Tính nết lạnh chanh lạnh chỏi, chỉ bắt nạt chồng. Người chồng thì lại hiền lành quá, cả ngày cặm cụi làm. Vợ nói có tức lắm thì cũng đỏ mặt lên văng tục văng rác mấy câu rồi thôi.

Ông Hai ghét mẹ lắm. Ông không muốn ở chung cha với những người như thế. Năm lần bảy lượt ông bảo vợ dọn nhà đi nơi khác. Nhưng bà Hai cứ lần chần. Bà bảo:

— Biết rằng đau hơn đau, hay là lại quá tội. Trong làng ngoài phố nhà nào cũng ba bốn bếp tàn cu⁽²⁾ cả. Có được chỗ chui ra chui vào thế này là may lắm rồi còn gì nữa.

Ông lão đành phải dúi đáng chờ vậy

Buổi trưa hôm ấy ông Hai ở nhà một mình. Con bé lớn gánh hàng ra quán cho mẹ chưa thấy về. Hai đứa bé thì ông cất chúng nó ra vườn trồng mấy luống rau mới cấy lại chẳng gà vặt hết.

Ông Hai hí hục vớ một vạt đất rậm, ngoài bờ suối từ sáng đến giờ, ông tính dề trồng thêm vài trăm gốc sắn ăn vào những tháng đói sang năm. Có một mình, ông phải làm cõ, hai vai mỗi nhừ. Ông nằm vật trên giường vắt tay lên trán nghĩ ngợi vẩn vơ. Ông lại nghĩ về cái làng của ông, lại nghĩ đến những ngày cùng làm việc với anh em. Ô, sao mà độ ấy vui thế. Ông thấy mình như trẻ ra. Cũng hát hò, bông phèng, cũng đào cũng cuốc mẽ man suốt ngày. Trong lòng

Ông lão lại thay náo nức hẳn lên. Ông lại muốn về làng, lại muốn được cùng anh em đào đường đắp ụ, xê hào, khuôn đá... Không biết cái chòi gác ở đầu làng đã dựng xong chưa? Những đường hầm bí mật chắc còn là khuyết lắm. Chao ôi! Ông lão nhớ làng, nhớ cái làng quá.

Bên ngoài, ánh nắng rơi xuống mặt sân sáng lóa, có mấy tiếng gà trưa cất lên eo óc. Gian nhà càng như lịm đi, mờ hơi đất. Giờ này là mu chú sắp đi làm đồng về đây. Ông lão sắp phải nằm trong này mà nghe mu chú con mắng cái, kêu vại nước chổng cạp, cái bếp bừa hện nheo nhéo lên đây.

Tấm liếp che cửa bỗng kêu lạch xạch, gian nhà sáng bừng lên. Ông Hai giật mình, ngóc đầu nhìn ra. Dứa con gái lớn gồng đôi thũng không bước vào. Ông cất tiếng hỏi: — Ở ngoài ấy làm gì mà lâu thế này?

Không chờ dứa con kịp trả lời, ông lão nhồm dậy vỗ lấy cái nón:

— Ở nhà trông em nhá! Đừng có đi đâu đấy.

Ông lão giờ tay chỉ lên nhà trên:

— Nó thì rút ruột ra, biết chưa!

Dứt lời ông bước vội ra ngoài. Trời xanh lồng lộng có những tầng mây sáng chói, lờ lờ. Đường vắng hắt người qua lại. Họ rạt cả vào các khoảnh bóng cây tránh nắng. Một vài tiếng động nhẹ khẽ gọi lên, oi ả.

Ông Hai đi nghênh ngang giữa đường vắng, cái đầu cung cắc lao về phía trước. Hai tay vung vẩy, nhồm nhồm. Gặp ai quen ông lão cũng nín lại cười cười:

— Nắng này là bỏ mẹ chúng nó!

Có người bỡ ngỡ hỏi lại: « Chúng nó nào? ». Thì ông lão bật cười, giờ tay trở về phía tiếng súng:

— Tay ấy chứ còn chúng nó nào nữa. Ngồi trong vị trí giờ bằng ngồi tù.

Dứt lời, ông lão lại đi, làm như đang bận nhiều công việc lắm. Cũng như mọi hôm, việc đầu tiên là ông vào phòng thông tin nghe đọc báo. Ông cứ đứng vờ vờ xem tranh ảnh chờ người khác đọc rồi nghe lỏm. Điều này ông khổ tâm hết sức. Ông cũng đã có học được một khóa bình dân học vụ ở làng, cũng đã biết đọc biết viết. Nhưng chữ in khô như mặt chữ, ông đọc nó cứ bập bõm, câu được câu chăng, mà chữ lẽ cứ ngoảnh mặt cổ lên giữ chặt lấy tờ báo không cho người khác xem nữa? Ông ghét thậm những ánh cây ta đây làm chữ, đọc báo lại cứ đọc thăm một mình không đọc ra thành tiếng cho người khác nghe nhờ này.

Hôm nay may quá, vợ được anh dân quân đọc rất to, đồng đặc, rành rọt từng tiếng một, cơ chừng anh ta cũng mới học, đánh vần được chữ nào anh ta đọc luôn chữ ấy, ông lão nghe chẳng sót một câu nào. Bao nhiêu là tin hay — Một em nhỏ trong ban tuyên truyền xung phong bơi ra giữa hồ Hoàn Kiếm cầm quốc kì lên chào lễ. « Đây, cứ kêu chúng nó trẻ con mãi đi, liệu đã bằng chúng nó chưa? ». Một anh trung đội trưởng sau khi giết được bảy tên giặc đã tự sát bằng một quả lựu đạn cuối cùng. Đội nữ du kích Trưng Trắc giã làm nười đi mua hàng đã bắt sống một tên quan hai bắt Thao ngay giữa chợ. « Khiếp thật, tính những người tài giỏi cả ». Lại còn bao nhiêu tin đột kích nữa, chỗ này giết được năm Pháp với hai Việt gian; chỗ kia phá đổ một xe tăng và một xe dip. « Cứ thế, chỗ này giết một tí, chỗ kia giết một tí, cả súng ống cũng vậy, hôm nay đâm khâu, ngày mai đâm khâu, tích tiểu thành đại⁽¹⁾ làm gì mà rồi thắng Tây không bước sớm ». Ruột gan ông lão cứ múa cả lên, vui quá!

Ông lão náo nức bước ra khỏi phòng thông tin, rẽ vào quán dân vợ mấy việc cần rồi đi thẳng ra lối huyện cũ. Ở đây, những tốp người tản cư mới ở dưới xuôi lên đứng ngồi lố nhố cả ở dưới mấy gốc đa sù sì, cảnh lá

ruộng rả ken vào nhau, rải xuống mặt đường và bãi cỏ một vùng bóng mát rộng. Ông lão ngồi vào một cái quán gần đây. Hút một điếu thuốc lá, uống một hớp chè tươi nóng, ông chớp chớp cái miệng ngẫm nghĩ: bao nhiêu ý nghĩ vui thích chen chúc trong đầu óc. Tiếng quạt, tiếng thổi, tiếng trẻ con khóc, cùng với tiếng cười nói của cánh di phá dương về râm râm một góc đường. Dưới chân đồi, những thửa ruộng lúa xanh mướt, uốn quanh co dưới trời nắng, lấp loáng như một khúc sông. Có mấy bóng cò trắng bay dật dờ...

— Các ông các bà ở đâu ta lên đây ạ?

Ông Hai đặt bát nước xuống chỗng hời. Một người đàn bà mau mẹn trả lời:

Thưa ông chúng cháu ở Gia Lâm lên đây ạ. Đi bốn năm hôm mới lên đến đây vất vả quá!

— Ở Gia Lâm lên ạ? Lúa má dưới ta thế nào, liệu có cấy được không bác?

— Chà cây thì lấy gì mà ăn. Cây thì ông ạ. Chăn ruộng dưới chúng cháu còn tốt hơn trên này nhiều.

— Thì vườn! Lúa dưới ta vườn tốt nhiều chứ.

Ông lão rít một hơi thuốc lá nữa, gật gù cái đầu:

— Hừ, đánh nhau cứ đánh nhau, cây cấy cứ cấy cấy, tàn cứ cứ tàn cứ. Hay dạo đề.

— Nay bác có biết mấy hôm nay súng nó bắn ở đâu mà nghe rất thế không?

Một người đàn bà cho con bú mế bên kia nói xen vào:

— Nó rút ở Bắc Ninh về qua chợ Dầu nó không bỏ ông ạ.

Ông Hai quay phắt lại lấp bắp hỏi:

— Nó... Nó vào làng chợ Dầu hờ bác? Thế ta giết được bao nhiêu thằng?

Người đàn bà ẵm con con mồi lên đồng đánh:

— Có giết được thằng nào đâu. Cả làng chúng nó Việt gian* theo Tây còn giết gì nữa.

Cổ ông lão nghẹn ắng hẳn lại, da mặt tê rần rần. Ông lão lặng đi, tưởng như đến không thở được. Một lúc lâu ông mới rặn ồ ồ, nuốt một cái gì vướng ở cổ. Ông cất tiếng hỏi, giọng lạc hẳn đi:

— Liệu có thật không hử bác? Hay là chỉ lại...

— Thì chúng tôi vừa ở dưới ấy lên đây mà lại. Việt gian từ thằng chủ tịch mà đi cơ ông ạ. Tây vào làng chúng nó bảo nhau vác cờ thần ra hoan hô. Thằng chánh Đệ thì khuôn cả tù chề, đình đồng, vác vác lên xe cam-nhông đưa vợ con lên vị trí với giặc ở ngoài tỉnh mà lại.

Có người hỏi:

— Sao bảo làng chợ Dầu tinh thần lắm cơ mà?...

— Ấy thế mà bay giờ dờ dợn ra thế đấy!

Ông Hai trả tiền nước, đứng dậy, chêm chẹp miệng cười nhạt một tiếng, vươn vai nói to:

— Hà, nắng gớm, về nào...

Ông lão vờ vờ đứng lặng ra chỗ khác, rồi đi thẳng. Tiếng cười nói xôn xáo của đám người mới tản cư lên ấy vẫn dõi theo. Ông nghe rõ cái giọng chua lanh lảnh của người dân bà cho con bú:

— Cha mẹ tiền sư nhà chúng nó! Đói khổ ăn cắp ăn trộm bắt được người ta còn thương. Cái giống Việt gian bán nước thì cứ cho mỗi đứa một nhát!

Ông Hai cúi gằm mặt xuống mà đi. Ông thoáng nghĩ đến mộ chủ nhà.

Về đến nhà, ông Hai nằm vật ra giường. Mấy đứa trẻ thấy bố hôm nay có vẻ khác, len lét đưa nhau ra đầu nhà chơi sậm chơi sụi với nhau.

Nhìn lũ con tái thân, nước mắt ông lão cứ trào ra... Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư? Chúng

nó cũng bị người ta rè rúng hắt hủi đấy ư? Khốn nạn, hàng ấy tuổi đầu... Ông lão nắm chặt hai tay lại và rít lên:

— Chúng bay ăn miếng cơm hay miếng gì vào mồm mà đi làm cái giống Việt gian bán nước để nhục nhã thế này!

Ông lão bỗng ngừng lại, ngờ ngợ như lời mình không được đúng lắm. Chả nhẽ cái bọn ở làng lại dốn đến thế được. Ông kiểm điểm từng người trong óc. Không mà, họ toàn là những người có tinh thần cả mà. Họ đã ở lại làng, quyết tâm một sống một chết với giặc, có đời nào lại cam tâm làm điều nhục nhã ấy...

Nhưng sao lại nảy ra cái tin như vậy được? Mà thằng chánh Bệu thì đích là người làng không sai rồi. Không có lửa làm sao ra có khói? Ai người ta hơi đâu bịa tạc ra những chuyện ấy làm gì. Chao ôi! Cục nhục chưa, cả làng Việt gian! Rồi đây biết làm ăn, buôn bán ra sao? Ai người ta chừa. Ai người ta trốn bán mấy. Suốt cả cái nước Việt Nam này người ta ghê tởm, người ta thù hằn cái giống Việt gian bán nước. Lại còn bao nhiêu người làng, tan tác mỗi người một phương nữa, không biết họ đã rõ cái cơ sự này chưa?...

Chiều hôm ấy bà Hai về cũng có vẻ khác. Bà bước từng bước uể oải, cái mặt cũ xuống bầm thán. Đôi quang thùng thồng đeo trên hai mấu đòn gánh. Bà đi thẳng vào trong nhà lúi húi xếp hàng vào một xó, rồi lẳng lẳng ra bậc cửa ngồi ồm ồm nghĩ ngợi. Trẻ con cũng không đùa náo dám vói quả. Trong nhà có cái im lặng thật là khó chịu, không ai dám cất tiếng lên nói, cả đến nhìn nhau họ cũng không dám nhìn nhau nữa.

Mãi khuya, bà Hai mới chống gối đứng dậy. Bà lẳng lẳng xuống bếp châm lửa ngồi tĩnh tiền hàng. Vẫn những tiền cua, tiền bún, tiền đồ, tiền kẹo... Vẫn cái giọng rì rầm, rì rầm thường ngày.

— Này thầy nó ư?

Ông Hai nằm rả rã ở trên giường không nói gì.

— Thầy nó ngủ rồi ư?

— Gì?

Ông lão khẽ nhúc nhích.

— Tôi thấy người ta đồn...

Ông lão gất lên:

— Biết rồi!

Bà Hai nín bật. Gian nhà lặng đi, lúi húi. Ánh lửa vàng nhờ nhờ ở ngọn đèn dầu lạc vờn trên nét mặt lo âu của bà lão. Tiếng thở của bà đưa trẻ chum dầu vào nhau ngủ nhẹ nhàng nổi lên, nghe như tiếng thở của gian nhà.

— Thế nhưng người ta đồn trên này người ta không chứa những người chợ Dầu nữa thầy nó ư.

Nghe ngóng một chút, không thấy chồng trả lời, bà lão lại cúi xuống làm bầm tính. Nét mặt bà lặng đi, chịu đựng và nhẫn nhục.

Bên gian bác Thứ đã ngủ từ lâu, chung quanh đều im lặng... Một vài tiếng chó nhúc nhúc sủa phía xa, và có tiếng trẻ khóc văng vẳng trong tiếng gió.

Ông Hai vẫn trần trọc không sao ngủ được. Ông hết trở mình bên này lại trở mình bên kia, thở dài. Chợt ông lão lẳng hần đi, chân tay nhùn ra, tưởng chừng như không cất lên được... Có tiếng nói léo xéo ở gian trên. Tiếng mẹ cha... Mẹ nói cái gì vậy? Mẹ nói cái gì mà lão xáo thế? Trống ngực ông lão đập thình thịch. Ông lão nín thở, lắng tai nghe ra bên ngoài...

Bà Hai bỗng lại cất tiếng:

— Thầy nó ngủ rồi ư? Dậy tôi bảo cái này đã.

Ông Hai bật ngồi dậy, giơ tay trở lên nhà trên. Ông hít hai hàm răng lại mà nghiêng:

— Im! Khò lăm! Nó mà nghe thấy lại không ra cái gì bay giờ.

Ông lão lại ngã mình nằm xuống, không nhúc nhích.

Đã ba bốn hôm nay, ông Hai không bước chân ra đến ngoài, cả đến bên bác Thứ ông cũng không dám sang. Suốt ngày ông chỉ quanh quẩn ở trong cái gian nhà chát chội ấy mà nghe ngóng. Nghe ngóng xem bình tình (14) bên ngoài ra sao? Một đám đông túm lại ông cũng dè ý, đám bảy tiếng cười nói xa xa ông cũng chột dạ. Lúc nào ông cũng nơm nớp tưởng như người ta đang dè ý, người ta đang bàn tán đến « cái chuyện ấy ». Cứ thoáng nghe những tiếng Tây, Việt gian, cam — nhong... là ông lủi ra một góc nhà nín thít. Thôi lại chuyện ấy rồi!

Nhưng còn cái này nữa mà ông sợ, có lẽ còn ghê rợn hơn cả những tiếng kia nhiều. Ấy là mụ chủ nhà. Từ ngày xảy ra chuyện ấy, hình như mụ ta lấy điều làm cho vợ chồng ông khò ngấm khò ngấm là mụ thích.

Sáng chiều bốn buổi đi làm đồng về, mụ kéo lê cái nạo cỏ quên quệt dưới đất, qua cửa, mụ nhòm vào nói những câu bóng gió xa xôi, như khĩa vào thịt ông lão. Thôi thì bây giờ thế nào mà chả phải chịu. Có được chỗ chui ra chui vào là may mắn rồi. Mỗi lần mụ nói, ông lão chỉ cười gượng làm như không biết chuyện gì.

Ông thì muốn lặng đi như thế, nhưng mụ chủ nhà có để cho ông yên đâu.

Sáng hôm nay lúc bà Hai sắp sửa quang gánh ra hàng thì mụ chủ nhà không biết đi đâu về, mụ đứng dằng dằng ở ngoài sân nói chỗ vào:

— Bà lão chưa đi hàng cơ à? Muộn mấy? ...

— Chưa bà ạ. Mời bà vào chơi trong này.

— Vâng bà đề mặc em... A bà Hai này! ...

Mụ chạy sát vào bọc cửa, thân mật.

— Trên này họ đồn giăng giăng ra rằng thì là làng dưới nhà ta đi Việt gian theo Tây đấy, ông bà đã biết chưa nhỉ? ... Nghe nói, báo có lệnh đuổi hết những người làng chợ Dầu khỏi vùng này không cho ở nữa.

Mụ chủ chép miệng, giọng ngọt xớt:

— Em cứ khò nghĩ quá... ông bà cũng là người làm ăn tử tế cả. Nhưng mà có lệnh biết làm thế nào. đành nhẽ là ông bà kiếm chỗ khác vậy... Nay, ở với nhau đang vui vẻ ông bà dọn đi, em lại cứ nhớ dáo dề đấy nhõ.

Bà Hai cúi mặt xuống rần rần nước mắt, bà nói:

— Vâng... thôi thì dân làng đã chủ cho ở nữa, chúng tôi cũng đành phải đi nơi khác chứ biết làm thế nào. Nhưng xin ông bà trên ấy nghĩ lại thư thư cho vợ chồng chúng tôi vài ba hôm nữa. Bay giờ bảo đi, vợ chồng chúng tôi cũng không biết là đi đâu...

Mụ chủ đi rồi, bà Hai và con bé lớn nước mắt ròng ròng, lặng lẽ gánh hàng ra quán. Vợ chồng cũng chẳng dám nói với nhau câu gì.

Ông Hai ngổ lảng trên một góc giường. Bao nhiêu ý nghĩ đen tối, ghê rợn, nối tiếp bởi bởi trong đầu óc ông lão. Biết đem nhau đi đâu bây giờ? Biết đâu người ta chưa bỏ con ông mà đi bây giờ? ...

Thật là tuyệt đường sinh sống! Mà không một gì cái đất Thăng này. Ở Đái, ở Nhả Nam, ở Bồ Hạ, Cao Thượng... đâu đâu có người chợ. Dầu người ta cũng đuổi như đuổi hủi. Mà cho dầu vì chính sách Cự Hồ người ta chẳng đuổi đi nữa, tại mình cũng chẳng còn một mũi nào đi đến đâu.

« Cả làng chúng nó Việt gian theo Tây... », cái câu nói của người dân bà tán cư hôm trước lại dội lên trong tâm trí ông.

Hay là quay về làng? ...

Vừa chồm nghĩ như vậy, lập tức ông lão phản đối ngay. Về làm gì cái làng ấy nữa. Chẳng nó theo Tây cả rồi. Về làng tức là bỏ kháng chiến. Bỏ Cụ Hồ...

Nước mắt ông giàn ra, vẻ làng tức là chịu quay lại làm nô lệ cho thằng Tây. Ông lão nghĩ ngay đến mấy thằng ki li (13) chuyên môn khua khoét ngày trước lại ra vào hống hách ở trong cái đình. Và cái đình lại như cửa riềng chúng nó, lại thêm nghiêm ghê gớm, chứa toàn những sự ức hiếp, đè nén. Ngày ngày chúng dong ra, dong vào, đánh tó tôm mà bàn tư việc làng với nhau ở trong ấy. Nhưng hàng khổ rách áo ôm như ông có đi qua cũng chỉ dám liếc trộm vào, rồi cầm đầu xuống mà cúi đi. Anh nào ho he, hộc hách một tí thì chúng nó tìm hết cách đè bẹp, cắt phần ruộng, tr.ất ngôi, trừ ngoại, tống ra khỏi làng...

Ông Hai nghĩ rợn cả người. Cả cuộc đời đen tối, lam than cũ nổi lên trong ý nghĩ ông. Ông không thể về cái làng ấy được nữa. Về bây giờ ra ông chịu mất hết à?

Không thể được! Làng thì yêu thật, nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù.

Ông lão ôm thằng con út lên lòng, vỗ nhẹ nhẹ vào lưng nó, khe khẽ hỏi:

— Húc kia! Thấy hỏi con nhè, con là con ai?

— Là con thầy mấy li con u.

— Thế nhà con ở đâu?

— Nhà ta ở làng chợ Dầu.

— Thế con có thích về làng chợ Dầu không?

Thằng bé nép đầu vào ngực bố trả lời khe khẽ:

— Có.

Ông lão ôm khít thằng bé vào lòng, một lúc lâu ông lại hỏi:

— À thầy hỏi con nhè. Thế con ủng hộ ai?

Thằng bé giơ tay lên, mạnh bạo và rành rọt:

— Ủng hộ Cụ Hồ Chí Minh muôn năm!

Nước mắt ông lão giàn ra, chảy ròng ròng trên hai má. Ông nói thủ thỉ:

— Ừ, đúng rồi, ủng hộ Cụ Hồ con nhè.

Mấy hôm nay rú rú ở xó nhà, những lúc buồn khổ quá chẳng biết nói cùng ai, ông lão lại thủ thỉ với con như vậy. Ông nói như đề ngỏ lòng mình, như đề mình lại mình oan cho mình nữa.

Anh em đồng chí biết cho bố con ông.

Cụ Hồ trên đầu trên cổ xét soi cho bố con ông.

Cái lòng bố con ông là như thế đấy, có bao giờ dám đơn sai. Chết thì chết có bao giờ dám đơn sai. Mỗi lần nói ra được đôi câu như vậy, nỗi khổ trong lòng ông cũng vơi đi được đôi phần.

Khoảng ba giờ chiều hôm ấy, có một người đàn ông đến chơi nhà ông Hai. Hân cũng là người làng chợ Dầu. Hai người thì thầm ở góc nhà một lúc lâu rồi thấy ông Hai đóng khăn áo chỉnh tề tã tã theo hân đi. Ông vội vã đến quên cả dặn trẻ coi nhà.

Ông Hai đi mãi đến xẩm tối mới về. Cái mặt buồn thiu mọi ngày bỗng tươi vui, rạng rỡ hẳn lên. Mồm bồm bẻ nhai trầu, cặp mắt hung hung đỏ, hấp háy... Vừa đến ngõ ông lão đã lên tiếng:

— Chúng mày đâu rồi, ra thầy chia quà cho nào.

Lũ trẻ ở trong nhà ủa ra, ông lão rút vội cái gói bọc lá chuối khô cho con bé lớn:

— Bánh rán đường đây, chia cho em mỗi đứa một cái.

Đốt lòi ông lão lại lật đật đi thẳng sang bên gian bác Thứ. Chưa đến bậc cửa, ông lão đã bỏ hô:

— Bác Thứ đâu rồi? Bác Thứ làm gì đấy! Tây nó đốt nhà tôi rồi bác ạ. Đốt nhẵn! Ông chủ tịch làng tôi vừa mới lên trên này cái chĩnh, ông ấy cho biết... Cái

chính cái tin làng chợ Dầu chúng tôi đi Việt gian ấy mà. Lão! Lão hết! Toàn là sai sự mục đích (18) cả.

Bác Thứ chưa nghe thủng câu chuyện ra sao, ông lão đã lại lật đật bỏ lên nhà trên.

— Tây nó đốt nhà tôi rồi ông chủ à. Đốt nhẵn. Ông chủ tịch làng em vừa lên cái chính... Cái chính cái tin làng chợ Dầu chúng em Việt gian ấy mà. Ra lão! Lão hết, chẳng có gì sất. Toàn là sai sự mục đích cả!

Cũng chỉ được bằng ấy câu, ông lão lại lật đật bỏ đi nơi khác. Còn phải để cho người khác biết chứ. Ông lão cứ múa tay lên mà khoe cái tin ấy với mọi người. Ai ai cũng mừng cho ông lão. Đến ngay cả mẹ chủ nhà là người ông lão yên trí, nghe tin này thế nào mặt mẹ cũng sa sầm xuống mà nói tức nói xóc, thì trái lại, mẹ lại tỏ vẻ rất vui sướng. Mẹ giường tròn cả hai mắt lên mà reo:

— A, thế chứ! Thế mà tờ cứ tưởng đuổi nhà đi Việt gian thật, tờ ghét ghê ấy... Thế bây giờ thì ông bà lại cứ ở tự nhiên ai bảo sao. An bài nhều chứ ở hết là bao nhiêu.

Mẹ cười khì khì:

— Này, rồi cũng phải nuôi lấy con lợn... mà ăn mừng đây!

Ông Hai gật gật:

— Được, được, chuyện này rồi phải nuôi chứ...

Tối hôm ấy ông Hai lại sang bên gian bác Thứ, lại ngồi trên chiếc chõng tre vén quần lên tận bẹn mà nói chuyện về cái làng của ông.

Ông kể lại hôm Tây vào khủng bố. Chúng nó có bao nhiêu, bao nhiêu Tây, bao nhiêu Việt gian, đi những đường nào, đốt phá những đâu đâu, và dân quân tự vệ làng ông bố trí cầm cự ra sao, rành rọt tí mĩ như chính ông lão vừa dự trận đánh giặc ấy xong thật...

KIM LÂN

1 - Xuất xứ: Truyện ngắn này của nhà văn Kim Lân được viết vào những ngày đầu cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta (1946-1954). Lúc này, nhân dân các thành phố và các làng mạc gần đô thị, hoặc các địa điểm trọng yếu phải tạm thời tản cư đi các nơi khác, xa quê hương.

Tác giả: Nhà văn Kim Lân (sinh năm 1920), tên thật là Nguyễn Văn Tài, quê ở làng Phú Lư, huyện Từ Sơn, nay là xã Tân Hồng, huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc. Ông giác ngộ cách mạng từ năm 1944, tham gia Hội văn hóa cứu quốc hội ấy và hoạt động văn học từ đó cho đến nay. Kim Lân chuyên viết các truyện ngắn về đề tài nông thôn. Những tác phẩm của ông đã xuất bản là: *Nón vàng* (1955), *Con chó xấu xí* (1962), *Vợ nhặt* (1983).

1. Đặc-giăng-li-ơ: tên một viên tướng cầm đầu thực dân Pháp xâm lược nước ta năm 1946. 2. Tờ chính trị nói: (tác giả viết theo khẩu ngữ) tờ có mưu mẹo đối phó với địch về mặt ngoại giao. 3. Phụ lão cứu quốc: đoàn thể yêu nước của các cụ phụ lão trong Mặt trận Việt Minh. 4. Sầm uất: đông đúc, nhộn nhịp. 5. Sinh phần: cái mộ làm sẵn khi còn sống. 6. Cụ thiếu Hà Đông: chỉ tên Hoàng Trọng Phu (đảm quan đến chức thiếu bảo), viên quan đầu tỉnh Hà Đông nổi tiếng quyền thế dưới thời thực dân Pháp. 7. Hoàng Thạch Công: tên một vị tiên trong truyền thuyết Trung Quốc. 8. Bật lên quá hát: 8 ông tiên vượt biển. Ngày xưa người ta hay vẽ tranh, đắp tượng phở bằng sứ nhưng ông tiên này để trang trí. 9. Trượt ngọt trê ngọt: gạch tên, không cho xếp ngôi thứ gì trong làng, coi như là đã bỏ làng đi. Phong tục ngày xưa muốn được công nhận là dân làng phải có tên trong sổ gọi là có ngôi. 10. Hưu sự: có việc, ý nói vào lúc việc làng việc nước đang đòi hỏi sức lực mọi người. 11. Khuân: nguyên nghĩa là nắm. Ở đây ý muốn nói là phản chuẩn. 12. Ba bốn bếp tản cư: người dân tản cư đến ở nhờ các gia đình. Mỗi gia đình nhận chứa ba bốn hộ, mỗi hộ như vậy là một bếp. 13. Tích tiểu thành đại: góp ít thành nhiều, nhỏ thành lớn. 14. Bình tĩnh: lời nói khẩu ngữ trong dân gian, cũng có nghĩa như tình hình. 15. Mấy tháng li li: li là li mục, li là li hao, li dịch. Ở đây là cách gọi khinh bỉ, chỉ những kẻ có chức việc trong làng hay áp bức dân lành. 16. Sai sự mục đích: chính ra phải

nói là sự mục kích tức là những việc rõ ràng, nhìn thấy cụ thể (Ông Hai cũng nói chữ, nhưng dùng chữ không chính xác).

II - Bài văn rất sinh động, mỗi đoạn phải có cách đọc thích hợp:

- Đoạn trên: giọng đọc sôi nổi, hào hứng làm nổi rõ ông Hai là người tha thiết với cuộc kháng chiến. Từng câu đọc gọn, gấp, nhanh.

- Đoạn kể ông Hai khoe cái làng của mình: khoe cái làng ngày xưa và cái làng hiện nay. Cách nhìn, cách nhận định của ông đối khác, nhưng sự gắn bó thì lúc nào cũng say sưa nồng nàn. Chú ý sự gắn bó này cũng biến hóa: nói đến các cách, các vật lạ trong làng thì trầm trở đặc ý, nói đến số phận riêng tư thì ngậm ngùi. Giọng đọc cần biểu hiện đúng nội dung trên.

- Đoạn kể ông Hai bắt buộc phải theo vợ con đi tản cư: giọng đọc pha chút buồn rầu, hậm hực.

- Đoạn kể ông Hai ở nhờ nhà cụ chủ, cần chú ý đến sự bức bối trong tâm ông. Cách đọc nên dần dần đề làm nổi rõ sự bất bình âm ỉ. Bất bình chỉ vì ông nhớ làng chứ không phải ông giận ai. Vì nhớ mà không về được, nên thấy cái gì cũng khó chịu.

- Đoạn kể ông Hai nghe tin làng mình theo Pháp là một đoạn đọc sắc, cần phải xem kỹ để hiểu nội dung và đọc cho sát tâm lý ông Hai.

Nhiều diễn biến cần được chú ý:

+ Mới nghe tin, ông như bị choáng váng, hoảng hốt, nói không thành câu, không dám nói hoặc tìm cách nói lạc đi. Đọc đoạn này cần biểu lộ được sự ghen ngáo, dột dỏ, sợ hãi.

+ Ông Hai cần nhắc, tranh luận một mình. Đọc đoạn này cần thay đổi giọng. Những câu tự hỏi đọc to rồi nhỏ dần. Những câu tự trả lời, tự phân tích, giọng vẫn nhỏ nhưng đánh lại.

+ Ông Hai thủ thi với con: giọng âm thầm, kín đáo mà cảm động, nói đến Cụ Hồ một cách thành kính.

- Đoạn kể ông Hai nghe tin chính xác về làng mình, trở lại với giọng hào hứng, sôi nổi, gấp gáp và tung bùng. Những câu văn nói về các nhân vật chung quanh cũng phải đọc với giọng hào hứng như vậy.

III - 1. Ông Hai rất yêu cái làng chợ Dầu của ông; ông yêu những cái gì ở làng này? Tại sao ông lại yêu như thế? Tình yêu làng quê của ông Hai đã diễn biến như thế nào trước Cách mạng và sau Cách mạng?

2. Ông Hai yêu làng mình mà thực ra là yêu nước. Mọi biểu hiện yêu nước của ông đều được bộc lộ qua những điều ông suy nghĩ về làng ông. Em thử tìm những chi tiết có thể chứng minh điều ấy.

3. Trong truyện ngắn này, đoạn nào làm cho em xúc động hơn cả? Em thấy ông Hai là con người đáng kính trọng và yêu mến ở những điểm nào?

4. Em có nhận xét gì về ngôn ngữ nhân vật trong truyện này?

IV - 1. Đọc diễn xuất bài văn, chú ý hai đoạn:

- Ông Hai thủ thi với đứa con nhỏ.

- Ông Hai khoe với hàng xóm cuộc chiến đấu của làng ông mà ông được nghe qua lời kể của ông Chủ tịch.

2. Tóm tắt câu chuyện được kể trong truyện ngắn này.

3. Trong ca dao Việt Nam có nhiều câu nói đến lòng tự hào của nhân dân đối với làng quê của mình. Em thử tìm những câu ấy?

4. Em có làng quê không? Hãy kể những nét đặc sắc của làng quê em mà em rất tự hào (Trường hợp quê chính của em là thành phố, thị trấn hay bản mường thì hãy kể những điều em lấy làm tự hào về khu phố, xóm ngõ, bản mường mà em và gia đình em đang sống).

MẸ VẮNG NHÀ

Nắng đứng ngọn. Gió ngoài sông Hậu vẫn thổi vào lồng lộng. Đã mấy ngày liên sáng nào cũng mưa, trời oi và đục màu khói thuốc. Nắng lên làm cho trời cao và trong xanh. Lớp áo cát phủ quanh mình củ khoai lang bị bom hất vung vãi trên vông bay giờ đã khô trắng và óng ánh dưới nắng. Quanh mái chòi, sau những hơi rung chuyển của đạn đại bác, những hạt mưa cuối cùng còn bám lại chấp chới như những hạt trái.

Con Bé lại leo lên ngọn dừa. Nó đứng hẳn lên một bẹ lá, dõm ra xa. Gió và nắng trên cao đã làm mát nó long lanh ướt. Nó lắng nghe những âm thanh dội lại từ phía trước mặt. Tiếng bom nổ, tiếng rít của máy bay phân lực, tiếng đồ máy chạy ngoài sông, tiếng trời chuyển kéo dài... tất cả đều đầy lên rồi chìm đi ngay trong khoảng không bao la của buổi ban trưa. Nó đang chờ những tiếng nổ rõ hơn. Đó là những tiếng súng trường thường mở đầu cho một trận đánh, nghe chắc như tiếng chày nền đất, rất quen thuộc của chị em nó. Ở, những tiếng ấy sao mãi chưa nổi lên.

Đem hôm kia má ghé về nhà một lần. Nước mưa đọng dưới cằm má như những giọt mồ hôi lúc má đứng trên rẫy khoai. Má ôm lấy thằng em nhỏ, tấm choàng của má dưng vào mặt con Bé mát lạnh. Thằng em thiêu ngủ, má lật dật đi mở hăm, lấy đạn nhét đầy thắt lưng và bụng súng, rồi lại đi. Trước khi ra sân, má vuốt tóc con Bé, dặn:

— Ở nhà nấu cơm đừng chắt nước kéo bị phồng ghen! Mai má về.

Con Bé nghe tiếng má phóng qua cái mương trước nhà rồi mất đi trong tiếng đại bác rền rĩ và tiếng mưa. Nó nghĩ, cái cầu trơn trơn mà nhảy qua mương đi cho lạ(1).

Sáng nay má lại đi qua nhà. Má ngồi xuống cùng với các cô du kích. Tiếng má gọi đầy lên từ xa. Chị em con Bé đang lúi húi lúi khoai dưới bếp, kéo nhau chạy ra. Má cay mũi xuống, treo trên bên tâm cho chị em nó chum bánh ú, đưa dăm dứ dứ vào cái bụng của thằng Hiền đang cời trướng chổng ngổng, rồi lại bơi đi gắp. Các cô du kích tựa súng vào vai, để lộ hai cùi tay và ngực áoбет kùn đất, vỗ tay hoan hô chị em con Bé. Chị em con Bé vỗ tay hoan hô lại má và các cô, cái thuyền đầy lá ngụy trang, lò nhỏ dầu sùng, trời khuất sau lùm cây to tua vì đạn đại bác còn sót lại những cánh hoa đánh đánh trắng muốt. Từng cuộn nước xoay do mái dầm bơi nặng tay của má in lại trên mặt rạch.

Con Bé chờ nghe tiếng súng nổ. Từ sáng tới giờ nó đã leo lên đó mấy lần. Bốn đứa em đứng dưới ngóng tin chị. Thằng Hiền vẫn cời trướng, dưng dưng chân, nghiêng cổ, dõm. Con Anh lớn hơn một chút, bắt chước chị, leo lên cây bình bát mé rạch, ngửa cái cổ rậm nắng và cái cằm như nùm cau nhổng lên. Con Thanh cao hơn con Anh một đầu, nhùm tóc chóp đuôi bò của nó kẹp nhổng sau gáy, nó đang rần sức bồng thăng em út và chỉ tay lên cái bóng chị cao tít tắp trên ngọn dừa như một con chim, đề đồ em.

Con Bé nhìn về phía đó. Nơi trước đây có những đóm vàng của các rẫy khoai, những đường viền xanh của những vườn cây mà nó biết rất rõ ở đó có những cây bưởi vẫn tròn bóng trắng, những dăm mĩa tây đánh lá, những hàng dừa xiêm với tay dọng trái và những rặng măng cầu trầu quả. Bom đạn giặc đã xóa đi tất cả. Bây giờ, trong tàn rụi đó, chỉ còn thấy nóc gác chuông nhà thờ Bà Mi nhon hoắt như một lưỡi dao lấp lóa trong nắng bên cạnh cái bóng chuông cu đen dứa của đồn dân vệ. Xa hơn nữa là làn sông cái, mây như từng tảng núi đá vỡ ra đang sà mình xuống đó.

Lát nữa, sừng sẽ nở ở hướng đó, nó biết vậy. Đó là mặt tròn của má và các cô. Con bé đã từng đến đó nhiều lần, mỗi khi cô giao liên trên huyện chạy đến nhờ nó đưa giùm thư hỏa tốc ra cho má. Khi đi, nó hay mang theo cái thúng. Dọc đường về nó sẽ lượm những củ khoai bom hát vung vãi trên vồng hoặc nhào vào những đám mưa trấu phụt ra từ lên hông nhà máy chà gạo, hứng lấy dây thúng dề tới về ăn muối cho em. Nhưng điều thích thú hơn hết là trong những chuyến đi này nó được ghé vào coi trường học. Nó hay giương đôi mắt tròn vo say sưa nhìn cái miệng cũng tròn vo của cô giáo dạy học trò hát. Thỉnh thoảng cô lại vẽ lên bảng những chữ cũng thiệt tròn trịa như chính bàn tay của cô vậy. Con Bé không biết chữ. Nó chưa được đi học vì còn mắc em. Nó nghĩ đến cái trường học như một trò chơi mà cô giáo chính là nó, còn đám học sinh kia là đàn em nó ở nhà. Con Bé chưa kịp được đi học, thì trường đã bị giặc đốt rụi. Bây giờ, đứng trên cây dừa nhìn xuống cái dây xanh biếc của vườn chuối nhà trường, mắt con Bé bị ngất ra từng khúc màu vàng úa. Trong ánh nắng chói chang, nó nhìn thấy những chữ tròn vo màu phấn trắng từ đó chấp chới bay lên. Cô giáo hát hay cũng đi du lịch rồi, bây giờ cô cũng đi theo hướng đó. Mà sau sừng vẫn chưa nở?

— Thấy má chưa chị Hai?

Đàn em nhóng cổ lên nhìn chị bằng những đôi mắt thèm muốn, như chính chị nó đã mọc ra đôi cánh mà bay lên đó vậy.

— Chưa? Mắt con Bé vẫn không rời những dòng phấn trắng kia.

Con Thanh ôm thẳng em đã tuột xuống đến đầu gối, hỏi:

— Chúng nào dòm thấy?

— Một chút nữa thấy má heng⁽²⁾ chị?

Con Bé vẫn nhìn về phía lớp học, không trả lời em. Thằng Hiền áp bụng vào gốc dừa, cái miệng ngọng lịu của nó, rồi lên như chị nó đã gọi được má về trên ngọn dừa mà chưa kịp xuống với nó vậy.

— Má dặn sao Hiền? Con Bé quát.

— Hiền không ngâm nước mù...

— Má dặn chừng nào má đi đánh giặc thì không được đòi má kia mà!

Từ nhà bên, bỗng có tiếng người hỏi với ra:

— Dứa nào đòi má mày đó, Bé?

— Thằng Hiền đó nội ời!

Đó là bà Sáu Hồ hàng xóm, chị em con Bé vẫn gọi là bà nội. Tiếng bà xen với tiếng tuổi nước ào ào:

— Đòi, đòi, đòi... Nhắc nó hoài nó nhảy mũi⁽³⁾ rồi làm sao. Nơi trận mạc sừng dặn chỗ để dang gi. Từ rây dứa nào còn đòi là tao đánh nghe không! Leo chi cho em chóng mặt vậy Bé?

— Con dòm má mù...

— Nó đi đánh giặc, biết ở đâu mà dòm?

Con Bé cười ngắc ngư trên ngọn:

— Nội à, bỏ ăn dây lang của nội kia. Hui... bô... ô! Đó, con đuổi nó đi rồi. Lát má con về nội nấu khoai ăn nghe nội!

— Cha mẹ mày!

Thường như vậy, bao giờ câu chuyện của lũ trẻ bên kia cũng làm cho bà lão bên này lên tiếng. Bà lão tay cứ làm, miệng cứ rây. Còn lũ trẻ thì cứ việc làm theo ý chúng, bởi những lời rây của bà lão thông thường đều là những lời khen. Sự việc đó quen thuộc như hai nhà đã được dựng lên chung một cái sàn và đi chung một cây cầu nương trước cửa.

Con Thanh là em kế con Bé. Nó vốn ít nói. Khi nào muốn tỏ ra vâng lời thì nó hay đi làm một việc gì đó.

Nghe bà Sáu nói, nó xốc thẳng em nhỏ lên, lới thẳng Hiền lại rồi kêu con Anh trên cây bành bát xuống. Khi cả bốn đứa đã gom lại thành một chùm thì cả chùm lại nhúng cõ lên dóm chị. Trước mắt thẳng Hiền, người mẹ hiện ra như bóng mát của những tàu dừa đang dùng đưa qua lại trên thân cây, rồi như có phép tiên, cái hình ảnh lung linh vui mắt ấy bỗng biến ngay vào cái miệng tròn vo của nó, mang theo vị ngọt của những cái bánh, mùi thơm của những trái chuối mà bà con Tam Ngải vẫn để dành cho chị em nó, gởi cho người mẹ trên đường từ mặt trận trở về. Con Anh thì mong mẹ qua màu vàng lấp lánh của những cục đạn bọc trong túi mẹ. Đó là thứ đồ chơi mà mẹ nó vẫn dạy nó tập dợt. Cái tiếng dợt một, hai, ba quen thuộc ấy giờ đây như đang văng lên trên ngọn dừa rồi cứ âm ỉ mãi trong cái lỗ xò bông tai nhỏ xù của nó.

Con Bé cũng không mong mẹ về. Nó leo lên ngọn dừa như thường ngày nó vẫn leo. Việc đó quen thuộc như cây dừa vốn đã mọc ở trước nhà nó từ lâu lắm. Khi nó mới đồ dề được tiếng «dừa» thì cây dừa đã cao ngệu gấp ba nóc nhà nó và thân cây dừa đã sần sùi những vết đạn ngang dọc của thẳng Tây. Tuy những vết thương đó đã thâm đen nhưng mẹ nó có thể kẻ ra từng vết một thuộc lòng như kẻ chuyện đời xưa của mình. Lần đầu tiên nó tì cái bụng rậm nằng vào gốc dừa muốn leo lên thì bà Sáu la rậm lên, nhưng mẹ nó không rầy mà chỉ cười. Như một con cóc kẻ xinh xắn, vừa tập leo vừa nghênh cõ và mở to đôi mắt đen nhánh nhìn lên ngọn dừa cao vợi vợi. Nó leo lên được một khúc rồi lại tuột xuống. Cho tới một hôm, nó đứng lên được một bẹ lá, hoa mắt nhìn ra xa. Cả đất cả trời, từ bụi chuối tới cây cầu tre, cái gì cũng làm nó reo lên hỏi mẹ. Hôm đó nó hái những trái dừa khô liệng xuống. Nghe tiếng dừa rơi lịch lịch người mẹ ngừng tay, từ trong bếp dóm ra, nghĩ rằng con mình đã có thể nhờ cây được. Từ đó,

người mẹ vác súng đi công tác nhiều hơn, con Bé bằng hết em này tới em khác. Cây dừa xem ra chẳng lớn hơn bao nhiêu so với nó. Ngày ngày nó leo lên đó, như một trò chơi báo tin những nơi bị máy bay bắn cho cõ bác xuống hầm. Nó hay đứng say sưa nhìn về phía trường học, nơi có những hàng chữ tròn vo màu phấn trắng bay lên. Đứng trên đó, nó còn nhìn thấy cả những nơi ba má nó đang đánh giặc. Dưới mắt nó, con dõ, xóm chợ, rặng tràm bầu, bụi chuối, tất cả đất trời Tam Ngải đều nhỏ xiu, thiệt ngộ, in như má và các cô các chú người lớn đã xếp dất ra như vậy. Cũng như chị em nó đã từng lấy gạch vụn bên chùa ông Bồn về xây hầm núp và biến con mương trước cửa thành con sông Hậu để thả xuống lá tre.

Từ phía lân sông, bỗng một vòng khói cuộn lên. Con Bé nhòm chân lên dóm. Má đánh rồi chẳng. Người mẹ hiện ra trong mắt nó, đầu tiên chỉ là một chấm đen nhỏ xiu mà nó vừa nhận ra dưới một rặng cây nào đó, đám khói lơ lửng.

— Má sắp về heng chị Hai?

— Thấy má rồi heng chị Hai?

Con Bé không trả lời em, mắt nó không rời đám khói lúc căng bốc cao. Má có nhìn thấy nó không? Đôi mắt nó mở to. Gió ngoài sông thổi vào cái miệng đang há tròn của nó mát rượi.

— Thấy má không chị Hai? Chị Hai không nói mờ...

Nghe em hỏi nhể nhỏ, con Bé căng tin mình đã nhìn thấy má thật. Dường như má đang xung phong chụp súng, vọt qua mương rượt giặc. Một tay má cầm súng tay kia chọi lựu đạn, lưng má vẫn choàng tấm vải nhựa ướt nước mưa như buổi đêm má ghé về nhà. Bỗng dung gò má con Bé mát lạnh. Cảm giác đó làm nó nhớ đến bàn tay của má. Bàn tay nhỏ nhắn hay thọc lét (*) vào bụng thẳng Hiền. Đêm đêm, mỗi lần má đi chiến đấu

về bàn tay ấy vẫn rờ lên trán chị em nó, làm nó choàng mở mắt dậy. Nó bật la lên:

— Má đó! Má cô đang chạy theo má đó! Má thôi tu huyết (5) đó! Má ngoắt nữa. Má ngoắt tao đó nghen! Nó nhún nhẩy cười híp mắt, hàm răng chuột trắng trắng lấp ló sau mớ tóc lòa xòa — Hiền ơi, Hiền à, má biểu em không được lộn sông nghen! Má biểu con Thanh quây bột cho em ăn rồi lát nữa má về nghen! Đó! Má chọi lộn đạn đó!... Rồi...

— Má không kêu em ha chị Hai?

— Con Anh hả?

—Ừa.

— Má không nói với mấy!

Cái đuôi tóc như đuôi vịt xiêm của con Anh lắc lia:

— Má có nói mừ..

— Ai biểu mấy giành an với em. Dứa nào không ngoan má không thêm về với. Đó, má rứt tui nó đó! Má đang leo cây ổi đó, thấy chưa? Y, má còn ở nửa thấy chưa! Má bần dùng đó, thấy chưa?

Bốn đứa em há miệng như bốn con chim noa:

— Không thấy mừ..

— Em không thấy mừ...

Bà Sáu đang tưới trầu lại phải nheo mắt dòm lên:

— Mày thấy má mấy thiệt hay chơi, Bê?

— Con thấy thiệt nội à!

— Trẻ nhỏ bây giờ mặt nó ông sao thiệt mà — Tay làm miệng nói, bà lão làm như mấy gốc trầu chính là lũ cháu mình vậy — Dạy ra đó ra đi cả buổi chớ gang tấc gì ha? Làm sao mà bây dòm thấy? Đã nói nó đang đánh giặc thì đừng có dòm nó, mấy nghe không Bê?

— Dạ ả á á...

Tiếng da như tiếng reo làm cho thằng Hiền đã leo lên được mọi khúc nhất định không chịu xuống. Bắt đầu từ

trong đám khói con Bê vừa khám phá ra đó, bây giờ hình ảnh người mẹ lại hiện ra trước mắt lũ trẻ, cao lớn sừng sững như một đám mây. Những buổi trưa vào mùa này, Tam Ngải hay có những đám mây màu núi đá như vậy. Chúng cuộn cuộn bay qua đầu con Bê, tỏa bóng xuống đàn em nó ở dưới, và văng vẳng lẫn với tiếng gầm gừ của mấy bay phàn lục như có tiếng má từ trên đó hỏi nó nấu cơm có nhớ dùng chắt nước không? Cho đến lúc đám khói đã tan đi, đám mây cũng bay qua mất, chỉ còn lại một làn vàng sáng và sắc của làn sông cái, con Bê lại thấy mẹ hiện ra ngay giữa làn sông ấy. Đôi mắt má nữa như giận gì nó, nữa như thương nó, muốn ôm lấy nó, má sẽ bằng thằng em nhỏ, con Thanh sẽ được tự do lội xuống rạch ngộp lặn, thằng Hiền sẽ được má cho cầm cây cạc-bin, con Anh lại được tập đếm đạn. Nhưng má chưa về. Hay là má đã về rồi mà còn nấp lại, biết đâu một chút nữa, từ trên ngọn dừa, má sẽ ú ớ, lộ đầu ra, tóc tai dính đầy sinh đất rồi ôm tất cả mấy đứa vào lòng.

Trận đánh vẫn chưa xảy ra, bởi vì sau khi đám khói tan đi thì cái nóc chuồng cu bớt nhà thờ Bà Mi vẫn còn. Trên làn sông, thấp thoáng thấy màu xanh hoặc đỏ viền dưới hông của những con đò mây trôi qua lại. Trong đám vườn của khu trường học, màu vàng ủa đã được che mất bởi bóng mây hời này bay ngang. Con Bê tuột xuống. Đàn em tưởng như chị nó mang luôn cả má xuống theo. Nhưng khi con chị đã tuột xuống tới đất mà không thấy má, lũ em lại dòm ngược lên. Dường như má cùng với trận chiến đấu hời này đã biến mất vào trong những trái dừa xanh biếc đó. Con Bê hiểu ý đàn em, nó gom tất cả lại, nói:

— Bây giờ chơi đi học, nghen! Dứa nào học giỏi mai mốt má cho đi học thiệt.

Thằng Hiền nháy tung tung, nhúm tóc vàng hoe tròn ồm của nó phập phồng như đang thở:

— Em học giỏi nghen chị, má cho em bắn chóc dùm!

Con Anh giờ cái cầm nùm cau ra:

— Em học giỏi hơn nó, em được đi học trước.

— Ừ cho đi hết. — Con Bé gặt đầu với cả ba đứa.

Đàn em tranh nhau ngồi vào một chỗ. Con Bé kẹp lại tóc, thả ống quần xuống lấy cái nón của má đội lên đầu. Nó cố bắt chước cái dáng đi khoan thai, một ngón tay móc vào quai nón của cô giáo khi cô bước vào lớp. Đàn em cũng làm y hệt đám học trò, đứng cả dậy cười hắc hắc chào cô. Hình ảnh người mẹ đã biến mất trong mắt lũ trẻ. Bây giờ thì chắc người mẹ hoàn toàn yên tâm đi đánh giặc ở xa.

Con Bé treo nón lên, mặt tỉnh khô, nó bẻ một nhánh trám bầu làm thước. Bảng đen thì có sẵn tấm bảng khâu hiệu ông Sáu và tờ thông tin đã treo sẵn trên gốc dừa trước ngõ. Con Bé chưa biết chữ, nhưng các cô du kích đã dạy nó đánh vần thuộc lòng những dòng khâu hiệu đó. Mấy đứa em chống hai tay ngồi dóm chị. Giống như cô giáo, con chị đưa mắt nhìn đám học trò của mình, cũng với đôi mắt ướt có thể ánh lên những vệt sáng tự hào và thông minh. Nó nhón chân lên, bàn tay tròn trịa cầm nhánh trám bầu nhịp nhịp trên tấm bảng một cách chăm chú. Đàn em há miệng dóm theo tay chị như chị sợ hàng chữ sẽ chui lọt vào miệng một đứa nào đó, mất cả phần mình. Con Bé đánh vần từng tiếng.

— I mờ ìm, tờ ìm tìm huyền tìm, mờ i mi ngã Mĩ mờ a ma huyền mà,ờ anh danh sắc danh... Tìm Mĩ mà danh, tìm nguy mà diệt! Bắt đầu heng!

Đàn em riu rít đánh vần theo. Thăng Hiền ngọng lịu, nói không kịp hai đứa lớn. Con Anh ngoe ngoáy bao giờ cũng giành phần đọc xong trước. Nó ngồi giữa con Thanh và thăng Hiền, gọn tròn như một củ khoai, hai má núng nính ửng da mặt ngoắt qua ngoắt lại. Con Thanh ngồi cao hơn em một đầu. Nó nhìn con



Anh hăng đôi mắt nghiêng nghiêng không thêm chớp. Nó có hàng lông mi dài và đã nhìn cái gì thì nhìn thật lâu. Tối ngày nó tha thối ở nhà, kể từ ngày nó biết phân biệt được tiếng máy bay các loại và tiếng nổ của đạn đại bác xa gần để giữ em, thay cho con Bê chạy đi hỏa tặc. Nó ngồi đó, hiền dịu, mở to đôi mắt nhìn tấm bảng vừa đọc vừa mân mê mái tóc mai, mặc dầu một tay còn ôm thằng em nhỏ ở trước bụng, và bên cạnh nó, con Anh luôn luôn ngoe ngoáy thức vào người. Thằng em nhỏ nhìn vào miệng ba đứa lớn rồi cũng bị bỏ la lên rồi rít y như trong cuộc này phải có mặt nó vậy.

Bên kia, thấy lũ trẻ đã tụ lại chơi lớp học, bà Sáu đặt nồi khoai lên bếp. Bà vừa chụm lửa, vừa ca kệ nói, làm như lũ trẻ lúc nào cũng ngồi chung quanh bà :

— Con mẹ bay à, ở hồi bằng tuổi bay nó còn cỏi trường leo cau mướn, có khoai dẫu mà ăn...

Ngoài kia gió mát rượi như ngồi đóa bông. Bông lá dừa đu đưa trên đầu lũ trẻ. Tiếng bom nổ và tiếng đại bác đây lên rồi tan biến đi ngay, chúng không thể lẫn lút được cái không gian vốn đẹp dễ này. Giọng đánh vần ngọng nghịu của trẻ con lại vang lên, tưởng như cái lớp học bị giặc tàn phá kia đã được dời về đây, dưới gốc dừa mát mẻ này. Đó cũng là nơi mà ông Sáu, vào những chiều không mưa, hay ra ngồi đương lợp (*) và nói thơ cho lũ trẻ nghe. Cũng là nơi các cô du kích, mỗi lần bao bố trở về, hay ngồi nán lại để kiểm điểm và ăn bánh. Cũng chính nơi đó, qua mỗi ngày gốc dừa lại mang thêm những vết thương mới vì bom đạn Mĩ. Thương tích chẳng chút khắp thân dừa không sao đếm được. Nhiều vết xoáy sâu, mở toang hoác ngay trên những vết đã thâm đen vì đạn Tây cũ. Cũng chính ở đó, khi giặc chạy rồi, khói bom vừa tan, màu cháy xám của thuốc nổ còn ám trên đường xóm, chị em con Bê lại rủ nhau ra moi dẫu đạn

ghim quanh gốc dừa để dành cho ông Mười quân giới. Bông lá dừa lại ve vút trên lưng lũ trẻ, cũng như từ bao năm nay nó đã che mát khoảng đất trước ngõ nhà. Vào mùa này, cứ mỗi buổi trưa trời tạnh ráo, cây dừa lại như vừa được tắm gội, cao lên vôi vọi. Những tàu dừa rủ ngời như tóc chải vươn lên hong nắng. Những vệt nước mưa loang lổ khô dần, thân dừa sứt sẹo lại mang nguyên màu rám nắng của da người.

— Tò ỉm tìm huyền tìm... Mĩ mà diệt ! Diệt Mĩ nguy ghen !

Hàng chữ trắng lung linh trong nắng. Lúc treo tấm bảng lên, người dân Tam Ngãi chẳng ai nghĩ rằng ở đây lại thành một lớp học. Ngày ngày, chen vào giữa những đợt bom và đại bác, lũ trẻ chơi lại trò chơi đó. Và cũng vẫn bài học đó mỗi ngày, những cặp mắt tròn vo của chúng lại mở ra thêm những hiểu biết ngày thơ ỏi lạ mới. Khi thì bà Sáu vừa rầy vừa bụng giảng một số khoai để lớp học ăn cho no bụng, vì mẹ lớp học vắng nhà. Khi thì đang giữa buổi học, thằng Hiền phát lên tiếng chửi quen thuộc : « Ủ ọ thằng Mĩ » giọng ngọng lịu của nó làm cho lũ trẻ cười ồm lên. Khi thì con Thanh phát hiện thấy bác Hai huyện ủy đứng nép ở bên kia rạch nhìn sang chị em nó thiệt lâu, rồi bác cười. Khi thì Con Bê tự cảm thấy mình là cô giáo thật. Cô giáo đã có nón đội đầu, có bao bành cầm tay, nhưng cô giáo còn phải nói chuyện gì với học trò nữa chớ ? Nó nghiêng đầu, ngấm ngấm, cười tủm tỉm, vành môi trên hơi cong lên :

— Tim Mĩ má đánh là như má đánh giặc vậy, heng ! Tại bây chịu không ?

— Chịu mừ. Con Thanh gạt đầu, nhấc tóc chột đuôi bò của nó ở sau gáy chộp lên một cái, thằng em nhỏ liền nín ngay lấy, cho vào miệng.

— Hiền cũng chịu. Hiền đi với má heng chi ?

Thằng Hiền vừa toan nhòm dậy thì bị con Anh ôm lấy cái bụng tròn:

— Tao đi mang đạn cho má bắt chóc dùng, không cho mày đi!

— Má của em mờ...

— Má của tao chờ của mày hồi nào?

Thằng nhỏ càng gỡ, con Anh càng ôm chặt, mặt hai đứa đỏ lừ đỏ lửng.

Nếu người mẹ trở về, và nếu có thể đem đàn con ra trận được, trường hợp này chắc là chỉ sẽ cho chúng theo. Những lũ trẻ không cần biết điều đó. Trong cuộc giành nhau này, đứa nào cũng định ninh rằng mình sắp được ôm súng theo mẹ ra mặt trận. Bởi vì đối với chúng xem ra chẳng có gì cản trở: con đường đất giồng Tam Ngải vẫn rộng rãi, sạch mát, ngày ngày đạn đại bác giặc khoét sâu từng mảng trên đó nhưng cũng không cản được chúng chạy qua chạy lại, mẹ chúng cũng vẫn đi trên đó từ nhà ra mặt trận, rồi lại từ mặt trận trở về. Còn bầu trời Tam Ngải của chúng thì ngay cả trong hơi bom nổ hay trong giặc nổ cũng vẫn xanh biếc, mênh mông.

Đó, bà Sáu ở bên kia lại phải lên tiếng. Con Bé can em bằng cách đánh vần thật lớn lên. Con Anh sợ chỉ đọc hết nên vội buống thằng Hiền ra. Thằng Hiền đang khéc nhè ở a, miệng cũng đổi ra tiếng đánh vần rất gọn. Lớp học lại tiếp tục. Thường như vậy, người mẹ hiện về trong lòng lũ trẻ rất nhanh, chen vào giữa lớp học, hệt như một bóng xuống vút bơi xuống rồi lại vút bơi đi trên con rạch trước cửa. Dương như chị về rất dễ dàng và chỉ ra đi cũng thật nhẹ nhàng. Lũ trẻ đã quen với hình ảnh ấy đến nỗi chẳng bao giờ chúng có ý nghĩ đòi mẹ ở nhà. Chúng giành nhau người mẹ cũng như đã từng giành nhau bầu trời Tam Ngải này là của chúng, con sông Hậu nhĩa xa ngút mắt kia cũng là của chúng. Người mẹ nằm trong những cái quen

thuộc ấy. Chị đi đánh và cảm thấy không bao giờ vắng nhà. Một đám mây cuồn cuộn bay ngang cũng có thể dễ dàng thay thế chị. Ngọn dừa cao vút, nhìn được rất xa làm cho người mẹ vắng nhà hóa gần lại. Trò chơi nhìn mẹ dỗ em của con Bé cũng sinh ra từ đó.

— Tầm Mĩ mà đánh! Dờ anh đánh sắc đánh! Đứa nào đánh rõ văn được chữ đánh thiệt tở mai một má cho đi học.

— Em mờ... Thằng Hiền nhòm dậy. Ở anh anh... đặc ánh!

Con Anh quay ngoắt lại:

— Dờ anh đánh sắc đánh, chứ! Mai không cho nó đi học ghen chị Hai?

Con Bé chẳng những không gát đầu mà lại còn quát lại con Anh, lòng mày nó cong lên:

— Mày ngoe ngoáy vậy không cho mày đi. Bớt mày ở nhà giữ em tao đi!

Lập tức hai tay con Anh lắc lia:

— Em giống má, chị Hai cho em đi mờ... Em không ở nhà mờ...

— Mày giống má hồi nào?

— Má nói má giống em mờ...

— Mày giống má hay má giống mày?

— Em giống má cái mũi con mèo mờ... Rồi nó ngứa cò, muốn khóc giờ cái mũi con mèo lên. Dờ anh đánh sắc đánh... mà không cho người ta đi mờ..

Con Thanh nói:

— Em giống má cái mắt to, heng chị Hai?

— Em cũng giống má cái tóc nữa. Thằng Hiền báy giờ cũng nói kịp, tay nó cầm chòm tóc trên đầu lúi lên. Má vẫn xoa đầu nó và kể rằng hồi nhỏ má đi ở dợ, tóc má cũng vàng hoe, cứng cong, in như nó vậy.

Con Bê không vội can đảm em. Chính nó cũng đang cảm thấy mình giống má. Cô giáo trưởng làng mà nó đang cố bắt chước đó bỗng biến ngay đi cùng với cái tay đang gõ nhịp của cô. Trước mặt nó, hình ảnh người mẹ hiện ra rõ ràng như có thể ôm chầm lấy được. Nó nói:

— Tụi bây giành nhau, tao biếu má không cho đứa nào đi hết. Ngồi yên nghe!

Nó nhìn đàn em không chớp rồi lấy tay gạt mồ hôi sau một việc làm vất vả. Mỗi lần vẽ, má cũng hay nhìn nó và đàn em nó như vậy, trán má cũng đầm nước mưa và má cũng đưa tay gạt ngang như vậy. Nó dựng nhánh trám bầu xuống gốc dừa và nghĩ như má vừa dựng cây súng cạc-bin vào gốc cột. Nó vất hai vật áo và hai ống quần như kiểu nước mưa trên đường về đã hắt vào người nó. Chùm chùm hai bàn tay, nó giúi vào bụng mỗi đứa một cái nói:

— Cho mỗi đứa một cái bánh nê... Rồi ben lên, vành môi trên hơi cong lên, nó nói tiếp — Tao cũng giống má, heng!

Con Thanh gạt đầu. Thằng Hên dòm lom khom vào tay chị để tìm xem còn có cái gì nữa không. Con Anh lắc đầu:

— Chị Hai không giống má nữa...

— Sao không giống?

— Không phải bánh, nữa...

Con Bê ngoắt người đi:

— Mày nói tao không giống, lát má về tao không chia bánh cho mày nữa. Rồi, ai biếu mày nói tao không giống má...

Con Anh khóc

— Không... giống thiệt mà...

— Đờ một mình mày giống hết, ghen!

Lập tức con nhỏ nín ngay.

Lớp học rộn lên vì người mẹ rồi lại tiếp tục. Bông dừa đã hơi ngả sang một bên. Sông Hậu mạnh mẽ thỉnh thoảng lại thổi vào Tam Ngái những cơn gió biển. Trong gió nghe như có tiếng hát. Mùi cá mỗi lần với mùi bom na-pan từ những xóm cồn cũng theo vào. Những cơn vồng màu phù sa hiện ra với nắng nhấp nhô như những làn sóng. Trên đầu những ngọn sóng ấy, đường xóm trải dài cùng với những bóng tre, bóng dừa và bóng trẻ con qua lại. Như những ông già Tam Ngái thường nói, sau này miền Nam giải phóng, bắt cả bọn Mĩ, ném cho mỗi thằng một cái xèng, hện cho chúng một thời gian phải lấp cho hết những hố bom, hố đạn đại bác chúng đã gây ra trên miếng đất sinh sôi này.

— Tờ im tìm huyền tìm Mĩ mà đá anh!

Như con chim biền lần đầu tiên giăng cánh lướt mình trên sông, con Bê cũng đang muốn tìm hiểu ý nghĩa lớn lao của mặt biển trải ra sau hàng chữ đó. Nó nghĩ phải nói thêm với đàn em những gì nữa chớ? Nó thương cây dừa trước ngõ, vì hằng ngày nó leo lên đó nhia má — Có phải nói như vậy không? — Nó thương má lắm, vì thằng Mĩ chưa chịu chết hết nên má còn phải đi đánh chúng, má vắng nhà hoài nên cứ thương má hoài.

Lớp học kết thúc vì bà Sáu kêu tất cả sang ăn khoa. Gốc dừa còn đó, tấm bảng khẩu hiệu cũng còn treo đó, ngày mai hoặc chỉ một lát nữa, con Bê sẽ gem đàn em lại đây. Bài học đầu tiên sẽ vang lên, niu chân những người qua lại. Chắc chắn hình ảnh người mẹ sẽ lại trở về trong mắt lũ trẻ, chị sẽ chen vào lớp học, vội vã mà khoan thai, chùm bánh ú mang trên đầu súng, đôi mắt to long lanh của chị sẽ nhìn đàn con như muốn ôm chặt lấy từng đứa vào lòng.

Rồ khoai đã gần hết, con Bé chưa kịp nói ý nghĩ thương má của mình với đàn em thì từ phía Bà Mi bỗng sùng nổ rộ lên, bắt đầu là những tiếng sùng thường n he chầu nhe. Bà cháu kéo cả ra sân. Không gian lặng hẳn lại, nhường cho tiếng sùng dội về mỗi lúc mỗi càng. Lũ trẻ đứng dõm chí. Con Bé nghiêng tai, vành môi cong cong của nó hơi động dấy rồi thỉnh thoảng mở to

— Má đánh rồi!

Lập tức nó leo lên ngọn dừa. Bà Sáu can không kịp Bà lộng cọng gom mấy dứa nhỏ lại rồi cũng đứng nhóng lên, chờ tin nó. Khoi đã che mất cái chuông cu bót Bà Mi, chỉ còn cái nóc nhà thờ nhon hoắt đâm lên giữa đám khoi như một cái đinh.

— Đứng má đánh rồ ồ ồ ồ 1...

Con Bé thót lên lạnh lạnh, rồ hơn. Dừng là má rồi! Má đang bắn, đang dốt lên những đống lửa kia. Lăn sông cái bị khoi che mất một khúc. Cảnh đồng cảnh đồ đen lại.

Má dốt bót rồ ồ ồ 1...

Sùng nhỏ nổ rồ rồ hơn. Tiếng sùng lớn đồn dập nghe lờng lờng. Cả xóm đồ ra, nhóng lên ngọn dừa. Tiếng reo của con Bé bay xuống, lẫn vào trong tiếng dọn dẹp của bà Sáu, tiếng bơi xuống vọt vọt trên rạch và tiếng gọi con ơ ơ của các bà bên xóm chợ. Đám khoi lúc càng bốc cao. Đó, con Bé lại nhìn thấy một chấm đen vọt thoảng qua trong đám khoi. Từ đây đến đó xa lắm, con sông Hậu chỉ nhìn thấy như một làn nhỏ văng vặc, nhưng biết đâu cái chấm đen đen ấy chẳng phải là một con người? Có ai cãi lại với nó đó không phải là má đâu?

— Má xung phong rồi nghen! Tiến lên má... á... á. Tiếng nó kéo dài, văng vẳng. Chắc má đã chạy vào trong đám khoi rồi. Các cô du kích đang chạy theo má. Cô Thà cô giáo ở cái trường làng bị giặc dốt đang chạy

lên, một chút bụi phấn trắng của vương trên vai áo. Sùng nổ rồ hơn.

Tiếng sùng quân ta xung phong...

Con Bé tuột xuống tới gốc thì đàn em đã sẵn sàng. Thăng Hiền ôm tiêu liên, con Anh vác sùng máy, con Thanh đeo «bá đồ», thằng em nhỏ cầm cờ. Nhánh trám bầu vẫn dựng sẵn ở gốc dừa, con Bé cầm lấy, đó là cây cạc-bin.

Nâng chiếu viển quanh đám khoi, hất ra chung quanh những tia lửa đỏ rực. Bắt đầu từ vách lá sau nhà lũ trẻ xung phong vọt qua bờ mương núp sau gốc dừa trước ngõ, nổ sùng về phía trước thật dữ dội.

Sáng hôm sau, giữa lúc máy bay đang quần đảo, có một người dân bà vác sùng, tay cầm lá nguy trang, bước vào trong xóm. Tiếng cười đi trước, con người đi sau, cả xóm lên theo bóng cây nghe chuyện chiến đấu của chị. Chị vấp tấm choàng lên vai, trao sùng cho con Bé, tay sùng có treo chùm bánh ú, rồi ôm lấy mấy dứa con đi vào bước, chị lại đứng đề trả lời có bác. Cả xóm ai cũng muốn hỏi thăm chị một câu. Tiếng chị kéo dài trên đường xóm. Thằng nhỏ trên tay chị bị bỏ, cạy những miếng bún khô dính trên vai áo mẹ. Lũ trẻ chạy theo chị như lũ gà con.

Con Anh chạy lon ton lên trước chân mẹ như sợ mấy đứa kia sẽ tranh hết phần mẹ của mình. Nó nói:

— Con thấy má xung phong rồi...

— Con cũng thấy má nữa... Thăng Hiền nói theo.

— Thấy làm sao? — Người mẹ hỏi.

— Thấy má vậy nè...

Nó chụm hai chân, nhảy tới một bước như kiêu má nó vẫn nhảy qua bờ mương trước cửa.

Thấy thằng Hiền được mẹ hỏi, con Anh vội nín lấy áo mẹ:

— Con cò lột ò cây đa (?) heng má, má đi đánh giặc cho con, không phải cho thằng Hiền heng má?

Thằng Hiền vội nín lấy tay mẹ, như đánh dư:

— On...ò...lột ò ay da, cho on nữa heng má?

Người mẹ cười xoa mớ tóc tròn úm của đàn con:

— Ừa, cho hết mấy đứa.

Bà Sáu bỗng lên tiếng, bà đang nhấc rổ khoai trên gác bếp xuống:

— Nó đang ở với tao, mẹ dám bay về cho nó lị con cò con vạc om sòm vậy?

Người mẹ cười ngất, môi chị thoáng vết trầu đỏ tươi. Chị xoắn luôn thằng Hiền lên một tay nữa, hít vào má nó, rồi cả hai tay bồng hai đứa con, chị bước nhẹ nhàng qua cây cầu mương trước cửa, vào nhà đi thủng xuống bếp. Đó là Chị Nguyễn Thị Út, người anh hùng của quân đội chúng ta.

Bớt Ba Mi bị san bằng. Trường học đã lập tức được dựng lại. Tối hôm đó, chị Út bảo con:

— Lát má đi mượn xuống, ngày mai con Bé dắt em vô trong Ba Mi, chờ gạch vụn trên bớt về xây hầm núp ngoài trường mới với các bạn. Trường làm xong má cho chị em bay đi học hết.

Con Bé vừa rửa chân vào. Nó cứ dề nguyên hai ống quần đang xà dờ dang, mở to mắt như hai miếng ốc, dòm mẹ. Đàn muỗi từ ngoài sân theo vào vây quanh khuôn mặt nó vo ve trước cái miệng há tròn của nó. Bộ dạng nó tựa như đang hát. Bài hát mà nó đã từng đứng nghe một cách rất say sưa khi ghé ngang rợp học, mỗi lần cầm thư hòa tấu ra mặt trận cho má trở về.

— Má cho con đi học thiệt nhen!

Nó thót lên giường, xô mớ tóc của má xuống lưng, vừa chại vừa tần mần tết lại từng bím một. Cho đến

lúc má ru xong thằng em ngủ, tóc má đã thành một bím dài, trông lạ hoắc giống hệt như cô giáo sắp tới của nó vậy.

Rồi một buổi sáng, con Bé dắt đàn em đi học, mọi cái đối với nó đều vừa quen thuộc, vừa bỡ ngỡ. Vẫn cô giáo du kích, niềm ao ước mai sau của nó đó, một tay cầm nón, một tay ôm bao báng. Vẫn gian lớp học mà chị em nó vừa góp sức làm ra. Cô giáo kể chuyện đánh giặc thật là mê. Trên bàn cô bày giờ có thêm một cây súng chiến lợi phẩm thật mới. Mỗi lần máy bay tới bắn phá xóm, cô dẫn lũ trẻ ra hầm núp, bàn tay đầy phấn trắng của cô chong súng theo máy bay. Buổi trưa, trời trong, chị em con Bé lại được cô dẫn ra chỉ cho thấy cây dừa trước ngõ nhà mình. Giờ này, má lại vắng nhà. Ở xa chỉ thấy gó biển lam cho những tàu dừa khế du đưa, giống hệt như mí đang đứng đó vượt tốc nhìn chị em nó.

6-1966

NGUYỄN THỊ

1- Xuất xứ: Truyện ngắn này rút trong tập Truyện và kí của Nguyễn Thị (1978). Truyện được sáng tác vào thời kì cách mạng miền Nam thu được nhiều thắng lợi và các vùng giải phóng không ngừng được mở rộng.

Tác giả Nguyễn Thị (1928-1968), tên thật là Nguyễn Hoàng Ca, còn có một tên gọi và cũng là một bút danh khác: Nguyễn Ngọc Tấn, quê ở xã Hải An, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định (nay thuộc tỉnh Hà Nam Ninh). Nguyễn Thị làm thơ, viết văn và hoạt động văn nghệ trong quân đội từ năm 1950. Trong kháng chiến chống Mĩ, ông có nhiều truyện và kí có phong cách đặc sắc và được nhiều người yêu thích. Ông hi sinh trên chiến trường miền Nam tại đường Minh Phụng, thành phố Sài Gòn trong Tổng tấn công Mậu Thân (1968). Một số tác phẩm về truyện và kí đáng chú ý của ông: Người mẹ cầm súng (truyện kí - 1965), Dòng kinh qua hương

(tây bát - 1965). Những đứa con trong gia đình (truyện ngắn - 1966). Ở xa Trung Nghĩa (tiểu thuyết).

1. Lẹ: có nghĩa là nhanh, mau. 2. Heng: phải không.
3. Nhảy măt: bắt hơi. 4. Thọc lết: cù. 5. Tu huyết: còi.
6. Đương lạp: (tiếng địa phương Nam Bộ) đàn một thứ dụng cụ đồ bắt cá. 7. Cay đa: cay đa.

II- Đoạn từ đầu đến «thả xuống lá tre»: đọc với giọng tự nhiên như giọng kể chuyện. Cần làm nổi rõ qua giọng đọc tính cách nhân vật ở những lời đối thoại. Giọng của con Bé và các đứa em thì hồn nhiên thơ ngây. Giọng của bà Sáu thì chất phác, hồn hậu.

Đoạn cuối từ «Rồi khonh đã gần hết...»: đọc với giọng to (vừa đủ cả lớp nghe), khỏe, vui và phấn chấn. Cần biểu lộ qua giọng đọc niềm vui vẻ, phấn chấn, hào hứng của chị Út, của bà con hàng xóm và của lũ trẻ con chị Út.

III- 1. Nhân vật Bé ở trong truyện ngắn này có những cử chỉ, việc làm, đức tính gì để lại cho em ấn tượng sâu sắc hoặc khiến em yêu thích? Vì sao?

2. Những đứa em của Bé được tác giả miêu tả trong truyện ngắn này như thế nào? Em có yêu thích chúng không? Vì sao?

3. Nhân đề của truyện ngắn này là «Mẹ vắng nhà», nhưng trong truyện lại có những câu: «Lớp học rộn lên vì người mẹ rồi lại tiếp tục...» «Chắc chắn hình ảnh người mẹ sẽ lại trở về trong mắt lũ trẻ, chị sẽ chen vào lớp học...» Vậy, ở trong truyện này, người mẹ đã trở về như thế mấy lần, là những lần nào? Hình ảnh người mẹ những lúc ấy được miêu tả như thế nào? Bằng biện pháp nghệ thuật gì? Và có ý nghĩa gì đối với lũ trẻ?

4. Cảnh chị Út trở về ở đoạn cuối truyện được tác giả miêu tả như thế nào? (Gợi ý: Hình ảnh chị Út, thái độ của bà con hàng xóm, của lũ trẻ con chị được miêu tả ra sao?)

IV- 1. Đọc diễn cảm đoạn đầu và đoạn cuối truyện như phần «Hướng dẫn đọc» đã gợi ý.

2. Tóm tắt truyện này trong khoảng 15-20 câu.

3. Bút tập viết ngắn: Phát biểu cảm nghĩ của em về nhân vật Bé trong truyện

4. Vẽ tranh minh họa truyện hoặc chuyển thể truyện thành kịch ngắn và biểu diễn (làm ở nhà, không bắt buộc).

BÀI 25

KHÚC HÁT RU NHỮNG EM BÉ LỚN TRÊN LUNG MẸ

Em Cu Tạt ngủ trên lưng mẹ ơi
Em ngủ cho ngoan đừng rời lưng mẹ
Mẹ già gạo mẹ nuôi bộ đội

Nhịp chày nghiêng giấc ngủ em nghiêng
Mồ hôi mẹ rơi má em nóng hổi
Vai mẹ gầy nhấp nhò làm gối
Lưng đưa nôi và tim hát thành lời:

— Ngủ ngoan, a-kay ơi (!), ngủ ngoan a-kay hỡi
Mẹ thương a-kay, mẹ thương bộ đội
Con mơ cho mẹ hạt gạo trắng ngần
Mai sau con lớn vung chày lùn sần...

Em Cu Tạt ngủ trên lưng mẹ ơi
Em ngủ cho ngoan đừng rời lưng mẹ
Mẹ đang tía bắp (!) trên núi Ka-lui?
Lưng nứt thỉ to mà lưng mẹ nhỏ
Em ngủ ngoan em đừng làm mẹ mỏi
Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi
Mặt trời của mẹ em nằm trên lưng

— Ngủ ngoan a-kay ơi, ngủ ngoan a-kay hỡi
Mẹ thương a-kay, mẹ thương làng đói
Con mơ cho mẹ hạt bắp lên đều
Mai sau con lớn phát mười Ka-lui...

Em Cu Tạt ngủ trên lưng mẹ ơi
Em ngủ cho ngoan đừng rời lưng mẹ
Mẹ đang chày lán, mẹ đi đập rừng
Thằng Mí đuổi ta phải rời con suốt

Anh trút cùm sừng, chị gát cùm chông
Mẹ đưa em đi đã giành trận cuối
Tà trên lưng mẹ, em đến chiến trường
Tà trong đót khò, em vào Trường Sơn

— Ngủ ngoan a klay ơ, ngủ ngoan a klay hời
Mẹ thương a klay, mẹ thương đất nước
Con mơ cho mẹ được thấy Bác Hồ
Mai sau con lớn làm người Tự do.

25-3-1971

NGUYỄN KHOA ĐIỀM

1— Xuất xứ: Bài thơ này rút trong tập Thơ Việt Nam 1945-1985 (1985). Bài thơ được sáng tác vào thời kỳ cách mạng miền Nam thu được những thắng lợi vang dội và tiến gần đến ngày toàn thắng.

Tác giả: Nguyễn Khoa Điềm sinh năm 1943, quê ở Bình Trị Thiên thuộc thể hệ nhà thơ trưởng thành trong thời kỳ kháng chiến chống Mĩ, cứu nước. Một số tác phẩm chính về thơ của Nguyễn Khoa Điềm: *Bài thơ về tiểu tư sản* (1971), *Mai dương khúc vọng* (1971), *Đất và nước vọng* (thơ tuyển, 1984).

1. A klay: (tiếng dân tộc Tà Ôi): con. 2. Bắp: (Tiếng địa phương) ngô.

II— Bài thơ là lời một « khúc hát ru nhưng em bé lớn trên lưng mẹ » trong đó có 3 lời hát ru của bà mẹ Tà Ôi ở cuối bài đoạn thơ. Rồi vậy cần đọc bài thơ với giọng âm áp, thân thương. Ở 3 lời hát ru của bà mẹ cần đọc với giọng âm điệu âu yếm, làm nổi rõ qua giọng đọc tình mẹ thương con. Cần nhấn giọng và chú ý đọc đúng ngữ điệu các câu thơ: « Ngủ ngoan a klay ơ, ngủ ngoan a klay hời » và « Em Cu Tai ngủ trên lưng mẹ ơi, em ngủ cho ngoan đừng rời lưng mẹ ».

III— 1. Em có cảm nghĩ gì về hình ảnh người mẹ Tà Ôi ở trong bài thơ này? (Gợi ý: Người mẹ Tà Ôi dù con khi đang làm việc gì? ở đâu? Tâm lòng người mẹ yêu thương con của bà gắn với những tình cảm nào? Bà mẹ mong ước gì ở con?)

2. « Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi, Mặt trời của mẹ, em nằm trên lưng ». Ở hai câu thơ này, tác giả đã dùng biện pháp tu từ gì? Em phân tích giá trị biểu đạt nội dung của hình ảnh tu từ: « Mặt trời của mẹ em nằm trên lưng ».

IV— 1. Đọc thuộc lòng và diễn cảm bài thơ.

2. Bài thơ này đã được phổ nhạc thành bài hát. Em hãy hát bài hát đó (tùy khả năng, không bắt buộc).

3. Bài tập viết ngắn: Trong các bài thơ mà em đã được học và đọc thêm ở các lớp 6, 7 và 8 có những câu thơ nào dùng hình ảnh « mặt trời »? Em hãy phân tích một trong những hình ảnh thơ đó.

BÀI ĐỌC THÊM

CON CỎ

I

Con cò bé trên tay
Con chưa biết cò cò
Nhưng trong lời mẹ hát
Có cánh cò đang bay
« Con cò bay lá
Con cò bay lá
Con cò Cồng Phê
Con cò Đồng Đăng... »⁽¹⁾
Cò một mình, cò phất kiếm lấy ăn
Con cò mẹ, con chơi rồi lại ngủ.
« Con cò ăn đêm
Con cò ăn đêm
Cò gặp cánh mền
Cò sợ xáo măng... »
Ngủ yên, ngủ yên, cò ơi, chớ sợ
Cánh cò mền, mẹ đã sẵn tay nâng.
Trong lời ru của mẹ thêm hơi xuân

Con chưa biết con cò con vạc,
Con chưa biết những cánh mềm mẹ hát,
Sữa mẹ nhiều, con ngủ, chẳng phân vân.

II

Ngủ yên, ngủ yên, ngủ yên,
Cho cò trăng đến làm quen,
Cò đứng ở quanh nôi,
Rồi cò vào trong tổ
Con ngủ yên thì cò cũng ngủ
Cánh của cò, hai đứa đắp chung đot.
Mắt khôn lớn, con theo cò đi học,
Cánh trắng cò bay theo gót đôi chân.
Lớn lên, lớn lên, lớn lên...
Con làm gì?
Con làm thi sĩ (?).
Cánh cò trắng lạt bay hoạt không nghỉ,
Trước hiên nhà
Và trong hơi mát câu văn.

III

Dù ở gần con,
Dù ở xa con, lên rừng xuống bể,
Cò sẽ tìm con,
Cò mãi yêu con
Con dù lớn vẫn là con của mẹ,
Đi hết đời, lòng mẹ vẫn theo con.
À ơi!
Một con cò thoát,

Con cò mẹ hát.
Cũng là cuộc đời
Vỗ cánh qua nôi.
Ngủ đi, ngủ đi!
Cho cánh cò, cánh vạc,
Cho cả sắc trời
Đến hát
Quanh nôi.

CHẾ LAN VIÊN

Chú giải

Chế Lan Viên sinh năm 1920, tên thật là Phan Ngọc Hoan, quê ở tỉnh Quảng Trị (nay thuộc tỉnh Bình Trị Thiên) Tác phẩm chính về thơ của ông: «Điều trần» (1938), Gửi các anh (1952), Ánh sáng và phù sa (1960), Hoa ngày thường chim báo bão (1967), Những bài thơ đánh giặc (1972), Đất thoát một (1973), Ngày út đạt (1975), Hoa trước lăng Người (1975), Hát hoa theo mùa (1977), Hoa trên đá (1984). Ngoài sáng tác thơ, Chế Lan Viên còn viết bút kí, tùy bút: Những ngày nổi giận (1967), Giềng của số thành (1978) và viết bình luận văn học: Phê bình văn học (1962), Suy nghĩ và bình luận (1971), Bay theo đường dân tộc đang bay (1976), Nghĩ cạnh dòng thơ (1982).

1. Đồng Đăng: một thị trấn của tỉnh Lạng Sơn gần biên giới Việt - Trung. 2. Thi sĩ: nhà thơ.

Gợi ý

Bài thơ có nhan đề «Con cò». Con cò trong lời mẹ hát ru con. Con cò trong ca dao ngàn xưa. Con cò trong lời mẹ hát hôm nay ấp ụ, vỗ vè, nâng giấc con. Con cò bay theo lời hát, theo tấm lòng mẹ, gửi ước mơ, hi vọng: «Đi hết đời lòng mẹ vẫn theo con».

Bài thơ có nhạc điệu gợi âm hưởng một lời hát ru man mác tình mẹ thương yêu con.

ÔN TẬP VĂN THƠ GIAI ĐOẠN TỪ CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 ĐẾN NAY

I - Câu hỏi ôn tập

1. Em hãy cho biết một vài nét về lịch sử xã hội Việt Nam giai đoạn từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay (những nét có liên quan đến việc hiểu biết các tác phẩm mà em đã được học và đọc thêm ở giai đoạn này).
2. Em hãy kể tên những bài thơ, những truyện mà em đã được học và đọc thêm ở giai đoạn này (có kèm theo tên tác giả). Phân tích một vài nét về nội dung và nghệ thuật của một trong những tác phẩm đó.
3. Trong các bài thơ mà em đã được học và đọc thêm, em yêu thích câu thơ, đoạn thơ, hình ảnh thơ, hoặc bài thơ nào nhất? Em hãy phân tích câu thơ, đoạn thơ, hình ảnh thơ hoặc bài thơ đó. Trong các truyện mà em đã được học và đọc thêm, nhân vật nào để lại cho em ấn tượng sâu sắc nhất hoặc em yêu thích nhất. Em hãy phân tích một vài đặc điểm của nhân vật đó.

II - Một số hình thức hoạt động ngoài giờ.

1. Tìm đọc thêm một số truyện ngắn và bài thơ ở trong hai tập: *Truyện ngắn Việt Nam 1945 - 1985* và *Thơ Việt Nam 1945 - 1985* của Nhà xuất bản Giáo dục (1985).
2. Thi đọc thuộc lòng và diễn cảm, thi ngâm thơ các bài thơ đã học và đọc thêm.
3. Thi chuyển thể thành hoạt cảnh hoặc kịch và diễn xuất về một tác phẩm đã học và đọc thêm (*Mẹ vắng nhà* (Nguyễn Thi), *Làng* (Kim Lan)...)

PHẦN HAI

VĂN THƠ NƯỚC NGOÀI

BÀI 27

CHIẾC LÁ CUỐI CÙNG

Trong một khu nhỏ phía tây quảng trường Oa-sinh-tơn⁽¹⁾, phố xá nằm lộn xộn và hòa lẫn vào trong những dải đất mênh mông gọi là những « biệt khu »⁽²⁾. Những « biệt khu » này tạo nên những góc, những đường vòng lạ lùng. Một đường phố gấp lại chính đường phố đó một hoặc hai lần. Một nhà nghệ sĩ có lần đã tìm ra một tính chất có phần nào có giá trị của đường phố này. Giả sử một người mang phiếu thu tiền mua màu vẽ, giấy và vải bạt đi qua phố này, bỗng thỉnh lách nhận ra chính bản thân mình quay trở lại phố đó, mà chưa thu được một xu nào cả!

Như vậy những nhà nghệ sĩ lang thang đến làng Grin-nich⁽³⁾ kì dị, cổ kính này để lùng kiếm những cái cửa sổ quay về hướng bắc, những cái hời nhà thuộc thế kỉ thứ mười tám, những căn phòng sát mui kiêu Hà Lan và giá tiền thuê hạ. Thế rồi, họ nhập cảnh vào một ít bùn đỏ các loại, một hai cái đĩa cũ kĩ đã mòn mang từ Đại lộ Thứ sáu, và họ trở thành một « khu kiều dân »⁽⁴⁾ ở đó.

Xiu và Gion-xi có xưởng vẽ ở tầng trên cùng của một ngôi nhà gạch ba tầng, đáng bề bệ. Gion-xi là tên thường gọi của Giô-e-vơ. Một người từ Mây-nơ và một người từ Kê-li-pho-ni-ơ tới. Họ gặp nhau tại bàn ăn bán định xuất trong khách sạn Đen-mô-ni-cô ở Phố Thứ tám. Họ có cùng một sở thích về nghệ thuật, về rau xà lách, về ống tay áo ngoài, họ thích hợp với nhau đến nỗi kết quả là một xưởng vẽ chung ra đời.

Hồi đó là vào tháng năm. Đến tháng mười một, một người là mồi lạnh lẽo và vô hình, mà các bác sĩ gọi là gã Viêm phổi (⁵), lên đến bên khu «kiểu dân», ngón tay lạnh như băng mó vào nơi này một người nơi kia một người. Khắp khu phía đông, kẻ tàn phá này bước những bước dài mạnh bạo, đánh gục hàng chục nạn nhân, nhưng bàn chân của hắn bước chậm chạp qua các đường phố ngoằn ngoèo của những «biệt khu» chật hẹp, phủ đầy rêu.

Gã Viêm phổi không có tư cách cáo thương của một hiệp sĩ thời xưa. Một cô gái bé bỏng, màu da càn dần bởi hung làn gió tây Kê-li-pho-ni-ơ khó có thể là con mồi chính đáng đối với một tên già xuân ngọc, cò tay đỏ hồng, hơi thở hồn hèn. Tuy vậy, hắn vẫn đánh gục Gion-xi và nàng nằm hầu như không cử động trên chiếc giường bằng sắt quét sơn; nàng nằm đó, đưa mắt qua những ô cửa nhỏ bé kiểu Hà Lan, nhìn bức tường trống trải của ngôi nhà gạch đối diện.

Một buổi sáng, ông bác sĩ luôn luôn bận rộn mới Xiu ra hành lang, cặp lồng máy sàu róm màu xám nhũ lại. Ông bác sĩ vừa lắc cho thấy ngàn trong cái cặp nhiệt tụt xuống, vừa nói:

— Cô ấy mười phần chỉ sống nổi, chúng ta hãy nói là một thôi. Và một phần đó cũng còn tùy ở cô ta muốn sống hay không. Người nào đã có ý định không muốn sống thì tất cả thuốc men chỉ còn là một thứ vô dụng mà thôi. Có bạn bé nhỏ của cô tin chắc cô ta không

thể hồi phục được nữa. Cô ấy có vấn đề gì vương vấn trong đầu không nhỉ?

Xiu trả lời:

— Cô ấy... cô ấy muốn một ngày nào đó sẽ vẽ một bức tranh về vịnh Na-pơ.

— Về à! Hừ! Cô ấy có điều gì đáng quan tâm gấp đôi thế không, một người đàn ông chẳng hạn?

— Một người đàn ông? — Xiu thốt lên, bật ra như một tiếng đàn vừa buông cung — Một người đàn ông liệu có đáng không, nhưng không, thưa bác sĩ, không có cái gì thuộc loại ấy cả.

— Hừm, thế là thiếu sót đấy. Tôi sẽ vận dụng tất cả những khả năng của khoa học mà tôi đã cố gắng thu thập được. Nhưng khi nào bệnh nhân của tôi đã bắt đầu tỉnh xem có bao nhiêu cỗ xe dự đám tang của cô ấy, thì tôi phải trừ đi năm mươi phần trăm công hiệu của thuốc men. Nếu cô có thể làm cho bạn cô quan tâm đến thời trang mới về mùa đông của phụ nữ, những kiểu ống tay áo chẳng hạn, thì tôi có thể hứa với cô: trong mười phần có thể sống được hai, chứ không phải một đâu.

Sau khi bác sĩ ra về, Xiu vào xưởng vẽ, khóc ướt mủn chiếc khăn giấy Nhật Bản. Rồi nàng mang băng vẽ sang phòng Gion-xi và huýt sáo một điệu hài hước.

Gion-xi nằm im, hầu như không làm cái chân gợn lên một chút nào, mặt quay về phía cửa sổ. Xiu ngừng huýt sáo, tưởng Gion-xi đang ngủ.

Xiu sắp đặt băng vẽ và bắt đầu vẽ bằng bút sắt và mực đen mình họa cho một truyện in trong tạp chí. Những họa sĩ trẻ phải lát con đường đi vào Nghệ thuật của họ bằng những bức mình họa truyện in trong tạp chí, những truyện mà những nhà văn trẻ viết đề lát con đường của họ đi vào Văn học.

Khi đang vẽ phác chiếc quần phong nhã để bêu diễn cười ngạo và chiếc kính một mắt cho một nhân vật, — một gã cao bồi Ai-dơ-hô. Xiu nghe thấy một tiếng khe khẽ lặp lại nhiều lần. Nàng bước nhanh đến bên giường Gion-xi.

Mãi Gion-xi mở to. Nàng đang nhìn ra phía ngoài cửa sổ và đang đếm ngược lại:

« Mười hai » và một lát sau « mười một » và « mười », « chín » rồi liên tiếp « tám », « bảy ».

Xiu nhìn ra ngoài cửa sổ và lo lắng. Có gì mà đếm thế nhỉ? Chỉ có cái sân trời trời, tẻ ngắt, và bức tường trống trải của ngôi nhà gạch cách đó sáu thước. Một cây leo già cỗi, tàn héo, cằn nhưa sống, rễ dày những hươu, bám đến lưng chừng bức tường gạch. Hơi thở lạnh lẽo của mùa thu đã rút đi những chiếc lá và cây leo giờ chỉ còn lại bộ xương khẳng khiu, hầu như trơ trụi, bám vào bức tường đồ nát.

Xiu hỏi:

— Cái gì thế, em thân yêu?

— Sáu, — Gion-xi nói, lời của nàng chỉ là một tiếng thì thầm. — Bây giờ chúng rung nhanh hơn. Ba ngày trước, vẫn còn đến một trăm. Lúc đêm, em thấy rúc đầu. Giờ thì dễ rồi. Lại một chiếc nữa. Giờ chỉ còn lại năm.

— Năm cái gì cơ em? Kể cho Xiu-di^(*) của em nghe đi nào.

— Những chiếc lá. Trên cây leo. Khi chiếc lá cuối cùng lìa cành thì em chắc chắn cũng sẽ lìa đời. Em đã biết thế từ ba ngày trước. Bác sĩ không nói gì với chị ư?

— Trời ơi, chị chưa bao giờ nghe thấy một điều vô lý như thế — Xiu than vãn, hết sức trach móc. — Những chiếc lá của cây leo già cỗi đó có quan hệ gì đến việc sức khỏe của em đang khá dần lên đâu. Trước đây em

thích cây leo đó lắm kìa mà! Em hu lắm. Đừng ngờ ngán như thế nữa. Ở này, sáng nay bác sĩ bảo chị là sức khỏe của em sẽ hồi phục rất nhanh thôi — để chị nhớ lại chính xác xem bác sĩ đã bảo thế nào đã — bác sĩ nói m rời phần thì có cần phần chắc chắn đây. Đúng thế, điều này cũng gần chắc chắn như khi ở Niu Y-oóc chúng ta đi tàu điện hay đi bộ qua một bin-dinh^(*) mới. Giờ em hãy cố ăn một ít nước xúp nhé. Và để Xiu-di của em về đưa cho nhà xuất bản để lấy tiền mua rượu poóc-tô cho đứa em nhỏ đang ốm của cô ấy và mua sườn lợn cho chính cái cô tham ăn ấy nữa.

— Chị không cần mua thêm rượu làm gì. — Gion-xi nói, mắt vẫn đắm đắm nhìn ra phía ngoài cửa sổ — Lại một chiếc lá nữa rơi. Không, em không cần nước xúp đâu. Giờ chị còn có bốn. Em muốn nhìn thấy chiếc lá cuối cùng lìa cành trước khi trời tối. Rồi thì em cũng sẽ ra đi.

— Gion-xi, em thân yêu — Xiu nói, cúi xuống phía Gion-xi. — em có hứa với chị là sẽ nhâm mật lại, không nhìn ra ngoài cửa sổ nữa cho đến khi chị về xong không nào? Mai chị đã phải giao những bức vẽ này. Chị cần ánh sáng để vẽ, nếu em không nghe lời, chị đành phải hạ rèm xuống đây.

Gion-xi lạnh lùng hỏi:

— Chị không thể vẽ ở buồng khác được à?

— Chị thích ở đây, bên cạnh em. Hơn nữa, chị không muốn em tiếp tục ngắm những chiếc lá vó vắn kia.

— Khi nào về xong, chị bảo em ngay nhé, — Gion-xi nói, mắt nhắm lại, nằm yên lặng và trắng nhợt như một pho tượng bị đổ. — Bởi vì em muốn nhìn thấy chiếc lá cuối cùng rơi. Chờ đợi làm em chán lắm rồi, nghĩ ngợi cũng làm em chán lắm rồi, em muốn buông tay ra khỏi tất cả những thứ em còn đang nắm và rồi lướt xuống, lướt xuống hết như một trong những chiếc lá một mối, đáng thương đó.

Xiu buồn bã làm theo.

Nhưng kia! Sau cơn mưa to gió lớn, một chiếc lá vẫn chịu đựng nổi qua cả một đêm trường, vẫn in rõ ràng trên bức tường gạch. Đó là chiếc lá cuối cùng. Chỗ gần cuống lá còn xanh thẫm, nhưng đường viền răng cưa xung quanh đã nhuộm màu vàng của sự vàng úa và của cái chết, chiếc lá dững cắm bám vào một cành cách mặt đất chừng sáu thước.

Gion-xi nói

— Chiếc lá cuối cùng. Em nghĩ là thế nào đêm qua nó cũng rụng. Em đã nghe thấy tiếng gió thổi. Hôm nay, nó nhất định sẽ lìa cành và em cũng lìa đời.

— Em thân yêu, em yêu dấu! — Xiu nói, nghiêng khuôn mặt hão hơn xuống mặt gối. — Nếu em không nghĩ tới bản thân mình nữa thì cũng nên nghĩ tới chị. Chị biết làm thế nào bây giờ?

Gion-xi không trả lời. Cái cô đơn nhợt trên thế gian là một tình hồn đã sẵn sàng bắt đầu chuyến đi xa và huyền bí. Cái nghĩ lạ lùng của Gion-xi hình như xâm chiếm lấy nàng mỗi lúc một mạnh mẽ hơn trong khi mỗi ràng buộc giữa nàng với tình bạn, với thế gian lần lượt được gỡ ra từng mối một.

Ngày cuối thế trời dần và ngay cả qua ánh hoàng hôn, họ nhìn thấy chiếc lá cô đơn vẫn bám vào cuống lá nằm sát trên tường. Và rồi đêm đến, luồng gió bắc lại thổi, trong lúc nưa vẫn đập vào cửa sổ, rơi lộp độp từ mái hiên thấp kiểu Hà Lan xuống.

Khí trời đã sáng, Gion-xi, cô gái tàn nhẫn, đòi Xiu phải kéo rèm lên.

Chiếc lá vẫn còn đó!

Gion-xi nằm ngẫm chiếc lá một lúc lâu. Rồi nàng gọi Xiu, lúc này đang khuấy nước xúp gà cho nàng trên cái lò hơi. Nàng nói:

— Em là một đứa con gái tồi tệ. Có một cái gì đó đã giữ lại chiếc lá cuối cùng này trên cành để chúng tôi cho em thấy em xấu xa biết bao. Muốn chết, đó là một tội lỗi. Bây giờ, chị mang cho em một ít nước xúp, và một ít sữa pha chút rượu póc-tô và... không, chị đưa cho em cái gương con trước đã. Rồi đặt mấy cái gối quanh người em để em ngồi dậy xem chị nấu nướng.

Một giờ sau, Gion-xi nói:

— Xiu đi đi, một ngày nào đó em hi vọng được về vịnh Na-plơ.

Buổi chiều, bác sĩ tới, và khi ông ta ra về, Xiu lấy li do để theo ông ra hành lang.

Bác sĩ nắm lấy bàn tay run run của Xiu và nói:

— Được năm phần sống rồi. Nếu chăm sóc chu đáo, cô sẽ thắng. Giờ thì tôi phải thăm một ca khác ở tầng dưới. Tên ông ấy là Bơ-men, tôi đoán là một nghệ sĩ gì đó. Cũng viêm phổi. Ông ta già yếu, mà cơn bệnh lại ác liệt. Không hi vọng đâu, nhưng hôm nay sẽ đưa đi bệnh viện, thuận tiện hơn.

Hôm sau, Bác sĩ bảo Xiu:

— Cô ấy đã thoát khỏi nguy hiểm rồi. Cô đã thắng lợi. Bây giờ chỉ cần bồi dưỡng và chăm sóc, thế thôi.

Chiều hôm đó, Xiu đến bên giường, Gion-xi đang nằm vui vẻ đan một cái khăn quàng len để phủ lên vai, màu xanh ngát và chẳng dùng làm gì được. Xiu đưa một tay ôm Gion-xi cùng những cái gối và tất cả những thứ đó rồi nói:

— Chị có chuyện này kể cho em nghe nhé, đứa em bé bỏng của chị. Hôm nay bác Bơ-men đã mất ở bệnh viện vì viêm phổi. Bác ấy ốm mới có hai ngày, sáng hôm đầu tiên, người gác cổng tìm thấy bác Bơ-men tại phòng riêng ở tầng dưới, đầu dón chẳng ai chăm sóc. Giày và quần áo ướt sũng, lạnh như băng. Mọi người không hình dung được Bơ-men đã ở đâu trong

một đêm không khiếp như thế. Rồi họ tìm thấy một cái đèn báo, vẫn còn leo lét, một cái thang đã bị kéo ra khỏi chỗ dựa cũ, một vài chiếc bút vẽ vứt bừa bãi, một bảng pha màu có màu xanh, màu vàng trộn với nhau, và này em thân yêu, em hãy nhìn ra ngoài cửa sổ mà xem chiếc lá cuối cùng ở trên tường. Em đã không tự hỏi sao chiếc lá lại không bao giờ rụng rình, không bao giờ chuyển động mỗi khi có gió thổi ư? Này, em yêu quý, đó là kiệt tác của bác Bơ-men: bác ấy đã vẽ nó ở đây vào đúng cái đêm chiếc lá cuối cùng lìa cành.

O. HEN-RI

I—Xuất xứ và tác giả:

Truyện ngắn này là của O. Hen-ri (1862-1919), một nhà văn Mỹ nghèo đã sống lang thang nhiều nơi ở Mỹ, cô bị giam giữ trong nhà tù ba năm. Từ năm 1901, ông đến ở bất cứ thành phố Niu Y-ô-cơ và chuyên viết văn. Tác phẩm của ông phần lớn là truyện ngắn.

1. *Quá-sinh-tan*: tên một vị tổng thống Mỹ được dùng đặt cho một quảng trường tại thành phố Niu Y-ô-cơ. 2. *Biệt khu*: một khu vực ở riêng ra. 3. *Làng Grin-nich*: tên một khu ở thành phố Niu Y-ô-cơ, nơi cư trú của những nghệ sĩ nghèo. 4. *Khu khu dân*: khu cư trú của những người dân nước ngoài. 5. *Ga Viên phôi*: cách nhân hóa của tác giả, gọi một chứng bệnh thành một nhân vật ác độc gây tai họa. 6. *Xu-đi*: tên gọi thân mật thay cho Xiu. 7. *Bên-dính*: phiên âm từ tiếng Anh công trình kiến trúc nhà cửa có rỗng. 8. *Đường viên-chi-sơ* áo của Nông nghệ thuật: cách nói văn vẻ. Tác ý nói ông già Bơ-men chưa có tác phẩm nào được công nhận là có giá trị nghệ thuật. 9. *Kiệt tác*: tác phẩm đạt tới đỉnh cao của nghệ thuật. 10. *Bà la sát*: tên một nhân vật trong truyền thuyết của đạo Phật, chỉ một kẻ thần hung dữ.

II—Phân trên, đoạn tả cảnh «biệt khu» ở làng Grin-nich, đọc giọng đều đều, rõ ràng để làm nổi sự bình thường của cảnh sinh hoạt trong một xóm nghèo nàn, vắng lặng. Đoạn nói đến tình hình bệnh trạng của Giôn-xi, đọc thấp

giọng, pha nét âm thầm. Những lời của cô Xiu đều toát lên sự lo lắng băn khoăn cho bạn. Những câu đoạn liên quan đến Giôn-xi đều chứa đựng sự thất vọng, buồn sầu của một con người tự thấy là không còn hi vọng kéo dài cuộc sống. Giọng nói của nàng lạnh lùng, chua chát, song vẫn có nét ngây thơ và đáng thương. Cần phải hiểu và thông cảm với Giôn-xi mới đọc đúng những đoạn tác giả nói với nàng.

Phần cuối truyện ngắn, tác giả đã dẫn người đọc đến những kết quả rất bất ngờ: bất ngờ về chiếc lá, bất ngờ về Giôn-xi, bất ngờ về bác Bơ-men. Giọng đọc cần gọi ra được cảm giác bất ngờ đó. Chiếc lá vẫn còn (đọc với giọng ngạc nhiên). Giôn-xi đổi khác, nàng đã thấy hi vọng (đọc vui hơn), hành động đẹp đẽ và cao thượng của Bơ-men (đọc với giọng trân trọng kính phục và cảm động). III-1. Cuộc đời của những nghệ sĩ nghèo ở nước Mỹ đã được tác giả thuật lại như thế nào? Các nhân vật Xiu, Giôn-xi, Bơ-men có những điểm nào giống nhau và khác nhau?

2. Hình ảnh cái cây rụng từng chiếc lá đã đưa đến những cảm xúc gì cho Giôn-xi? Tại sao Giôn-xi lại có những cảm giác ấy?

3. Hãy hình dung lại sự suy nghĩ của bác Bơ-men khi nghe cô Xiu kể về bệnh tình và tâm trạng của Giôn-xi. Bơ-men đã đi đến quyết định như thế nào? Bác đã bí mật hành động ra sao? Em thử tưởng tượng cảnh Bơ-men vẽ chiếc lá trong đêm lạnh đã diễn ra như thế nào?

4. Câu nói của Xiu đã kết thúc truyện ngắn này là: «Đó là kiệt tác của bác Bơ-men». Em có đồng ý như vậy không? Tại sao?

IV-1. Đọc diễn cảm toàn bài và kể lại câu chuyện theo trí nhớ của em.

2. Kết thúc câu chuyện, khi cô Xiu kể về nguồn gốc «chiếc lá cuối cùng» cho Giôn-xi nghe, không thấy Giôn-xi trả lời. Theo em, nếu trả lời, Giôn-xi sẽ nói gì?

3. Nếu vẽ một bức tranh tái hiện lại cảnh Bơ-men vẽ bức kiệt tác của mình thì nên vẽ như thế nào? (Những em có khả năng hãy thử vẽ bức tranh ấy).

CỔ HƯƠNG

Tôi không quên trời lạnh giá, về thăm làng cũ, xa những hai ngàn dặm mà tôi đã từ biệt hơn hai mươi năm nay.

Đang dở giữa dòng. Gần về đến làng, trời lại càng u ám. Gió lạnh lùa vào khoang thuyền, vi vu. Nhìn qua các khe hở mũi thuyền, thấy xa gần thấp thoáng mấy thôn xóm tiêu điều, hoang vắng, nằm im lìm dưới vòm trời màu vàng úa. Không nên được, lòng tôi se lại.

A, đây thật có phải là làng cũ mà hai mươi năm trời nay tôi hằng ghi lấy hình ảnh trong kí ức (?) không?

Hình ảnh làng cũ trong kí ức tôi không giống hẳn như thế này. Làng cũ tôi đẹp hơn kia! Nhưng nếu phải nhớ rõ đẹp như thế nào, nói rõ đẹp ở chỗ nào thì thật không có hình ảnh ngôn ngữ nào diễn tả ra cho được. Phảng phất thì cũng có hơi giống đây. Tôi nghĩ đang: Hân làng cũ mình vốn chỉ như thế kia thôi, tuy chưa tiến bộ hơn xưa, nhưng cũng vì rất đến nỗi thê lương như mình tưởng. Chẳng qua là tâm tình mình đã đổi khác, bởi vì về thăm chuyến này, lòng mình vốn đã không vui.

Về thăm chuyến này, ý định là đề từ gia nô lần cuối cùng. Ngôi nhà cũ nơi cả đại gia đình chúng tôi đời đời ở chung với nhau, mà chúng tôi đã phải đồng tình bán cho người ta rồi, nội năm nay phải giao cho họ. Vì thế, tôi cần phải về trước tết, vĩnh biệt ngôi nhà yêu dấu và từ giã làng cũ thân yêu, đem gia đình đến nơi đất khách tôi đang làm ăn, sinh sống.

Tính mơ sáng hôm sau, tôi về tới công nhà. Trên mái ngói, mấy con tranh khô phất phơ trước gió, đủ rõ nhà không đòi chủ không được. Những gia đình khác có lẽ đã dọn đi rồi, cho nên cảnh tượng càng hiu quạnh.

Tôi vừa bước vào gian nhà chúng tôi ở thì mẹ tôi đã chạy ra đón. Hoảng, đứa cháu vừa mới lên tám tuổi, cũng chạy theo sau.

Mẹ tôi rất mừng rỡ, nhưng nét mặt vẫn ăn một nỗi buồn thăm kín. Mẹ tôi bảo tôi ngồi xuống, nghỉ ngơi, uống trà, không dă động gì đến chuyện dọn nhà cả. Cháu Hoàng chưa gặp tôi bao giờ chỉ dám đứng đằng xa nhìn tôi chòng chọc.

Nhưng rồi chúng tôi cũng bàn đến chuyện dọn nhà. Tôi nói nhà trên kia đã thuê xong, cũng đã sắm được ít đồ đạc, giờ hãy đem các thứ đồ gỗ ở nhà này bán đi hết lấy tiền mua thêm sau. Mẹ tôi cho cũng phải và bảo hành lí đã thu xếp gọn gàng đâu vào đấy cả rồi, đồ gỗ không tiện chuyển chỗ cũng bán được một ít rồi, nhưng tiền chưa thu vén được đủ.

Mẹ tôi nói:

— Con hãy nghỉ ngơi vài hôm, đi thăm các nhà bà con một chút rồi mẹ con mình lên đường.

— Vâng.

— Có anh Nhuận Thồ lần nào đến chơi cũng nhắc nhở đến con và rất mong có ngày được gặp con. Mẹ đã nhận tin cho anh ấy biết chừng ngày nào con về. Có lẽ anh ấy cũng sắp đến thôi.

Lúc bấy giờ trong kí ức tôi, bỗng hiện ra một cảnh tượng thân tiền, kì dị: Một vầng trăng tròn vàng thắm treo lơ lửng trên nền trời xanh đậm, dưới là một bãi cát bên bờ biển, trông toàn dừa hấu, bát ngát một màu xanh rờn. Giữa ruộng dừa, một đứa bé trạc mười một, mười hai tuổi, cõ đeo vòng bạc, tay lăm lăm cầm chiếc đinh ba, đang cố sức dăm theo một con « tra » (?). Con vật bỗng quay lại, luồn qua hàng dừa bẻ, chạy mất.

Đứa bé ấy chính là Nhuận Thồ. Khi tôi quen Nhuận Thồ cách đây khoảng chừng ba mươi năm. Nhuận Thồ chỉ độ lên mười. Lúc đó thấy tôi hãy còn, cảnh nhà

sung túc, tôi đang hoang là một cậu ấm. Năm ấy là năm đến lượt nhà tôi lo giỗ tổ. Nghe nói thì cứ hơn ba mươi năm mới đến lượt lo giỗ này một lần, cho nên rất linh đình. Giỗ vào tháng giêng, lễ vật rất nhiều, các đồ tế rất sang, người đến lễ cũng rất đông, vì thế phải đề phòng mất cắp. Nhà tôi chỉ nuôi một người ở thàng (địa phương tôi, người đi làm, thuê chia làm ba hạng, ở năm gọi là «trường niên», làm thuê từng ngày gọi là «doãn công», nhà mình cũng có cây, chỉ giỗ tết, hay vụ thu hoạch, đến làm mượn cho người ta thì gọi là «ở thàng»). Người ở bên quá, làm không hết việc, liền xin thầy tôi cho gọi thàng con là Nhuận Thổ đến để trông coi các thứ đồ tế cho.

Thầy tôi bằng lòng. Tôi cũng rất thích vì đã có nghe nói đến Nhuận Thổ, lại biết Nhuận Thổ với tôi tuổi cũng suýt soát bằng nhau. Hân sinh tháng nhuận, ngũ hành khuyết thổ⁽³⁾ nên bố hân đặt tên là Nhuận Thổ. Hân bấy chim sẽ thi tài lắm.

Thế là ngày nào tôi cũng mong cho mau đến năm mới. Năm mới đến thì Nhuận Thổ cũng đến mà! Chờ mãi mới hết năm. Một hôm, mẹ tôi bảo: «Tiếng Nhuận Thổ đến rồi đấy!». Tôi liền chạy ra xem. Hân đang đứng trong bếp, khuôn mặt tròn trĩnh, nước da bánh mật, đầu đội mũ lông chim bé tí tẹo, cổ đeo vòng bạc sáng loáng. Dù biết bố hân quý hân như thế nào: sợ hân khó nuôi, bố hân đã nguyện trước thần phật làm vòng xích, xích lại. Hân thấy ai là bạn lớn, chỉ không bên lên với một mình tôi thôi. Khi vắng người, lần mới nói chuyện với tôi. Thế là chưa đầy nửa ngày, chúng tôi đã thân nhau.

Không biết bấy giờ chúng tôi nói với nhau những gì, chỉ nhớ rằng Nhuận Thổ thích chí lắm. Hân bảo lên tỉnh hân mới được trông thấy những điều hân chưa bao giờ trông thấy cả.

Hôm sau, tôi rủ hân bấy chim. Hân nói:

— Không được đâu! Phải chờ tuyết xuống cho nhiều đã. Làng em toàn đất cát, hễ tuyết xuống là em quét lấy một khoảnh đất trống, dùng một cái que ngăn chống một cái nong lớn, rắc ít lúa lép, thấy chim tước xuống ăn, đứng đằng xa giật mạnh sợi dây buộc vào cái que, thế là chim bị chụp vào nong hết. Thử nào cũng có: sỏ đồng, chào mào, «bột cô», sỏ xanh lưng.

Thế là tôi lại càng chờ ngày tuyết xuống.

Nhuận Thổ lại nói:

— Bấy giờ trời đang rét lắm. Đến mùa hè, anh xuống nhà em chơi. Ban ngày, chúng mình ra biển nhặt vỏ sò, màu đỏ có, màu xanh có, đủ cả. Có cả sò «mặt quý», sò «tay phật»⁽⁴⁾. Tối đến, em và thầy em đi canh dưa thì anh cũng đi...

— Canh trộm à?

— Không phải. Ở làng em, người đi qua đường khát nước hái một quả dưa ăn, không kể là lấy trộm. Canh là canh dưa rừng, mít, tra. Này nhé! Sang trăng. Có tiếng sột soạt. Tra đang ngón dưa đấy! Thế là cầm dính ba khe khẽ tiến lên...

Hồi đó và cho cả đến bây giờ nữa, tôi vẫn chưa biết con tra là con gì. Chẳng cần cứ vào đâu, tôi cứ tưởng tượng hình thù nó như con chó con nhưng đã to hơn.

— Nó không cần à?

— Đã có dính ba⁽⁵⁾ rồi. Tiến lên gần, thấy tra là đâm ngay. Giống ấy tinh khôn lắm. Nó quay lại, đâm thẳng về phía mình rồi lườn qua hàng mình biến mất. Lông, da nó trơn như mỡ.

Tôi chưa hề biết trên đời này lại có những chuyện mới lạ như vậy: bên bờ biển có những vỏ sò đủ màu sắc như thế kia, và có được quả dưa hấu ăn cũng phải trải qua bao nhiêu là nguy hiểm. Trước đây tôi chỉ biết quả dưa hấu bán ở hàng hoa quả mà thôi!

— Ô dặt cát chúng em, lúc thủy triều dâng lên, có rất nhiều những con « cá nhảy », cứ nhảy lung tung, hai chân như chân nhái.

Trời! Nhuận Thổ hẳn biết nhiều chuyện lạ lùng lắm, lẽ không biết! Những chuyện đó, bạn bè tôi từ trước đến nay, không ai biết cả. Chúng nó không biết là vì trong khi Nhuận Thổ sống bên bờ biển thì chúng nó, sống như tôi, chỉ nhìn thấy một mảnh trời vuông trên bốn bức tường cao bao bọc lấy cái sân mà thôi!

Nhưng tiếc thay, đã hết tháng giêng. Nhuận Thổ phải về quê hẳn. Lòng tôi xốn xang, tôi khóc to lên. Hẳn lần trong bếp, cũng khé mà không chịu về. Nhưng rồi bố hẳn cũng lôi hẳn đi. Sau đó, hẳn có nhờ bố hẳn mang lên cho tôi một bọc vỏ sò và mấy thứ lòng chim rất đẹp. Tôi cũng có vài lần gửi cho hẳn ít quà. Nhưng từ đây chúng tôi không hề gặp mặt nhau nữa.

Bây giờ mẹ tôi nhắc đến Nhuận Thổ, kỉ ức tôi bỗng dưng như bùng sáng lên trong chiếc lư. Tôi cảm thấy tựa hồ tôi đã tìm ra được quê hương tôi đẹp ở chỗ nào rồi. Tôi trả lời mẹ tôi:

— Thế thì hay quá! Anh ta ra sao?

— Anh ta ấy à? Tình cảnh cũng chẳng ra gì. — Mẹ tôi vừa nói vừa nhìn ra phía ngoài — . Mấy người kia lại đến! Nói mà đồ gỗ nhưng cứ tiện tay mang bừa đi. Mẹ phải ra xem xem sao.

Mẹ tôi đứng dậy, đi ra. Ngoài cửa có tiếng đàn bà đang hỏi chuyện. Tôi gọi cháu Hoàng đến gần, hỏi vớ vẩn: hỏi nó đã biết viết chưa, có thích đi xa không.

— Chúng ta có đi tàu hỏa không bác?

— Có, chúng ta đi tàu hỏa.

— Thế có đi thuyền không, bác?

— Có, đi thuyền trước...

Bỗng có tiếng ai lạ, the the nói to lên:

— Thế này rồi kia à! Râu mọc dài thế này rồi kia à!

Tôi giắt mình, vội ngừng đầu lên thì trông thấy một người đàn bà, trên dưới năm mươi tuổi, lưng quyền^(*) nhô ra, môi mỏng dính, hai tay chống nạnh, không buộc thắt lưng, chân đứng chạng ra, giống hệt cái com-pa trong bộ đồ vẽ, có hai chân bé tí.

Tôi rất lấy làm ngạc nhiên.

— Không nhận ra à! Ngày bé tôi vẫn bế anh đấy!

Tôi lại càng ngạc nhiên hơn. May mà lúc đó mẹ tôi bước vào, đỡ lời cho:

— Cháu nó đi xa lâu ngày thành ra quên hết cả. Con nhớ nhá!

Rồi ngoảnh về phía tôi nói:

— Đây là thím Hai Dương ở xế cửa nhà ta đây mà! Thím mở hàng bán đậu phụ.

À! Nhớ ra rồi. Hồi tôi còn bé, quả có một chị Hai Dương vẫn ngồi trong quán bán đậu phụ xế cửa nhà tôi, người ta gọi chị là « nàng Tây Thi đậu phụ ». Nhưng hồi đó, chị xoa phấn, lưng quyền không cao như thế này, môi cũng không mỏng như bây giờ. Và chị cứ ngồi suốt buổi nên tôi cũng chưa hề được nhìn thấy cái dáng điệu « com-pa » của chị. Hồi đó người ta nói, số dĩ hàng đậu phụ bán chạy là vì có chị ta. Song có lẽ vì tôi không cùng lứa tuổi với chị, cũng chưa bao giờ bị chị ta làm cho đắm đuối, nên mới quên bẵng đi. Nhưng cái « com-pa » kia lấy làm bất bình lắm, tỏ vẻ khinh bỉ, cười khẩy tôi như cười khẩy một người Pháp không biết đến Nã-phá-luân^(*), một người Mỹ không biết đến Hoa-thịnh-đốn^(*) vậy! Rồi nói:

— Quên à? Phải, bây giờ cao sang rồi thì dờ y đầu đến bọn chúng tôi nữa!

Tôi hoảng hốt, đứng dậy nói:

— Đau cổ phải thôi! Tôi...

— Thế thì tôi nói anh nghe nhé! Anh Tấn này! Anh bây giờ sang trọng rồi, còn cần quái gì các thứ đồ gỗ hư hỏng này nữa. Chuyền chớ lại lịch kịch lắm. Cho chúng tôi khuôn đi thôi. Chúng tôi nhà nghèo dùng được tất.

— Có gì đâu mà sang trọng! Chúng tôi cần phải bán các thứ này đi đề...

— Àichà! Anh bây giờ làm quan rồi mà bảo là không sang trọng? Những ba nàng hầu. Mỗi lần đi đâu là ngồi kiệu lớn tám người khiêng, còn bảo là không sang trọng? Hừ! Chẳng cái gì giốn đĩ chúng tôi đâu!

Tôi biết không thể nói làm sao được đành ngậm miệng, đứng trầm ngâm.

— Ôi chào! Thật là càng giàu có càng không dám rời một đồng xu! Càng không dám rời một đồng xu lại càng giàu có!

Mụ «com-pa» tức giận, miệng lầm bầm, quay gót thong thả đi ra, tiện tay giạt luôn đôi bít tất tay của mẹ tôi giạt vào lưng quần, cút thẳng.

Sau đó, lại có mấy người bà con hàng xóm và mấy người thân thuộc đến thăm. Tôi vừa tiếp khách vừa tìm chút thì giờ rảnh sửa soạn hành lý. Như thế mất ba bốn ngày.

Một hôm, trời rét lắm. Quá trưa, tôi vừa ăn cơm xong, đang ngồi uống trà, bỗng nghe như có tiếng ai ở ngoài đi vào. Ngoảnh ra xem tôi ngạc nhiên vô cùng vội vàng đứng dậy ra đón.

Người đi vào là Nhuận Thổ. Tuy tôi nhận ra ngay là Nhuận Thổ, nhưng lại không phải là Nhuận Thổ trong kí ức tôi. Anh cao gấp hai trước, khuôn mặt tròn trĩnh, nước da bánh mật trước kia nay đổi thành vàng xạm, lại có thêm những nếp răn sâu hóm. Cặp mắt giống hệt cặp mắt bố anh ngày trước, mí mắt viền đỏ húp mọng lên. Tôi không lấy làm lạ, ở miền biển, gió thổi suốt ngày đại đề ai cũng thế cả. Anh đội một

cái mũ lông chiên rách tươm, mặc một chiếc áo bông mỏng dính, người co ro cúm rúm, tay cầm một bọc giấy và một bầu thuốc lá dài. Bàn tay này cũng không phải là bàn tay tôi còn nhớ, hồng hào, lạnh lện, mập mạp, cứng rắn, mà vừa thô kệch vừa nặng nề, nứt nẻ như vỏ cây thông.

Lúc bấy giờ tôi mừng rỡ vô cùng, nhưng chưa biết nói thế nào cho phải, đành chỉ hỏi:

— À, anh Nhuận Thổ, anh đã đến đây à! ...

Tôi còn có rất nhiều chuyện đề nói tiếp, tưởng chừng có thể tuôn ra như nước chảy: nào là chim chào mào, nào là cá nháy, vớ sò, tra... nhưng không biết hình như có cái gì chẹn lại, chỉ loay quanh trong đầu óc, không thoát ra thành lời được.

Nhuận Thổ đứng dừng lại, nét mặt vừa hớn hớ vừa thê lương, môi mấp máy, nhưng cũng nói không ra tiếng. Rồi bỗng anh lấy một dáng điệu cung kính, chào rồi rành mạch:

— Bám ống!

Tôi như điên người đi. Thôi đứng rồi! Giữa chúng tôi đã có một bức tường khá dày ngăn cách. Thật là bí đất. Tôi cũng nói không nên lời.

Anh ta ngoảnh đầu lại gọi:

— Thủy Sinh. Con không lay ống đi kia!

Anh liền kéo đứa bé nấp sau lưng anh ra. Trông nó giống hệt anh hai mươi năm về trước, chỉ có điều vàng vọt, gầy còm hơn một tí, và cổ không đeo vòng bạc mà thôi.

— Thưa, đây là cháu thứ nam đây ạ! Chưa đi đâu bao giờ, cứ thấy ai là lùn tránh...

Mẹ tôi và cháu Hoàng chúng đã nghe thấy tiếng từ trên gác đi xuống.

Anh Nhuận Thổ nói:

— Lạy cụ ạ! Thư cụ con đã nhận được, biết ông có về chơi, thật mừng quá!

Mẹ tôi vui và nói:

— Ấy, sao lại khách tình thế! Chẳng phải là trước kia, vẫn gọi nhau bằng anh em cơ mà? Cứ gọi là anh Tấn như trước thôi!

— Ái chà! Cụ thật là... Như thế thì còn ra thế thống nào nữa. Hồi đó, còn nhỏ dại, chưa hiểu...

Anh Nhuận Thò vừa nói vừa gọi Thủy Sinh lại chào, nhưng thằng bé bẽn lẽn, bám sát vào lưng bố.

Mẹ tôi nói:

— Cháu Thủy Sinh đây à? Cháu thứ năm phải không nhỉ? Toàn là người lạ, chủ trách rứt rỏ là phải. Hoàng đâu, dẫn em ra chơi đi!

Hoàng nghe nói liền gọi Thủy Sinh. Thủy Sinh nhẹ nhàng, khoan khoái cùng Hoàng đi ra. Mẹ tôi bảo Nhuận Thò ngồi. Anh ngáp ngừng một lát rồi cũng ngồi xuống, để cái đầu thuốc dựa vào mé bàn, đưa cái gối giấy ra nói:

— Ngày đông tháng giá, chẳng có gì. Đây chỉ là ít đậu xanh của nhà phơi khô, xin ông...

Tôi hỏi thăm gia đình anh. Anh chỉ lắc đầu:

— Băm, vất vả lắm! Cháu thứ sáu cũng đã giúp được việc, nhưng nhà vẫn không đủ ăn, lại có được sống yên ổn đâu... Chỗ nào cũng hỏi tiền, chẳng có luật lệ gì cả. Mùa lại mất. Trồng được gì là gánh đi bán tất. Chỉ đóng góp vài lần là cụt vốn rồi. Không đem bán thì lại thối mục hết.

Anh cứ lắc đầu. Những nếp răn khắc sâu trên mặt anh tuyệt nhiên không động dấy. Trông anh phảng phất như một pho tượng đá. Có lẽ anh chỉ cảm thấy khổ nhưng không nói ra được hết, ngồi trầm ngâm một lúc, rồi cầm lấy dọc tàu, lặng lẽ hút thuốc.

Mẹ tôi hỏi chuyện anh, biết nhà anh bận làm việc, ngày mai phải về, lại chưa ăn cơm trưa, liền bảo anh xuống bếp rang cơm ăn.

Anh đi ra. Mẹ tôi và tôi đều than thở, buồn cho cảnh nhà anh: con đông, mùa mất, thuế nặng, lính tráng, trộm cướp, quan lại, thân hào, đầy dọa thân anh khiến anh trở thành dân dọm, mụ mẫm đi! Mẹ tôi bàn với tôi:

— Cái gì không cần chờ đi thì cho anh ta hết. Cứ đề cho tùy ý chọn, lấy cái nào thì lấy.

Đến chiều anh chọn xong mấy thứ: một đôi bàn dài, bốn chiếc ghế dựa, một bộ tam sự^(*) và một cái cân. Anh lại xin tất cả các đồng tro (ở quê tôi, người ta nấu bằng rơm, rạ, tro có thể dùng bốn ruộng), chờ khi nào chúng tôi lên đường là đem thuyền đến chở.

Đem đến, chúng tôi cũng có nói vài ba câu chuyện phiếm, toàn là những chuyện chẳng quan trọng gì. Sáng hôm sau, anh đem Thủy Sinh về.

Chín ngày sau, chúng tôi lên đường. Sáng sớm, Nhuận Thò đã đến rồi. Thủy Sinh không đi theo. Anh chỉ đem theo một đứa cháu gái năm tuổi để trông thuyền. Chúng tôi bận rộn suốt ngày, không có thì giờ trò chuyện. Khách khứa cũng nhiều. Kê đến đưa chân, người đến lấy đồ đạc. Có kẻ vừa đưa chân vừa lấy đồ đạc. Gần tối, chúng tôi xuống thuyền thì tất cả đồ đạc trong ngôi nhà cũ, hư hỏng, to nhỏ, xấu tốt đều mang đi sạch trơn như quét.

Thuyền chúng tôi thẳng tiến. Trong hoàng hôn, những dãy núi xanh hai bên bờ sông đen sẫm lại, nối tiếp nhau chạy lùi về phía sau lái.

Tôi và cháu Hoàng ngồi tựa cửa thuyền, cũng nhìn phong cảnh mờ ảo bên ngoài. Bỗng cháu Hoàng hỏi:

— Bác này! Lúc nào chúng ta lại trở về nhỉ?

— Trở về? Sao cháu chưa đi đã nghĩ đến chuyện trở về?

— Nhưng mà thằng Thố Sinh nó hẹn cháu đến nhà nó chơi cơ mà!

Hoàng giương to đôi mắt đen nháy nhìn tôi, ngây người suy nghĩ.

Tôi và mẹ tôi cũng đều có ý buồn, thế là lại nhắc đến Nhuận Thổ. Mẹ tôi nói:

— Cái chị Hai Dương, «nàng Tây Thi đầu phụ» ấy mà! Từ khi nhà ta bắt đầu sửa soạn hành lễ, chẳng ngày nào là chị ta không đến. Hôm trước, chị ta đứng cạnh đồng trống, moi ra hơn mười chiếc, cả bát lẫn đĩa, bần tăn một hồi rồi nói quyết rằng Nhuận Thổ vui vào đây đề khi nào xúc tro là mang đi luôn. Chị ta khám phá ra việc đó, tự cho mình là có công, liền lấy ngay cái «cầu khí sát» (một dụng cụ ở quê tôi người ta dùng nuôi gà làm bằng một tấm ván, trên có song song, trong đựng thức ăn, gà chỉ việc thò cổ vào mồm còn chó thì đứng nhìn, chịu chết), rồi chạy biến. Tuy chị ta lùn và chân bé tí tẹo thế mà chạy cũng nhanh đáo đỗi.

Ngôi nhà cũ xa dần, phong cảnh làng cũ cũng mờ dần, nhưng lòng tôi không chút lưu luyến. Tôi chỉ cảm thấy xung quanh tôi là bốn bức tường vô hình, nhưng rất cao, làm cho tôi vô cùng lẻ loi, ngột ngạt. Hình ảnh đứa bé oai hùng, cổ đeo vòng bạc, đứng giữa ruộng dưa hấu, tôi vốn nhớ rõ lắm, nhưng bây giờ bỗng nhiên cũng mờ nhạt đi, khiến tôi lại càng thêm ảo não.

Mẹ tôi và cháu Hoàng đã ngủ rồi.

Tôi nằm xuống, nghe nước róc rách vỗ vào mạn thuyền, biết là tôi đang đi theo con đường của tôi. Tôi nghĩ bụng: tôi và Nhuận Thổ, tuy cách bức đến như thế này, nhưng con cháu chúng tôi vẫn còn thân thiết với nhau. Chẳng phải là cháu Hoàng đang tưởng nhớ đến Thố Sinh đâu? Tôi mong ước chúng nó sẽ không giống chúng tôi, không bao giờ phải cách bức nhau cả... Nhưng tôi cũng không muốn chúng nó vì thân thiết với

nhau mà phải vất vả, chạy vạy như tôi, cũng không muốn chúng nó phải khổ khổ mà dấn dộn như Nhuận Thổ; cũng không muốn chúng nó phải khổ khổ mà tàn nhẫn như bao nhiêu người khác. Chúng nó cần phải sống một cuộc đời mới, một cuộc đời mà chúng tôi chưa từng được sống.

Tôi nghĩ đến những niềm hi vọng, bỗng nhiên hoảng sợ. Khi Nhuận Thổ xin chiếc lu hương và đôi đèn nến, tôi cười thầm, cho rằng anh ta lúc nào cũng không quên sùng bái tượng gỗ.

Nhưng bây giờ, điều tôi đang gọi là hi vọng đây, biết đâu không phải là một thứ tượng gỗ tự tay tôi chế tạo ra? Có khác chăng là những điều anh ta mong ước thì gần gũi, còn những điều tôi mong ước thì xa vời đó thôi.

Tôi đang mơ màng, thì trước mắt tôi hiện ra cảnh tượng một cánh đồng cát, màu xanh biếc, cạnh bờ biển, trên vòm trời xanh đậm, treo lủng lẳng một vầng trăng tròn vàng óng. Tôi nghĩ bụng: đã gọi là hi vọng thì không thể nói đâu là thực, đâu là hư. Cũng giống như những con đường trên mặt đất; kì thực, trên mặt đất vốn làm gì có đường. Người ta đi mãi thì thành đường thôi.

Tháng giêng năm 1921

LỖ TẤN

I - Xuất xứ: Truyện ngắn này của Lỗ Tấn in trên tạp chí Tân thanh niên tháng 5 năm 1921. Bản dịch của Trương Chính ra tiếng Việt đã được xuất bản nhiều lần, lần gần đây nhất là trong tuyển tập Truyện ngắn Lỗ Tấn (Nxb Văn học - 1971).

Tác giả: Lỗ Tấn (1881-1936), tên thật là Chu Thu Nhân, nhà văn cách mạng nổi tiếng của Trung Quốc. Mặc dầu hoàn cảnh gia đình khó khăn, ông đã cố gắng học tập, tự trang bị vốn kiến thức phong phú (văn học, khoa học), cuối cùng chuyển hẳn sang hoạt động văn nghệ. Được giác

ngô tư trông vô sản, ông chuyên dùng ngòi bút đề lên áo chủ nghĩa xã hội, chế độ phong kiến và chính quyền, phân động. Ông được đánh giá như người thầy của nền văn học vô sản Trung Quốc.

Tác phẩm chính của Lỗ Tấn: *Nhật kí người điên* (1918) *A.O. chết trong* (1921), *Cáo thét* (1923) *Bằng hoàng* (1926), *Chuyện cũ viết lại* (1936) và 9 tập tạp văn.

1. *Kể lại trí nhớ* (về những việc đã qua). 2. *Tra tên* một giống thú thuộc loài lợn rừng. 3. *Ngũ hành khuyết thổ*: theo quan niệm duy tâm về tướng số thì người ta có ngũ hành: kim, mộc, thủy, hỏa, thổ. Nhân vật trong truyện này sinh vào tháng nhuận nên thiếu mất một hành là hành thổ, vì thế phải đặt tên là Nhuận Thổ. 4. *Sở "mặt quỷ" và "tay phải"*: các giống sô được đặt tên theo hình dáng vô ngoại của chúng. 5. *Đinh ba*: loại vũ khí có cán dài đầu bằng sắt chia ra nhiều mũi nhọn để đâm, xia. 6. *Luồng quyền*: hai bên gò má. 7. *Na-Pha-Luân*: tên một hoàng đế nước Pháp (phiên âm theo kiểu cũ của Trung Quốc) nổi tiếng khắp thế giới vào đầu thế kỉ XIX (tiếng Pháp đọc là Na-pô-lé-on). 8. *Hoa-Thỉnh-Đôn*: tức Oa-sinh-ton (1732 - 1799) tên vị tổng thống đã sáng lập ra nước Cộng hòa Mĩ.

II - Đoạn trên thuật lại việc chuẩn bị xa rời quê hương của tác giả: đọc đều giọng rõ ràng, gợi được cảm giác lưu luyến của người sắp xa quê.

Đoạn nhân đến Nhuận Thổ và hồi tưởng lại cảnh vui chơi gần gũi giữa hai người hồi còn nhỏ: giọng đọc phải tha thiết, vui tươi. Những câu là lời trò chuyện của hai người, giọng đọc phải bộc lộ sự hồn nhiên, ngây thơ mà linh lợi của hai chú bé đang tuổi ham chơi.

Đoạn hai người bạn cũ gặp nhau: Nhuận Thổ đã thay đổi không dám coi người bạn cũ là ngang hàng với mình nữa. Giọng nói của anh rụt rè, có phần sợ hãi, cầu khẩn, hạ mình, làm cho Tấn "như điếng người đi". Giọng đọc ở đây cần bộc lộ sự ngao ngán, buồn rầu, không còn vẻ cởi mở, vẫn và như giọng đọc ở đoạn trên nữa.

Cần cuối cùng cũng phải đọc theo giọng buồn rầu ấy nhưng nỗi buồn đã lắng xuống mà phần ưu tư rõ rệt hơn. Cần phải đọc với giọng trầm ngâm, tự lự, kết thúc như một tiếng thở dài khe khẽ.

III - 1. Qua câu chuyện em thấy giữa Tấn (nhân vật tôi) và Nhuận Thổ trong những năm thơ ấu đã hình thành một tình bạn như thế nào? Những chi tiết nào trong truyện đã ghi dấu được tình bạn ấy (tức các chi tiết qua thời gian, không gian, ngôn ngữ và tính tình của hai nhân vật). Hai gia đình này khác nhau về hoàn cảnh địa vị, tại sao hai đứa bé lại chơi thân với nhau?

2. Sau hai mươi năm xa cách, hai người bạn lại gặp nhau. Sự thay đổi trong quan hệ tiếp xúc đã diễn ra như thế nào?

- Nhuận Thổ thay đổi cách xưng hô với Tấn là thực tình hay giả dối? Điều gì đã buộc anh phải thay đổi cách xưng hô?

- Kể lại những hành động của Nhuận Thổ khi gặp lại Tấn và gia đình Tấn? Những hành động ấy có chứng tỏ sự đổi thay của Nhuận Thổ không?

- Việc Nhuận Thổ đưa thêm đứa con nhỏ của mình đến chào Tấn có ý nghĩa gì? Sự việc này có làm tăng thêm ý nghĩa của câu chuyện không?

3. Câu chuyện được đặt tên là *Cổ hương*: (làng cũ). Em hiểu thế nào về cái tên ấy? Nghĩ về làng cũ, nhân vật Tấn trong câu chuyện đã có những cảm tưởng phức tạp, em đồng cảm với nhân vật này ở những điểm nào?

IV - 1. Tóm tắt lại truyện này theo sự tiếp thu và ghi nhớ của em (viết thành bài ngắn trong vở)

2. Giả sử sau khi định cư ở vùng đất mới, cháu Hồng nhớ đến Thủy Sinh và muốn gửi thư cho chú bé này. Cháu nhớ em viết hộ thư, em sẽ viết trong thư những điều gì?

BÀI 29

TÍNH CÁCH NGA

Tính cách (1) Nga! - Cái nhan đề đó quả là quá lớn đối với một truyện ngắn. Nhưng biết làm sao khi chính tôi lại muốn nói với anh về tính cách Nga.

Tình cách Nga! Thật là khó mà khắc họa nổi... Kể về các chiến công anh hùng chẳng? Nhưng những chiến công như vậy lại nhiều tới mức khiến tôi lúng túng chẳng biết sẽ kể về chiến công nào. May sao một câu chuyện không dài lắm trong đời tư của một người tôi quen đã giúp tôi thoát khỏi thế bí. Tôi sẽ không kể chuyện anh ta đã chiến đấu với bọn phát xít Đức như thế nào, mặc dù trên ngực anh lấp lánh những huân chương, trong đó có cả một huân chương Sao Vàng. Đó là một con người giản dị, trầm lặng, bình thường, nông trang viên của một làng ở khu vực sông Vôn-ga thuộc tỉnh Xa-ra-tốp. Nhưng so với những người khác, anh là người có thân hình lực lưỡng, cân đối và diều tra. Những khi anh nhô đầu lên khỏi tháp pháo xe tăng, người ta mê mải ngắm nhìn anh, — đúng là một chiến thần!

Anh nhảy từ trên tháp pháo xe tăng xuống, tháo chiếc mũ công tác khỏi mái tóc quần dẫm mồ hôi, lấy vạt áo rách lau bộ mặt lem luốc và thế nào cũng mỉm cười khoan khoái.

Trong chiến tranh, con người luôn gần kề cái chết, người ta trở nên tốt đẹp hơn, những điều nhỏ nhặt, vặt vãnh đều bong tuột đi như những lớp da bị rộp lên sau khi tắm nắng, và con người chỉ còn lại cái phần hạt nhân cốt lõi. Lẽ cố nhiên, ở người này cái hạt nhân ấy rắn chắc hơn và ở người kia thì mềm nhũn hơn, nhưng ngay cả những người hạt nhân có khuyết tật cũng đều cố gắng vươn lên và ai cũng muốn trở thành những người tốt và đáng tin cậy. Anh bạn mà tôi quen, Ê-gô Đre-mốp thì ngay trước chiến tranh đã là người biết xử sự nghiêm túc, hết lòng yêu kính bà mẹ Ma-ri-a Pô-li-các-pốp-na và người cha của anh, ông Ê-gô Ê-gô-rô-vích: «Cha tôi là một người đúng mực, và trước hết ông là một người biết tự trọng. «Con ạ, — ông nói, — rồi con sẽ nhìn thấy nhiều điều trong cuộc

đời, rồi con sẽ đi ra cả nước ngoài nữa, nhưng con hãy tự hào được là người Nga...»

Cô bạn gái của anh cũng là người cùng làng trên bờ sông Vôn-ga. Ở chỗ chúng tôi, người ta thường chuyện trò rất nhiều về người yêu, vợ con, đặc biệt là những phút im lặng ngoài mặt trận, lúc trời lạnh giá và ngồi dưới hầm ăn bữa tối bên ngọn đèn dầu, bên bếp củi cháy lách tách. Lúc ấy thôi thì đủ chuyện — ai cũng phải giống tai lên mà nghe. Chẳng hạn: «Tình yêu là gì?». Một người lên tiếng: «Tình yêu nảy nở từ sự kính trọng...». Người thứ hai bác lại: «Không phải thế, tình yêu — đấy là thói quen, người ta không chỉ yêu vợ, mà còn yêu cả bố, mẹ, thậm chí cả các con vật nữa...» — «Chà, thật là dớ dẩn! — người thứ ba tiếp lời, — tình yêu đấy là khi cậu cảm thấy mọi thứ trong mình sôi sục, là khi con người chệnh choáng hơi men...». Và mọi người cứ triết lý như thế hàng giờ cho mãi tới khi đồng chí chuẩn úy, với giọng nói gần như ra lệnh, phải can thiệp, mà cũng chẳng thể xác định thực chất của vấn đề... Hân là Ê-gô Đre-mốp, bên lên thẹn thùng về những chuyện ấy, anh chỉ nhắc qua với tôi về cô bạn gái, một cô gái tốt bụng, và nếu như cô ấy nói là cô ấy sẽ chờ đợi, thì cô ấy nhất định sẽ chờ đợi, mặc dù anh trở về đã mất một chân... Đre-mốp cũng không thích kể về những chiến công. «Tôi chẳng thích nhớ đến những chuyện ấy!», anh chau mày và hút thuốc. Chúng tôi chỉ được biết những chiến công của anh qua lời kể của anh em cùng cấp chiến đấu. Đặc biệt, anh linh lái xe tăng Tsu-vi-lép đã kể nhiều chuyện ngạc nhiên về Ê-gô Đre-mốp.

—... Anh biết không, chúng tôi chỉ kịp vừa triển khai đội hình, tôi nhìn ra đã thấy xe tăng địch từ phía sau cái mồm đồi thấp, bò ra... Tôi hét lên: «Đồng chí trung úy, «Con cạp!», «Tiến lên, — trung úy quát, — hết tốc độ!...». Tôi cho xe lăn vào khu rừng thông non,

ngồi sang phải, rồi sang trái... « Con cọt » chữa nòng pháo ra như thăng mù, thành ra bán trượt... Còn trung úy, trung úy đã nện ngay một phát vào sườn tăng địch, mảnh vụn bắn tung tóe! Anh ấy bồi tiếp một phát nữa vào tháp pháo—thế là nòng pháo chòng ngược lên, tới phát thứ ba thì khối phì ra từ các khe hở và một ngọn lửa bùng lên cao đến trăm mét... Mấy thăng lính tăng Đức bỏ ra qua cửa phụ... I-va và Láp-sin quát một tràng súng máy, chúng nó nằm dờ ra, giãy giụa... Anh có hiểu không, với chúng tôi, thế là đường đã thông. Chỉ năm phút sau, xe tăng chúng tôi đã xông thẳng vào làng. Ở đây tôi đến chết mệt vì buồn cười... Bọn phát xít ba đứa nào đứa này chạy... Anh có biết không, đường làng tôi lầy lội, có thăng đã văng mất cả ủng chỉ còn độc bít tất, nó chạy như ma đuổi! Chúng nó ùa về phía kho cỏ. Đồng chí trung úy ra lệnh cho tôi: « Phóng về phía kho cỏ ». Tôi quay tháp pháo trở lại, mở hết ga. Cha mẹ ơi! Những rầm xà, những tầm ván, gạch ngói rơi xuống thành xe loảng xoảng, mấy thăng chó chết đang chúi đầu trong kho... Tôi nhấn ga cho xe lướt qua chướng ngại, mấy cánh tay chới vơi—thế là mấy thăng Hit-le (?) đi đời... ».

Đây, trung úy Ê-gô Drê-mốp đã chiến đấu anh dũng như thế cho đến khi có chuyện rủi ro xảy ra với anh. Trong chiến dịch Cuộc-xeo, khi bọn phát xít Đức đã kiệt sức và run rẩy, thì xe tăng của trung úy Drê-mốp đang ở trên cái gò giữa cánh đồng lúa mì bị trúng đạn sau phát đạn thứ hai—xe tăng bốc cháy. Hai người trong kíp chiến đấu hi sinh. Chiến sĩ lái Tsu-vi-lép đã chui ra khỏi xe tăng qua cửa trước, nhưng rồi anh lại trèo lên xe và kịp kéo trung úy Drê-mốp đã ngất lịm, quần áo cháy sém ra khỏi xe. Tsu-vi-lép chỉ vừa kịp ló. Drê-mốp ra thì chiếc xe tăng đã nổ tung, mảnh tới mức làm tháp pháo văng ra xa tới năm mươi thước. Tsu-vi-lép lấy tay bốc đất hất lên mặt, lên đầu Drê-mốp để dập tắt lửa. Rồi anh kéo Drê-mốp, bỏ qua

nhiều hố đạn đại bác để tới trạm cứu thương... « Tại sao lúc đó tôi lại lòi trung úy đi à? —Tsu-vi-lép nói,—bởi vì tôi nghe thấy tim của trung úy còn đập... ».

Ê-gô Drê-mốp thoát chết, và thậm chí không bị hỏng mắt, cho dù mắt anh bị hỏng rất nặng có chỗ trông rõ cả xương. Tám tháng ròng Drê-mốp phải nằm ở viện quân y, các bác sĩ đã làm phẫu thuật chỉnh hình, nhờ thế mà phục hồi được cả môi, mũi, mí mắt và tai. Sau tám tháng, khi tháo băng, Drê-mốp thấy mắt của mình không còn giống như trước. Có ý tá, sau khi đưa cho anh mượn cái gương nhỏ, đã quay mặt đi và òa khóc. Drê-mốp lập tức đưa trả lại cho cô gái chiếc gương.

—Nhiều khi còn tồi tệ hơn nữa kia, dù sao cũng còn là may — Drê-mốp nói, như thế này vẫn có thể sống được.

Từ lần ấy, Drê-mốp chẳng bao giờ hỏi mượn gương của cô y tá nữa, anh chỉ lấy tay sờ lên mắt, hình như để che giấu điều gì. Mọi đồng giám định y khoa cho rằng, giờ thì Drê-mốp chỉ còn có thể phục vụ ở đơn vị hậu cần thôi. Drê-mốp lập tức tới gặp thiếu tướng và nói: « Xin đồng chí cho phép tôi được trở lại trung đoàn ». « Nhưng đồng chí bây giờ là thương binh kia mà », — thiếu tướng nói: « Không đúng, tôi bị tàn tật thật, nhưng điều đó chẳng hề cản trở công việc, tôi sẽ phục hồi⁽³⁾ hoàn toàn khả năng chiến đấu ». (Ê-gô Drê-mốp nhận thấy rằng, trong lúc tiếp chuyện anh, thiếu tướng cố ý không nhìn vào mắt anh, song anh chỉ nhếch mép cười). Drê-mốp được nghỉ phép hai mươi ngày để phục hồi sức khỏe, anh đã quyết định về nhà thăm bố mẹ. Lúc ấy là tháng Ba vừa rồi.

Lúc xuống ga xe lửa, Drê-mốp cứ chắc mồm sẽ thuê được xe ngựa, nhưng rồi anh đã phải cưỡi bộ mười tám véc-xia. Tuyết vẫn còn phủ trắng xóa, trời âm ỉ, cơn đường vắng lặng, gió lạnh thổi tung vạt áo choàng, và tiếng gió vun vút bên tai gợi lên một nỗi buồn hiu

quanh. Drè-mốp về tới làng lúc trời đã nhá nhem. Cái giếng dầu làng với chiếc cần múc nước đang dựng dựa kéo kẹt. Ngôi nhà thứ sáu kia là nhà của cha mẹ anh. Thốt nhiên, Drè-mốp thọc tay vào túi áo khoác và đứng sững lại. Drè-mốp lắc lắc đầu. Anh đi theo lối tắt về nhà. Drè-mốp đứng trong đám tuyết ngập đến đầu gối, nhìn vào cửa sổ, — dưới ánh sáng lơ mơ của ngọn đèn vặn nhỏ, mẹ anh đang cúi húi dọn bữa tối. Mẹ vẫn đội cái khăn màu đen ấy, vẫn lặng lẽ, trầm tĩnh và hiền hậu. Mẹ đã già hơn, đôi vai gầy nhỏ cao lên... «Chào ôi, nếu như con biết thế này, thì con đã viết thư cho mẹ mỗi ngày một lá, dù chỉ đôi dòng...». Mẹ đặt mấy món ăn sơ sài lên bàn—cốc sữa, miếng bánh mì, hai cái thìa, lọ muối—rồi mẹ đứng trước bàn, khoanh đôi tay gầy guộc lên trước ngực và trầm tư... Ê-gô Drè-mốp ngấm mẹ qua cửa sổ, anh hiểu rằng không nên làm cho mẹ sợ hãi, không nên để nét mặt nhăn nhoe của mẹ phải run rẩy tuyệt vọng. Thôi được! Drè-mốp mở cửa và đi vào san, anh khẽ gõ cửa. Bà mẹ hỏi vọng ra: «Ai đó?». Anh đáp: «Trung úy. Anh hùng Liền Xô Grô-mốp».

Drè-mốp hồi hộp, tim đập thình thịch, đứng tựa vai vào then cái cửa. Không, mẹ đã không nhận ra giọng nói của anh. Cả anh nữa, dường như đây là lần đầu tiên anh nghe thấy giọng nói đã thay đổi sau bao lần phẫu thuật (') của mình—giờ đây nó đã trở nên dửng dục, khàn khàn nghe không rõ nữa.

— Ôi chào, anh cần gì vậy?—bà mẹ hỏi.

—Cháu muốn chuyển lời hỏi thăm của thượng úy Drè-mốp tới bà Ma-ri-a Pô-li-các-pốp-na.

Bà mẹ vội vã mở cửa và bước lại nắm lấy hai tay anh:

—Thằng Ê-gô nhà tôi còn sống chứ anh? Nó khỏe chứ? Ôi chào, anh vào nhà đi chứ!

Ê-gô Drè-mốp ngồi xuống chiếc ghế dài bên bàn, đúng chỗ mà anh vẫn ngồi lúc nhỏ, lúc chân anh còn chưa chạm đất, và mẹ anh vẫn thường vuốt ve mái tóc quăn quăn của anh, rồi nói: «Ăn đi, con yêu của mẹ». Và Drè-mốp bắt đầu kể cho bà nghe về đứa con trai của bà, về chính mình, anh kể tỉ mỉ—Ê-gô đã ăn ra sao, uống thế nào, chẳng thiếu thứ gì, luôn luôn khỏe mạnh và vui vẻ, anh kể vắn tắt về các trận chiến đấu mà anh cùng với chiếc xe tăng của mình đã tham dự.

—Cháu nói đi, ở ngoài mặt trận khủng khiếp lắm phải không?—bà Ma-ri-a Pô-li-các-pốp-na ngắt lời và đưa đôi mắt màu thâm nhìn thẳng vào anh, nhưng vẫn không nhận ra con mình.

—Vâng, tất nhiên là khủng khiếp lắm, mẹ ạ, nhưng chúng con đã quen rồi.

Cha anh đã về, ông Ê-gô Ê-gô-rô-vích, mấy năm qua cũng đã yếu đi nhiều. Râu cằm ông đã bạc phơ cả. Đưa mắt nhìn khách, ông đứng giậm chân trong đôi ủng rách ở bậc cửa, thông thả cởi khăn và áo ấm rồi bước lại bên bàn chìa bàn tay cho khách—ô! chào, cái bàn tay quen thuộc, to rộng và cằn cù của bố! Ông Ê-gô Ê-gô-rô-vích không hỏi gì, bởi lẽ chẳng hỏi cũng rõ người khách ngực đầy huân chương tại sao ngồi đây, ông ngồi xuống ghế, mắt lim dim, lắng nghe.

Trung úy Drè-mốp, mà cả nhà không ai nhận ra, càng ngồi kể chuyện lâu hơn về mình và về những người khác, thì anh càng cảm thấy mình không sao có thể thú nhận được, có nghĩa là, đứng lên và nói: bố ơi, mẹ ơi, xin hãy nhận lấy đứa con trai bị tàn tật!.. Anh cảm thấy sung sướng và dễ chịu được ngồi bên chiếc bàn của bố mẹ, nhưng cũng cảm thấy buồn bực.

—Nào, ta đi ăn bữa tối đi thôi, bà nó mang thứ gì ra đãi khách đi.

Ông Ê-gô Ê-gô-rô-vích mở chiếc tủ cũ kĩ mà ở góc bên trái có những chiếc lưới câu đựng trong bao

chỉ gặt đầu bởi anh không nói được nên lời). Đêm ngày em vẫn mong đợi anh ấy, xin anh nói giùm với anh Ê-gô như vậy...

Ca-chi-a bước lại gần. Cô đưa mắt nhìn anh và thốt ngực lại vì sợ hãi. Ngay lúc ấy, Drê-mốp đã quyết định thế nào ngày hôm nay anh cũng sẽ ra đi.

Bà Ma-ri-a Pô-li-các-pốp-na đã nướng xong những chiếc bánh bột kê trộn sữa đặc. Và anh lại kể về trung úy Drê-mốp nhưng lần này anh kể về những chiến công của trung úy, anh kể một cách nghiêm túc và cũng chẳng hề ngoảnh mặt về phía Ca-chi-a để khỏi phải nhìn thấy bóng dáng nét mặt tàn tạ của mình phản chiếu trên gương mặt xinh đẹp của cô gái. Ông Ê-gô Ê-gô-rô-vích lo đi mượn xe ngựa của nông trang, nhưng Drê-mốp đã lại cuộc bộ ra ga, như khi trở về nhà. Anh cảm thấy đau lòng về tất cả những chuyện đã xảy ra, có lúc, thậm chí anh đứng dừng lại, lấy tay tát thẳng vào mặt mình và làm hăm hăm một tiếng khàn khàn: « Giờ thì biết làm sao đây? ».

Ê-gô Drê-mốp đã trở về trung đoàn lúc đó đang đóng sâu trong hậu cứ để chuẩn bị đi bờ sung chiến đấu. Đồng đội đón anh với niềm vui chân thành, đến mức Drê-mốp quên đi những điều phiền muộn đã làm anh không ăn, không ngủ, không thở được. Anh quyết định: cứ để cho mẹ chạm biết tới nỗi bất hạnh của con trai càng lâu càng tốt. Nhưng còn về phía Ca-chi-a - cần phải dứt cái dăm ấy ra khỏi trái tim thôi.

Hai tuần lễ sau, Drê-mốp nhận được lá thư của mẹ:

« Con trai yêu quý của mẹ. Mẹ sợ ngay cả việc phải viết thư cho con, mẹ cũng chẳng biết phải nghĩ thế nào nữa. Có một người ở đơn vị con vừa ghé thăm nhà ta, anh ấy là một người rất tốt, chỉ có điều có bộ mặt dễ sợ. Lúc đầu anh ấy định ở lại nhà ta một thời gian, nhưng rồi đột nhiên anh ấy lại đi ngay. Từ hôm ấy, đêm đêm mẹ không làm sao chợp mắt được mẹ cứ

nghĩ là chính con đã về nhà. Bố con cứ mắng mẹ về chuyện ấy và trách mẹ là lần thần: nếu như đó là con trai của chúng ta, lẽ nào nó lại không nói thật. Việc gì nó phải giấu, nếu như nó chính là thằng Drê-mốp nhà ta, một bộ mặt như cái anh đã về nhà ta là bộ mặt đáng tự hào. Bố con khuyên nhủ mẹ như thế, nhưng trái tim của mẹ thì lại cứ dính ninh: con đây chính con đã về thăm nhà! ... Anh ta đã nằm ngủ trên bếp lò, và mẹ đã mang áo choàng của anh ấy ra sân và chải sạch, mẹ đã úp mặt vào áo và òa lên khóc. Đúng là con, đây chính là áo của con! ... Ê-gô, con hãy viết thư về cho mẹ đi, lấy Chúa, kéo không thì mẹ phát điên lên mất, đầu đuôi mọi chuyện là như thế nào? Chẳng lẽ mẹ lần thần thật rồi sao... ».

Ê-gô Drê-mốp đưa lá thư cho tôi, I-van Xu-đa-rép, anh vừa kể lại tất cả mọi chuyện, vừa lấy tay áo lau nước mắt. Tôi bảo anh ta: « Mình đã nói mà, cái tính cách của cậu nó kì quái lắm! Thật là ngốc, ngốc hết sức, cậu phải viết thư ngay về cho mẹ và xin lỗi mẹ, kéo không mẹ cậu sẽ phát điên lên... Mẹ cậu cần chỉ tới cái về ngoài của cậu! Bây giờ cậu như thế này thì mẹ cậu lại còn yêu cậu hơn trước kia đây ».

Ngay ngày hôm đó, Drê-mốp đã viết một lá thư: « Bố mẹ kính yêu, xin tha lỗi cho con vì cái tội ngu xuẩn ấy, chính là con, con trai của bố mẹ đã về nhà hôm ấy... ». Cả bốn trang giấy đặc những chữ nhỏ li ti và anh còn có thể viết được hai chục trang nữa kia.

Ít lâu sau, một hôm, tôi cùng Ê-gô đang ở trường bắn thì một chiến sĩ chạy tới: « Báo cáo đồng chí đại úy, có người hỏi đồng chí... » Và mặc dù đồng chí chiến sĩ đứng nghiêm báo cáo đúng như điều lệnh, nhưng về mặt của anh là về mặt của một người sắp được đánh chén. Chúng tôi đi về thị trấn, đến ngôi nhà mà tôi và Drê-mốp đang ở. Tôi thấy Drê-mốp có vẻ lưỡng lự, cứ dặng hăng luôn... Tôi nghĩ thầm: « Linh xe



tăng, lính xe tăng gì mà dễ xúc động thế? ». Hai chúng tôi bước vào nhà, Drê-mốp đi trước, và tôi nghe thấy: « Mẹ ơi, con đây!... ». Một bà lão nhỏ bé ngã vào ngực anh. Tôi liếc nhìn, hóa ra ở đây còn có một thiếu nữ nữa. Nói thực lòng, cô thì còn có những người thiếu nữ đẹp ở các vùng khác nữa, nhưng riêng tôi, tôi chưa bao giờ nhìn thấy một cô gái đẹp như thế.

Drê-mốp hướng mẹ ra, bước lại gần cô gái ấy, và tôi lại nhớ đến cái vẻ ngoài của một chiến thần: « Ca-chi-a! — Drê-mốp nói — Ca-chi-a, cô tới đây làm gì? Cô hứa sẽ đợi chờ một người khác, chứ đâu phải một người như thế này... ».

Dù đã ra phòng ngoài, tôi vẫn nghe tiếng cô gái Ca-chi-a xinh đẹp trả lời: « Ê-gô, em sẽ sống với anh trọn đời. Em sẽ yêu anh chung thủy, em rất yêu anh... Đừng gạt bỏ em... ».

Đây, cái tính cách Nga là như thế! Một con người chừng như là bình thường, nhưng khi gặp thử thách gay go, dù lớn hay nhỏ, ở con người ấy cũng sẽ trỗi dậy mọi sức mạnh vĩ đại — vẻ đẹp con người.

A.TÔN - XTÔI
(TRẦN DUY THANH dịch)

1— Xuất xứ: Bản dịch này rút ở cuốn *Tính cách Nga* (Nxb Cầu Vồng - Mát-xcơ-va, 1986). A.Tôn-xtôi sáng tác truyện ngắn này vào thời kì quân đội và nhân dân Liên Xô đang dốc toàn lực để đánh đuổi bọn phát xít, quân Đức đang thất bại thảm hại trên chiến trường Liên Xô.

Tác giả: A-lếch-xây Nhi-cô-lai-ê-vich Tôn-xtôi (1883-1945), nhà văn Xô viết: tác giả của hai tác phẩm lớn trong văn học Xô viết: *Con đường đau khổ* và *Pi-ê-đê nhất*, sinh tại thành phố Nhi-cô-lai-ép-ski nay là Pa-ga-bốp. Ông là một nhà văn lớn đồng thời là nhà hoạt động xã hội xuất sắc. Năm 1934 ông được bầu vào Ban Chấp hành Hội nhà văn Liên Xô, năm 1937 được bầu là đại biểu Xô viết tối cao Liên Xô.

1. *Tính cách*: ở đây chỉ đặc điểm, phẩm chất của con người. 2. *Hít lại*: tên trâm phát-xít Đức gây ra chiến tranh thế giới lần thứ II và xâm lược Liên Xô. 3. *Phục hồi*: lại trở lại như cũ (sức khỏe được phục hồi). 4. *Phẫu thuật*: mổ xẻ.

II—Đọc đoạn đầu từ đầu đến «... về thăm cha mẹ»; cần đọc rành rọt, thông thả như giọng kể chuyện. Chú ý ngôn ngữ đối thoại của các nhân vật. Giọng của Sa-vi-li-ốp thì hào hứng, sôi nổi khi kể về chiến công của trung úy Ê-gô Dre-mốp. Lời của Ê-gô Dre-mốp khi nói với viên tướng xin chiến đấu thì tha thiết và tin tưởng. Đọc đoạn cuối từ: «Sáng hôm sau...» đến hết; cần chú ý đến ngữ điệu của đoạn đối thoại giữa các nhân vật để bộc lộ qua giọng đọc tình cảm vừa ám áp vừa tha thiết. Lời kể của tác giả cần đọc với giọng tự nhiên như giọng kể chuyện và sống động như đang sống với câu chuyện xảy ra trước mắt.

III—1. Nhân vật Ê-gô Dre-mốp có những đặc điểm gì về hình dáng và tính nết? Tính cách của anh được tác giả miêu tả và khắc họa như thế nào? (qua những sự kiện, biến cố, tình huống đặc biệt qua lời nói và cử chỉ, thái độ, hành động của chính anh; qua lời nói và thái độ của các nhân vật khác đối với anh).

2. Tại sao Ê-gô Dre-mốp khi về nhà lại lấy một tên khác và giấu không cho cha mẹ và người yêu biết mình bị thương?

3. Em thử đoán xem tâm trạng của hai nhân vật—viên tướng và cô gái ở trong truyện này—như thế nào qua hai chi tiết sau đây: «Trong khi nói chuyện, viên tướng cố không nhìn anh... và hơi hé mắt» và «Cô bước lại gần anh... về mặt hoảng sợ». Đằng sau những chi tiết này em thấy viên tướng và cô gái đang có tâm trạng gì?

4. Đây, cái tính cách Nga là như thế! Một con người chừng như là bình thường, nhưng khi gặp thử thách gay go, dù lớn hay nhỏ, ở con người ấy cũng sẽ trở dậy một sức mạnh vĩ đại—về đẹp con người». Em hiểu ý nghĩa mấy câu văn trên như thế nào? (Gợi ý: những con người chừng như là bình thường ở đây là những ai? Những thử thách gay go mà họ đã gặp là gì? Thế nào

là sức mạnh vĩ đại—về đẹp của con người? Tính cách Nga được khẳng định trong truyện này như thế nào?)

IV—1. Đọc diễn cảm đoạn cuối của truyện ngắn này từ: «Sáng hôm sau...» đến hết.

2. Tóm tắt truyện ngắn này trong khoảng 20 câu.

3. Bài tập viết ngắn. Phát biểu cảm tưởng sâu sắc nhất của em sau khi học truyện ngắn này.

BÀI 30

ÔN TẬP VĂN THƠ NƯỚC NGOÀI

I—Câu hỏi ôn tập

1. Về văn thơ nước ngoài, trong cả năm học, em đã được học và đọc thêm những tác phẩm nào? Tác giả của những tác phẩm đó là ai? Ở nước nào? Và thuộc thời kì lịch sử xã hội nào? Em hãy tóm tắt từng tác phẩm.

2. Trong các tác phẩm nước ngoài mà em đã được học và đọc thêm, có chương nào, đoạn nào, sự việc, chi tiết hoặc hình ảnh nào em yêu thích hoặc để lại cho em ấn tượng sâu sắc nhất? Vì sao?

3. Em hãy phát biểu cảm nghĩ của em về một tác phẩm văn học nước ngoài đã được học hoặc đọc thêm.

Phân tích một vài nét về nội dung và nghệ thuật của một trong những tác phẩm đó.

II—Một số hình thức hoạt động ngoài giờ

1. Thi đọc diễn cảm một vài chương, đoạn của một vài tác phẩm: *Terraix Bun-ba* (Gô-gôn), *Chức là cuối cùng* (Ô. Hen-ri)...

2. Thi viết báo tường theo chủ đề: Phát biểu cảm nghĩ về tác phẩm hoặc nhân vật (các tác phẩm văn học nước ngoài đã được học và đọc thêm).

3. Thi vẽ tranh minh họa tác phẩm nước ngoài đã được học và đọc thêm.

ÔN TẬP CUỐI NĂM VỀ VĂN THƠ VIỆT NAM VÀ VĂN THƠ NƯỚC NGOÀI

I—Câu hỏi ôn tập

1. Về văn thơ Việt Nam, trong cả năm học, em đã được học và đọc thêm những tác phẩm thuộc những giai đoạn văn học nào? Em hãy kể tên những tác phẩm (có kèm theo tên tác giả) mà em đã được học và đọc thêm của một trong những giai đoạn đó.

2. Về văn thơ nước ngoài, trong những tác phẩm mà em đã được học và đọc thêm, em yêu thích nhân vật nào nhất? Vì sao?

3. Em hiểu thế nào là truyện, là thơ? Em hiểu thế nào là thơ lục bát thơ thất ngôn bát cú, thơ tứ tuyệt? Em hiểu thế nào là truyện ngắn, truyện vừa, truyện dài (tiểu thuyết)?

4. Em hiểu như thế nào là các biện pháp ẩn dụ, nhân hóa, cường điệu, câu hỏi tu từ? Tìm ví dụ ở những tác phẩm mà em đã được học và đọc thêm.

II—Một số hình thức hoạt động ngoài giờ

1. Thi đọc diễn cảm một vài chương, đoạn của một vài tác phẩm: *Ta-ratx Bun-ba* (Gô-gôn), *Cổ hương* (Lỗ Tấn), *Lao Hạc* (Nam Cao)...

2. Thi ngâm thơ một số bài thơ: *Con chim của tôi* (Tố Hữu), *Nhớ rừng* (Thế Lữ), *Đồng chí* (Chính Hữu)...

3. Thi chuyển thể thành hoạt cảnh, kịch ngắn và diễn xuất một vài chương, đoạn của một vài tác phẩm: *Đồng hào có ma* (Nguyễn Công Hoan), *Mẹ vắng nhà* (Nguyễn Thi)...

4. Thi vẽ tranh minh họa tác phẩm.

5. Di tham quan quê hương tác giả: Ngô Tất Tố, Nam Cao, Nguyễn Hồng, Nguyễn Thi ... (ở những trường lớp gần quê hương tác giả).

thuongmaitruongxua.vn

Văn 8

TẬP HAI

• In 30 000 bản, khổ 13×19
tại Nhà máy in

Sách Giáo Khoa—Hà Nội

Số in 17—Số XB126-PTCS

In xong và nộp lưu chiểu
tháng 6 năm 1990

Giá: 690đ